



TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ HÀ NỘI

**BÁO CÁO
KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC
NGHỀ NGHIỆP
NĂM 2019**

Hà Nội, tháng 11 năm 2019

NỘI DUNG CHÍNH
BÁO CÁO KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ HÀ NỘI

CÁC TỪ VIẾT TẮT

PHẦN I. GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ HÀ NỘI

1. Thông tin chung về Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội
2. Thông tin khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật
3. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội
4. Nghề đào tạo và quy mô đào tạo của Nhà trường
5. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính

PHẦN II. KẾT QUẢ TỰ KIỂM ĐỊNH CỦA TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ HÀ NỘI

1. Đặt vấn đề
2. Tổng quan chung
 - 2.1. Căn cứ tự đánh giá
 - 2.2. Mục đích tự đánh giá
 - 2.3. Yêu cầu tự đánh giá
 - 2.4. Phương pháp tự đánh giá
 - 2.5. Các bước tiến hành tự đánh giá
3. Tự đánh giá
 - 3.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá
 - 3.2. Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn
 - 3.2.1. Tiêu chí 1: Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý
 - 3.2.2. Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo
 - 3.2.3. Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động
 - 3.2.4. Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình
 - 3.2.5. Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện
 - 3.2.6. Tiêu chí 6: Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế
 - 3.2.7. Tiêu chí 7: Quản lý tài chính

3.2.8. Tiêu chí 8: Dịch vụ người học

3.2.9. Tiêu chí 9: Giám sát, đánh giá chất lượng

**PHẦN III. TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG TRƯỜNG
CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ HÀ NỘI**

PHẦN IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

PHỤ LỤC

Phụ lục 1. Quyết định thành lập Hội đồng kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp (hoặc Quyết định kiện toàn Hội đồng kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp)

Phụ lục 2. Kế hoạch tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp

Phụ lục 3. Bảng mã minh chứng

CÁC TỪ VIẾT TẮT

STT	Viết tắt	Ý nghĩa
1	QĐ	Quyết định
2	BLĐTBXH	Bộ Lao động - Thương binh & Xã hội
3	TB&XH	Thương binh và Xã hội
4	TP	Thành phố
5	SV	Sinh viên
6	ĐBCL	Đảm bảo chất lượng
7	TTNN-TH	Trung tâm ngoại ngữ - Tin học
8	KH	Kế hoạch
9	KT	Khảo thí
10	KNN	Kỹ năng nghề
11	GV	Giáo viên – Giảng viên
12	KQ	Kết quả
13	KHDV	Kế hoạch dịch vụ
14	CBGV	Cán bộ giáo viên
15	TCHC	Tổ chức hành chính
16	CSVC	Cơ sở vật chất
17	CB CCVC	Cán bộ, công chức viên chức
18	KTCN	Kỹ thuật công nghiệp
19	CĐCNHN	Cao đẳng Công nghệ Hà Nội
20	TDTT	Thể dục thể thao
21	MC	Mình chứng
22	DN	Doanh nghiệp
23	KTX	Ký túc xá
24	TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
25	KĐ	Kiểm định
26	TKB	Thời khóa biểu
27	THPT	Trung học phổ thông
28	THCS	Trung học cơ sở
29	CCVCLĐ	Công chức, viên chức, lao động

30	TC-KT	Tài chính - kế toán
31	TC-HC	Tổ chức – hành chính
32	CB	Cơ bản
33	CK	Cơ khí
34	CNTT	Công nghệ thông tin
35	LTMT	Lập trình máy tính
36	UDPM	Ứng dụng phần mềm
37	CNH	Công nghiệp hóa
38	HĐH	Hiện đại hóa
39	GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
40	NCKH	Nghiên cứu khoa học

PHẦN I. GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ HÀ NỘI

1. Thông tin chung về Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội

- Tên trường: **TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ HÀ NỘI**
- Tên tiếng Anh: **Hanoi Institute of Technology (Hitech)**
- Cơ quan chủ quản: **BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**
- Địa chỉ trường: Km 12, đường Cầu Diễn, P.Phúc Diễn, Q.Bắc Từ Liêm, Hà Nội.
- Số điện thoại liên hệ: 0243 780 5041. Fax: 0243 780 5042
- Email: khaothi.hitech@gmail.com, Website: www.hitech.edu.vn
- Năm thành lập trường (theo Quyết định thành lập): 03/8/2007
- Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: Tháng 10 năm 2007
- Loại hình trường đào tạo: Công lập: ☐ Tư thực: ☒

2. Thông tin khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật

Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội (CĐCNHN) được thành lập theo Quyết định số 3997/QĐ-BGDĐT ngày 3 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội thuộc Công ty Cổ phần Chế tạo điện cơ Hà Nội (HEM), một doanh nghiệp của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam (GELEX) - là một trong số ít trường có mô hình “trường trong doanh nghiệp” được thành lập đầu tiên tại Việt Nam.

Từ khi đi vào hoạt động (2007) đến nay, trải qua hơn 12 năm xây dựng và phát triển, Nhà trường đã dần kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý; đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên nhà trường cơ bản đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu, đảm bảo về chất lượng, có phẩm chất và năng lực để thực hiện tốt quá trình đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội và yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo; các ngành nghề đào tạo, liên kết đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn ngày càng phát triển đa dạng; chất lượng đào tạo không ngừng được nâng cao.

Trường CĐCNHN đào tạo lao động có trình độ thực hành chất lượng cao, đa ngành nghề, có uy tín trong khu vực về các lĩnh vực: Công nghệ cơ khí, Công nghệ kỹ thuật Điện - Điện tử, Công nghệ thông tin, Kinh tế. Đáp ứng nhu cầu cung cấp nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp trực thuộc Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam, các doanh nghiệp trên địa bàn Hà Nội và các tỉnh lân cận.

nhu cầu của các doanh nghiệp trong và quốc tế theo các trình độ Cao đẳng, Trung cấp và đào tạo nghề. Sinh viên sau khi tốt nghiệp trường CĐCNHN có phẩm chất đạo đức tốt, có trình độ kiến thức cơ bản vững chắc, kiến thức chuyên ngành chuyên sâu; có tác phong làm việc khoa học, chính quy, hiệu quả và có năng lực toàn diện trong quản lý, tổ chức, điều hành và làm việc nhóm; có năng lực ngoại ngữ, công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu hoạt động chuyên môn và hội nhập quốc tế; có sức khỏe tốt; có khả năng tự học tập, nghiên cứu nâng cao trình độ và thích nghi với mọi hoàn cảnh.

Bộ máy Nhà trường được tổ chức chặt chẽ, có chương trình kế hoạch và biện pháp thực hiện hiệu quả, đảm bảo nguyên tắc thực hiện dân chủ trong đơn vị; giữ gìn sự đoàn kết, nhất trí trong nhà trường; phát huy sức mạnh của tập thể công chức, viên chức, lao động và học sinh sinh viên. Chi bộ Nhà trường thực sự là một tổ chức vững mạnh, thể hiện được vai trò hạt nhân chính trị; đảm bảo nguyên tắc tổ chức hoạt động, tuân thủ nguyên tắc tập trung dân chủ phát huy tốt sức mạnh tập thể để hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao. Chi bộ trường luôn phát huy được vai trò lãnh đạo toàn diện các hoạt động chính quyền, các tổ chức đoàn thể và hoạt động theo quy định của Hiến pháp và pháp luật. Tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên cơ bản đã phát huy được sức mạnh của mình, cùng với chính quyền triển khai hoàn thành những nhiệm vụ chính trị của nhà trường; chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ, nhân viên, giáo viên, người lao động để họ yên tâm công tác, hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Cơ cấu tổ chức của Nhà trường được thực hiện đúng quy định, có quy chế hoạt động rõ ràng. Để phù hợp hơn điều kiện thực tế về quy mô, nguồn lực và đội ngũ trước đòi hỏi của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và hội nhập quốc tế; nhằm thực hiện đổi mới toàn diện và sâu rộng mục tiêu, nội dung, mở rộng cơ cấu ngành nghề đào tạo. trong thời gian qua, Nhà trường đã kiện toàn lãnh đạo Ban Giám hiệu, lãnh đạo các phòng, khoa và thành lập các tổ chuyên môn trực thuộc để có thể đảm nhận và hoàn thành tốt nhiệm vụ trong thời gian trước mắt và lâu dài. Nhà trường chú trọng việc xây dựng quy chế hoạt động và quản lý nhằm đạt hiệu quả công việc cao nhất.

Để thực hiện được mục tiêu đào tạo, hàng năm Nhà trường đều xác định mục tiêu cụ thể trong các lĩnh vực hoạt động. Mục tiêu của trường được xây dựng và thảo luận rộng rãi trong các đơn vị. Mục tiêu chung của Nhà trường được cụ thể hoá chi tiết bằng các chỉ tiêu và nhiệm vụ kế hoạch hàng năm.

Nhiệm vụ của Nhà trường xác định rõ vị thế, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và công bố rộng rãi trên các văn bản kế hoạch, quy hoạch, nghị quyết, trên website của trường để toàn thể cán bộ, nhân viên, giáo viên, người lao động, SV biết và thực hiện. Nhiệm vụ được xây dựng phù hợp với chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; gắn kết với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và của tỉnh.

Nhà trường đã có những chính sách, biện pháp khuyến khích cán bộ, giảng viên trong công tác nghiên cứu khoa học nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả quá trình dạy và học. Chất lượng đào tạo đã ngày càng ổn định và được nâng cao, phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thế giới.

Thực hiện hoạt động dạy và học dựa trên mục tiêu, nội dung, chương trình, Nhà trường đã xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo đúng tiến độ và có hiệu quả. Nhà trường đã thực hiện những phương pháp, quy trình kiểm tra, đánh giá kết quả học tập đảm bảo tính nghiêm túc, khách quan, phù hợp với phương thức đào tạo, hình thức học tập và đặc thù của môn học.

Đội ngũ lãnh đạo các phòng, khoa luôn có ý thức học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ về mọi mặt. Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có trình độ nghiệp vụ đảm bảo yêu cầu, nhiệm vụ mà nhà trường đề ra theo quy định về biên chế và hoạt động cụ thể của từng bộ phận trong nhà trường.

Nhà trường luôn đặc biệt quan tâm tới công tác xây dựng chương trình đào tạo, đề cương chi tiết và biên soạn tài liệu giảng dạy, luôn chú trọng sự kế thừa và cập nhật nội dung mới, có sự tham khảo của các chuyên gia, các trường để chương trình đào tạo được phù hợp với thành tựu mới nhất của khoa học và đảm bảo các quy định của Bộ GD&ĐT và Bộ LĐTB&XH. Hàng năm, chương trình đào tạo được điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện cho phù hợp tình hình thực tế nhu cầu xã hội cũng như trang thiết bị, máy móc và đội ngũ giảng viên Nhà trường. Các chương trình hoàn toàn phù hợp với mục tiêu đào tạo của Nhà trường và gắn bó mật thiết với nhu cầu phát triển nguồn nhân lực, nhu cầu học tập của người học và thị trường lao động.

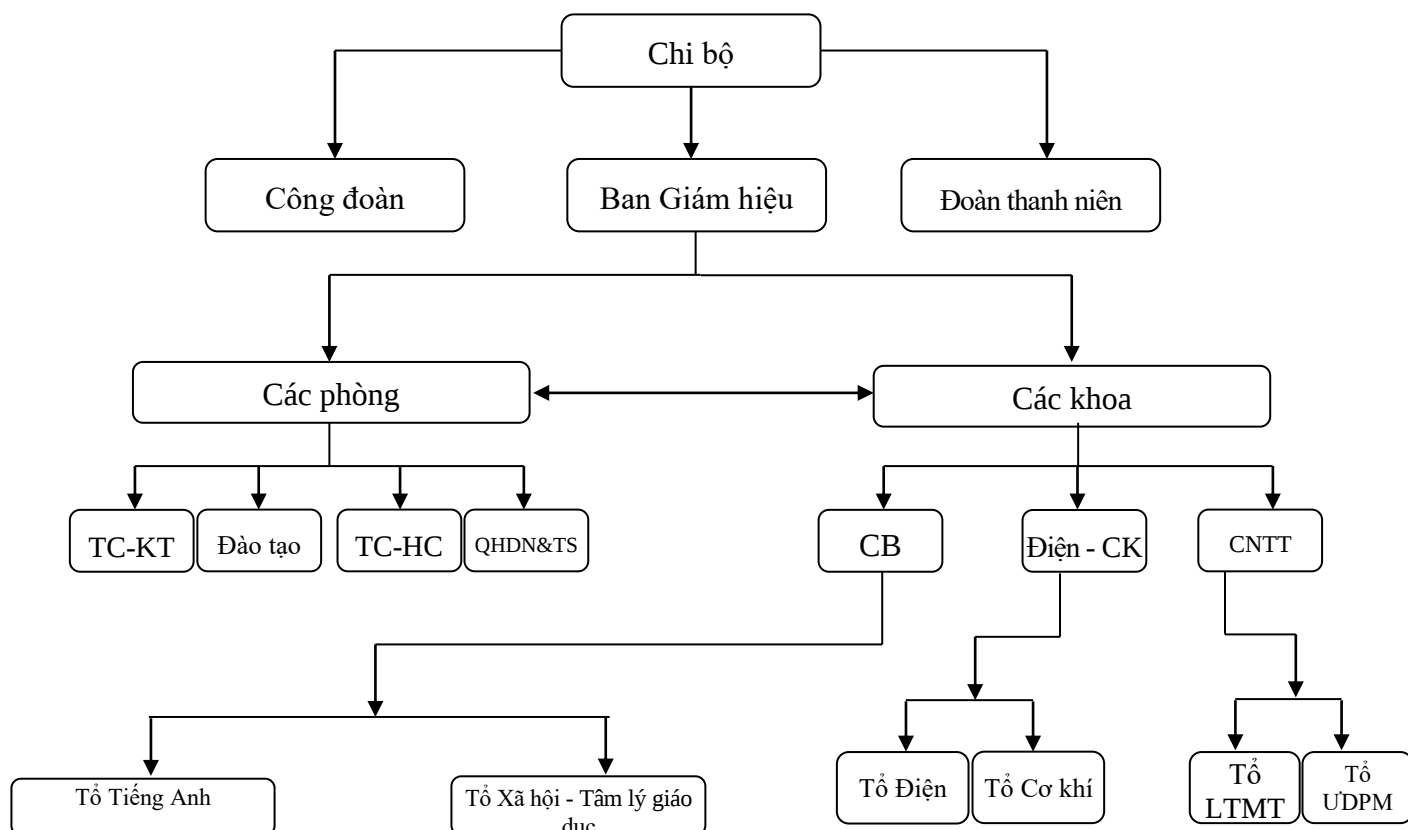
Công tác SV được Nhà trường đặc biệt quan tâm. SV được phổ biến đầy đủ về mục tiêu, CTĐT, kế hoạch học tập toàn khoá cũng như các nội quy chế, các văn bản chính sách liên quan đến quá trình học tập. SV thuộc diện chính sách xã hội luôn nhận được sự quan tâm của Nhà trường như: thực hiện miễn, giảm học phí, trợ cấp xã hội, hỗ

trợ học tập, vay vốn tín dụng... theo quy định của Nhà nước, được ưu tiên trong học tập.

Cơ sở vật chất phục vụ cho đào tạo của nhà trường đã được đầu tư tương đối đồng bộ, khang trang hiện đại đáp ứng nhu cầu học tập và NCKH của Nhà trường, cơ bản đảm bảo đủ tiêu chuẩn quy định. Cụ thể: 02 nhà giảng đường với tổng diện tích xây dựng là 3600 m²; trong đó có 02 phòng học ghép từ 200 chỗ ngồi với diện tích 443,5 m², 16 phòng học lý thuyết với diện tích 1244,2 m², 02 phòng thực hành ngoại ngữ - tin học với diện tích 108 m², 06 phòng thực hành điện, cơ khí nghiệm với diện tích 1209,6 m². Hệ thống trang thiết bị, máy móc phục vụ học tập, nghiên cứu và các hoạt động văn hóa, văn nghệ, TDTT được chú trọng đầu tư, đáp ứng đủ cho trên 1.000 SV học tập và nghiên cứu. Công tác quản lý tài chính được thống nhất cao trong toàn trường, được thông qua với sự nhất trí cao của toàn thể CB,CC,VC, thể hiện rõ trong “Quy chế chi tiêu nội bộ”. Công tác quản lý kế toán, tài chính được thực hiện tập trung, đã bám sát được nhu cầu thực tiễn để lập và điều chỉnh dự toán.

3. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của trường CDCN Hà Nội

3.1 Cơ cấu tổ chức



3.2 Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của nhà trường:

Đơn vị	Họ và tên	Học vị, chức vụ	Điện thoại	E-mail
Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng	Vũ Chí Thành	ThS, Hiệu trưởng	0912244998	thanhvc@fe.edu.vn
	Hoàng Văn Lợi	TS, P. Hiệu trưởng Bí thư Chi bộ	0972901888	loihv6@fe.edu.vn
	Dương Tử Cường	TS, P. Hiệu trưởng	0985459595	Cuongdt8@fe.edu.vn
Công đoàn	Dương Thị Cường	-ThS, Trưởng phòng TC-HC -CT Công đoàn	085490548	Cuongdt9@fe.edu.vn
Đoàn TN	Nguyễn Hữu Thành	Th.S, Bí thư Đoàn TNCS HCM	0947722809	Thanhnh47@fe.edu.vn
Phòng Đào tạo	Hoàng Văn Thao	ThS, Trưởng phòng	0388363117	Thaohv6@fe.edu.vn
Phòng TC-KT	Nguyễn Thị Minh Thu	ThS, Trưởng phòng	0383620489	Thunm4@fe.edu.vn
Phòng QHDN&TS	Trần Bình An	ThS, Trưởng phòng	0903253689	Antb6@fe.edu.vn
Khoa CB-KT	Bùi Thị Liên	CN, Trưởng khoa	0962243267	Lienbt4@fe.edu.vn
Khoa Điện Cơ khí	Nguyễn Thanh Phong	ThS, Trưởng khoa	0988737766	Phongnt59@fe.edu.vn
Khoa CNTT	Nguyễn T. Như Trang	ThS, Trưởng khoa	0987497701	Trangntn12@fe.edu.vn

3.3. Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường (tính đến 20/11/2019):

Tổng: 47 người: Tiến sĩ: 02; Thạc sĩ 30, đại học: 12 , trung cấp: 02, chưa qua đào tạo: 01; lý luận chính trị: 12 (cao cấp: 02, trung cấp: 10).

3.4. Đội ngũ giáo viên: 39 người.

- Nam: 08 - Nữ: 31
- Cơ hữu: 39 - thỉnh giảng: 0 - Hợp đồng tiết: 0

<i>Giáo viên cơ hữu</i>			
Trình độ đào tạo	Nam	Nữ	Tổng số

Tiến sỹ	02	0	02
Thạc sỹ	07	23	30
Đại học	0	07	07
Cao đẳng	0	0	0
Trung cấp	0	0	0
Công nhân bậc 5/7 trở lên	0	0	0
Trình độ khác	0	0	0
Tổng số	09	30	39

4. Nghề đào tạo và quy mô đào tạo

4.1. Các nghề đào tạo và quy mô tuyển sinh của trường theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động dạy nghề đã được cấp

Tên ngành nghề đào tạo	Mã ngành nghề	Dạy nghề dưới 3 tháng	Sơ cấp	Trung cấp	Cao đẳng
1. Công nghệ kỹ thuật cơ khí	6510201	0	0	30	50
2. Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	6510303	0	0	0	100
3. Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	6510305	0	0	0	40
4. Công nghệ kỹ thuật điện tử truyền thông	6510312	0	0	0	35
5. Điện công nghiệp	6520225	0	0	30	50
6. Điện tử công nghiệp	6520227	0	0		50
7. Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm)	6480202	0	0	30	35
8. Lập trình máy tính	6840208	0	0	0	35
9. Quản trị kinh doanh	6340114	0	0	0	45
10. Tài chính - Ngân hàng	6340202	0	0	0	35
11. Kế toán doanh nghiệp	6340302	0	0	30	35
12. Điện công nghiệp và dân dụng	5520223	0	0	30	0

13. Công nghệ Hàn	-	0	50	0	0
14. Tin học văn phòng	-	0	30	0	0
15. Điện dân dụng	-	0	30	0	0
Tổng	-	0	110	120	510

4.2. Số lượng học sinh, sinh viên

Trình độ đào tạo	Năm học			Ghi chú
	2016 -2017	2017 - 2018	2018 - 2019	
1. Cao đẳng	697	599	376	
2. Trung cấp chuyên nghiệp	642	290	135	
3. Sơ cấp nghề	0	0	0	
4. Hợp tác đào tạo				
- Cao đẳng	0	0	0	
- Trung cấp chuyên nghiệp	0	0	0	
5. Loại hình khác	0	0	0	
Tổng cộng	1339	889	511	

5. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính

5.1. Diện tích đất

- Tổng diện tích đất 10.000 m², trong đó:
 - + Diện tích xây dựng: 3600 m²
 - + Diện tích cây xanh, lưu không: 6400 m²

5.2. Diện tích hạng mục và công trình

TT	Hạng mục, công trình	Tổng diện tích (m ²)	Đã xây dựng (m ²)	Đang xây dựng	
				Diện tích (m ²)	Thời gian hoàn thành
1	Khu hiệu bộ	600	600		
2	Phòng học lý thuyết	1245	1.245		
3	Xưởng thực hành	1317	1.317		
4	Khu phục vụ (Nhà kho)	200	200		
4.1	Thư viện	200	200		
4.2	Nhà ăn	200	200		

4.3	<i>Trạm y tế (nhà để xe)</i>	600	600		
4.4	<i>Khu thể thao</i>	3342	3.342		
4.5	Khác (nhà sản xuất thử)	-	-		
	Tổng	7704	1806		

5.3 Tổng số đầu sách trong thư viện của trường: 3.000 đầu sách

Tổng số đầu sách thuộc nghề đào tạo của trường: 500 đầu sách

5.4. Tổng số máy tính của trường: 158 bộ

- Dùng cho văn phòng: 30 bộ
- Dùng cho học sinh học tập: 141 bộ

5.5. Tổng kinh phí đào tạo trong 3 năm trở lại đây:

- Năm 2016: 12.602.000.000 VNĐ
- Năm 2017: 9.726.000.000 VNĐ
- Năm 2018: 10.033.000.000 VNĐ

5.6. Tổng thu học phí (chỉ tính hệ chính quy) từ năm 2016 đến năm 2018:

- Năm 2016: 7.752.100.000 VNĐ
- Năm 2017: 6.235.700.000 VNĐ
- Năm 2018: 5.293.670.000 VNĐ

PHẦN II: KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ HÀ NỘI

1. Đặt vấn đề

Chất lượng đào tạo là mối quan tâm hàng đầu đối với trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội. Hàng năm, Nhà trường tổ chức rà soát các hoạt động, tự đánh giá các kết quả đạt được và xác định rõ những tồn tại thông qua hệ thống tiêu chí tiêu chuẩn ban hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo (từ 2017 thực hiện theo hệ thống tiêu chí do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành), có biện pháp cụ thể để cải thiện, khắc phục các tồn tại, điểm tồn tại, từng bước hoàn thiện các hoạt động các đơn vị trong nhà trường và nâng cao chất lượng đào tạo.

2. Tổng quan chung

2.1. Căn cứ tự đánh giá

- Căn cứ các tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng do Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành kèm theo thông tư 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 8/6/2017 quy định hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

- Quy trình tự đánh giá chất lượng được quy định tại Mục 2, Chương II, Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ LĐTBXH;

- Hướng dẫn đánh giá chất lượng trường trung cấp, cao đẳng được quy định tại công văn số 453/TCGDNN-KĐCL của Tổng cục giáo dục nghề nghiệp ngày 25/3/2019;

- Hướng dẫn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng được quy định tại công văn số 454/TCGDNN-KĐCL của Tổng cục ngày 25/3/2019;

- Công văn số 909/TCGDNN-KĐCL ngày 30/5/2019 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc thực hiện quy định hệ thống đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2019.

2.2. Mục đích tự đánh giá

Xác định thực trạng, khả năng dạy nghề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng Phòng, Khoa, Bộ môn và đơn vị thuộc trường cũng như toàn trường;

Tổng hợp những nội dung đã và đang thực hiện theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định trường cao đẳng với minh chứng cụ thể kèm theo;

Cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo của Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội và

để đăng ký kiểm định chất lượng dạy nghề năm 2019.

2.3. Yêu cầu tự đánh giá

Công tác tự đánh giá phải thực hiện theo kế hoạch đề ra đảm bảo tính chính xác, khách quan và có dẫn chứng, số liệu minh chứng cụ thể

- Bám sát hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn tại thông tư 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 6 năm 2017 và tham chiếu hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

- Thực hiện đúng theo Quy trình tự đánh giá chất lượng được quy định tại Mục 2, Chương II, Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Thực hiện đúng theo Hướng dẫn đánh giá chất lượng trường trung cấp, cao đẳng được quy định tại công văn số 453/TCGDNN-KĐCL của Tổng cục giáo dục nghề nghiệp ngày 25/3/2019.

2.4. Phương pháp tự đánh giá

Tự đánh giá theo phương pháp thu thập minh chứng, số liệu, hồ sơ các hoạt động đối chiếu với hệ thống Tiêu chí, tiêu chuẩn để mô tả, phân tích chung về những thông tin, minh chứng của Nhà trường. Sau đó đưa ra nhận định, đánh giá.

Các đơn vị phòng, khoa tự đánh giá, tổng hợp đánh giá và đề ra giải pháp cụ thể cải thiện, khắc phục những tồn tại

2.5. Các bước tiến hành tự đánh giá

Bước 1: Thành lập Hội đồng tự đánh giá, lập kế hoạch, phân công nhiệm vụ.

Bước 2: Họp Hội đồng tự đánh giá.

Bước 3: Các đơn vị họp phân công nhiệm vụ cho các thành viên.

Bước 4: Tập huấn hướng dẫn các cá nhân, đơn vị trong toàn Trường có liên quan đến báo cáo tự đánh giá.

Bước 5: Các cá nhân, đơn vị nghiên cứu, khảo sát, thu thập, xử lý thông tin, minh chứng và viết báo cáo chỉ số.

Bước 6: Tổng hợp bản dự thảo Báo cáo tự đánh giá, bổ sung minh chứng.

Bước 7: Lấy ý kiến góp ý dự thảo Báo cáo tự đánh giá.

Bước 8: Hoàn thiện, và công bố báo cáo tự đánh giá, nộp Bộ LĐTB&XH, Sở LĐTB&XH.

3. Tự đánh giá

3.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (Ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp
	ĐỀ XUẤT KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC	1/0	Đạt/Không đạt chuẩn chất lượng
	Tổng điểm	89 Điểm	Đạt
1	Tiêu chí 1: Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý	11 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 1.1: Mục tiêu và sứ mạng của trường được xác định cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thể hiện được vai trò của trường trong việc đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, ngành và được công bố công khai.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 1.2: Trường hợp thực hiện phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương hoặc ngành để xác định các ngành, nghề đào tạo và quy mô đào tạo phù hợp.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 1.3: Trường ban hành văn bản quy định về tổ chức và quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong trường theo quy định.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 1.4: Hằng năm, các văn bản qui định về tổ chức và quản lý của trường được rà soát, thực hiện điều chỉnh nếu cần thiết.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 1.5: Các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường được phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo và mục tiêu của trường.	1 điểm	Đạt

	Tiêu chuẩn 1.6: Hội đồng trường hoặc hội đồng quản trị, các hội đồng tư vấn, các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định và có hiệu quả.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 1.7: Trường xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng theo quy định.	0 điểm	Không đạt
	Tiêu chuẩn 1.8: Trường có bộ phận phụ trách thực hiện công tác quản lý, đảm bảo chất lượng đào tạo và hằng năm hoàn thành nhiệm vụ được giao.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 1.9: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong trường phát huy được vai trò lãnh đạo, hoạt động đúng điều lệ và theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 1.10: Các đoàn thể, tổ chức xã hội trong trường hoạt động theo đúng điều lệ của tổ chức mình và theo quy định của pháp luật, góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của trường.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 1.11: Trường có quy định và thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của trường theo quy định nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Hằng năm rà soát, cải tiến phương pháp, công cụ kiểm tra, giám sát.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 1.12: Trường có văn bản và thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi của nhà nước cho các đối tượng được thụ hưởng; thực hiện chính sách bình đẳng giới theo quy định.	1 điểm	Đạt
2	Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo	17 điểm	Đạt

	Tiêu chuẩn 2.1: Các ngành, nghề đào tạo của trường được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Trường ban hành chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo và công bố công khai để người học và xã hội biết	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 2.2: Trường xây dựng và ban hành quy chế tuyển sinh theo quy định.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 2.3: Hằng năm, trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh và thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 2.4: Thực hiện đa dạng hoá các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 2.5: Trường xây dựng và phê duyệt kế hoạch, tiến độ đào tạo cho từng lớp, từng khóa học của mỗi ngành hoặc nghề, theo từng học kỳ, năm học. Kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng mô đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đúng quy định.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 2.6: Trường tổ chức thực hiện theo kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo đã được phê duyệt.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 2.7: Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt; có sự phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập các ngành, nghề tại đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu	1 điểm	Đạt

	có.		
	Tiêu chuẩn 2.8: Phương pháp đào tạo được thực hiện kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 2.9: Trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 2.10: Hằng năm, trường có kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo đúng kế hoạch.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 2.11: Hằng năm, trường có báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học; có đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học; kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học theo đề xuất nếu cần thiết.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 2.12: Trường ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 2.13: Trong quá trình đánh giá kết quả học tập của người học có sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động và theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 2.14: Tổ chức thực hiện kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định đảm bảo nghiêm túc, khách quan.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 2.15: Hằng năm, trường thực hiện rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công	1 điểm	Đạt

	nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ và kịp thời điều chỉnh nếu cần thiết		
	Tiêu chuẩn 2.16: Trường có hướng dẫn và tổ chức thực hiện về đào tạo liên thông theo quy định.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 2.17: Trường có cơ sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo và tổ chức quản lý, sử dụng hiệu quả.	1 điểm	Đạt
3	Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên và người lao động.	15 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 3.1: Có quy định về việc tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 3.2: Tổ chức thực hiện tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan; thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động theo quy định	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 3.3: Đội ngũ nhà giáo của trường tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành khác nếu có.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 3.4: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định và không vi phạm quy chế, nội quy và quy định của trường.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 3.5: Trường có đội ngũ nhà giáo đảm bảo tỷ lệ quy đổi; số lượng nhà giáo cơ	1 điểm	Đạt

	hữu đảm nhận khối lượng chương trình mỗi ngành, nghề đào tạo theo quy định; trường đảm bảo tỷ lệ nhà giáo có trình độ sau đại học theo quy định		
	Tiêu chuẩn 3.6: Nhà giáo giảng dạy theo nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chương trình đào tạo.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 3.7: Trường có chính sách, biện pháp và thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 3.8: Hằng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ nhà giáo.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 3.9: Nhà giáo được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất theo quy định và thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 3.10: Hằng năm, trường thực hiện tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 3.11: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng của trường đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định và thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm được giao.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 3.12: Đội ngũ cán bộ quản lý của các đơn vị thuộc trường được bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định.	1 điểm	Đạt

	Tiêu chuẩn 3.13: Đội ngũ cán bộ quản lý của trường đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ; thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ được giao.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 3.14: Hằng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 15: Đội ngũ viên chức, người lao động của trường đủ số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc được giao, được định kỳ bồi dưỡng nâng cao trình độ.	1 điểm	Đạt
4	Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình	12 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 4.1: Có đầy đủ chương trình đào tạo các chuyên ngành hoặc nghề mà trường đào tạo.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 4.2: 100% chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 4.3: Chương trình đào tạo của trường thể hiện được mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp; phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học, từng chuyên ngành hoặc nghề và từng trình độ theo quy định.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 4.4: Chương trình đào tạo được xây dựng có sự tham gia của nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	0 điểm	Không đạt
	Tiêu chuẩn 4.5: Chương trình đào tạo đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động	1 điểm	Đạt

	Tiêu chuẩn 4.6: Chương trình đào tạo được xây dựng bảo đảm việc liên thông giữa các trình độ giáo dục nghề nghiệp với các trình độ đào tạo khác trong hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 4.7: Ít nhất 3 năm 1 lần trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đổi với chương trình đào tạo đã ban hành.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 4.8: Chính sửa, bổ sung chương trình đào tạo có cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến ngành, nghề đào tạo hoặc tham khảo các chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 4.9: Trước khi tổ chức đào tạo liên thông, trường căn cứ chương trình đào tạo, thực hiện rà soát các mô đun, tín chỉ, môn học và có quyết định đối với các mô đun, tín chỉ, môn học mà người học không phải học để đảm bảo quyền lợi của người học.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 4.10: Có đủ giáo trình cho các mô đun, môn học của từng chương trình đào tạo.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 4.11: 100% giáo trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định để làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 4.12: Giáo trình đào tạo cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 4.13: Giáo trình đào tạo tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 4.14: Hằng năm, trường thực hiện việc lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý,	0 điểm	Không đạt

	cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có		
	Tiêu chuẩn 4.15: Khi có sự thay đổi về chương trình đào tạo, trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với giáo trình đào tạo đảm bảo yêu cầu theo quy định	0 điểm	Không đạt
5	Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện	14 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 5.1: Địa điểm xây dựng trường phù hợp với quy hoạch chung của khu vực và mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, khu đất xây dựng cần đảm bảo yên tĩnh cho việc giảng dạy và học tập; giao thông thuận tiện và an toàn; thuận tiện cho việc cung cấp điện, nước, đảm bảo khoảng cách đối với các xí nghiệp công nghiệp thải ra chất độc hại; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 5.2: Quy hoạch tổng thể mặt bằng khuôn viên hợp lý, phù hợp với công năng và các yêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc và môi trường sư phạm; diện tích đất sử dụng, diện tích cây xanh đảm bảo theo quy định.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 5.3: Có đủ các khu vực phục vụ hoạt động của trường theo tiêu chuẩn: khu học tập và nghiên cứu khoa học (phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, phòng thí nghiệm và phòng học chuyên môn); khu thực hành (xưởng thực hành, thực tập, trại trường, vườn thí nghiệm); khu vực rèn luyện thể chất; khu hành chính quản trị, phụ trợ và khu phục vụ	1 điểm	Đạt

	sinh hoạt cho người học và nhà giáo.		
	Tiêu chuẩn 5.4: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường (đường giao thông nội bộ; hệ thống điện; cấp thoát nước, xử lý nước thải, chất thải; thông gió; phòng cháy chữa cháy) theo quy chuẩn và đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt; được bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 5.5: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa bảo đảm quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành và các yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 5.6: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 5.7: Phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa được sử dụng theo quy định hiện hành.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 5.8: Thiết bị đào tạo đáp ứng danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu đào tạo của từng trình độ đào tạo theo chuyên ngành hoặc nghề do cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương quy định. Đối với các chuyên ngành hoặc nghề mà cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương chưa ban hành danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu thì trường đảm bảo thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo, tương ứng quy mô đào tạo của chuyên ngành hoặc nghề đó.	1 điểm	Đạt

	Tiêu chuẩn 5.9: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành; đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 5.10: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo, trong đó có quy định về việc định kỳ đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 5.11: Thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định của trường và nhà sản xuất; hằng năm đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng theo quy định.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 5.12: Trường có định mức tiêu hao vật tư hoặc định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo và có quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo; tổ chức thực hiện theo quy định đảm bảo kịp thời, đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo; vật tư được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện cho việc bảo quản và sử dụng.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 5.13: Trường có thư viện bao gồm phòng đọc, phòng lưu trữ bảo đảm theo tiêu chuẩn thiết kế. Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được trường phê duyệt, mỗi loại giáo trình đảm bảo tối thiểu 05 bản in.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 5.14: Tổ chức hoạt động, hình thức phục vụ của thư viện trường phù hợp với nhu	1 điểm	Đạt

	cầu tra cứu của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học.		
	Tiêu chuẩn 5.15: Trường có thư viện điện tử, có phòng máy tính đáp ứng nhu cầu tra cứu, truy cập thông tin của nhà giáo và người học; các giáo trình, tài liệu tham khảo của trường được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.	0 điểm	Không đạt
6	Tiêu chí 6 – Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế	3 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 6.1: Trường có chính sách và thực hiện các chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 6.2: Hằng năm, trường có đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến từ cấp trường trở lên phục vụ thiết thực công tác đào tạo của trường (ít nhất 01 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường trung cấp, ít nhất 02 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường cao đẳng).	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 6.3: Hằng năm, trường có các bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đăng trên các báo, tạp chí khoa học ở trong nước hoặc quốc tế.	0 điểm	Không đạt
	Tiêu chuẩn 6.4: Các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến của trường được ứng dụng thực tiễn.	0 điểm	Không đạt
	Tiêu chuẩn 6.5: Có liên kết đào tạo hoặc triển khai các hoạt động hợp tác với các trường nước	1 điểm	Đạt

	ngoài hoặc các tổ chức quốc tế; các hoạt động hợp tác quốc tế góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường.		
7	Tiêu chí 7: Quản lý tài chính	6 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 7.1: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính theo quy định và công bố công khai.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 7.2: Quản lý, sử dụng các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo; tham gia sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đúng theo quy định.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 7.3: Trường có các nguồn lực về tài chính đảm bảo đủ kinh phí phục vụ các hoạt động của trường.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 7.4: Thực hiện việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán đúng quy định.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 7.5: Thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính kế toán; thực hiện kiểm toán theo quy định; xử lý, khắc phục kịp thời các vấn đề còn vướng mắc trong việc thực hiện các quy định về quản lý và sử dụng tài chính khi có kết luận của các cơ quan có thẩm quyền; thực hiện công khai tài chính theo quy định.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 7.6: Hằng năm, trường có đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của trường; có các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài chính nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của trường.	1 điểm	Đạt
8	Tiêu chí 8 – Dịch vụ người học (9 tiêu chuẩn)	7 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 8.1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường; các chế	1 điểm	Đạt

	độ, chính sách hiện hành đối với người học; các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học theo quy định.		
	Tiêu chuẩn 8.2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 8.3: Có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Người học được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại trường để hoàn thành nhiệm vụ học tập.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 8.4: Người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 8.5: Ký túc xá đảm bảo đủ diện tích nhà ở và các điều kiện tối thiểu (chỗ ở, điện, nước, vệ sinh, các tiện nghi khác) cho sinh hoạt và học tập của người học.	0 điểm	Không đạt
	Tiêu chuẩn 8.6: Có dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khỏe; dịch vụ ăn uống của trường đáp ứng nhu cầu của người học và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 8.7: Người học được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động xã hội; được đảm bảo an toàn trong khuôn viên trường.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 8.8: Trường thực hiện việc tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 8.9: Hằng năm, trường tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hội chợ việc làm để người học tiếp xúc với các nhà tuyển dụng.	0 điểm	Không đạt
9	Tiêu chí 9 – Giám sát, đánh giá chất lượng	4 điểm	Đạt

	Tiêu chuẩn 9.1: Hằng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.	0 điểm	Không đạt
	Tiêu chuẩn 9.2: Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 50% cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 9.3: Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 30% người học đại diện các ngành, nghề đào tạo về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 9.4: Trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng và kiểm định chất lượng theo quy định.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 9.5: Hằng năm, trường có kế hoạch cụ thể và các biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá và kết quả đánh giá ngoài nếu có.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 9.6: Trường có tỷ lệ 80% người học có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo sau 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp.	0 điểm	Không đạt

3.2. Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ 1

3.2.1. Tiêu chí 1: Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý

Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội được thành lập và chính thức đi vào hoạt động từ tháng 8 năm 2007. Trường được thành lập theo mô hình "Nhà trường trong

doanh nghiệp” đào tạo đa ngành nghề cho Hà Nội và các tỉnh lân cận. Nhà trường đã đóng góp nhiều thành tích trong sự nghiệp giáo dục nghề nghiệp, phát triển kinh tế xã hội của Hà Nội và các tỉnh lân cận, trở thành một trong những cơ sở đào tạo nghề nghiệp có uy tín. Để có vị trí như hiện nay, Nhà trường luôn chủ động xây dựng mục tiêu, sứ mạng rõ ràng phù hợp với từng giai đoạn phát triển. Các mục tiêu phát triển được xây dựng cụ thể phù hợp với chức năng, nhiệm vụ trên cơ sở đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của các địa phương để xác định các ngành nghề với quy mô đào tạo phù hợp. Cơ cấu tổ chức và quản lý được quy định chặt chẽ, được phân công, phân cấp rõ về chức năng, nhiệm vụ. Thực hiện đúng theo hướng dẫn của các cấp có thẩm quyền, kiện toàn tổ chức bộ máy đảm bảo hoạt động tốt chức năng, nhiệm vụ. Nhà trường có đầy đủ các điều kiện để đảm bảo tiêu chí về mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý đạt yêu cầu.

** Những điểm mạnh:*

Với sứ mạng đào tạo đội ngũ cán bộ kỹ thuật thực hành chất lượng cao đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp trong và quốc tế theo các trình độ Cao đẳng, Trung cấp và đào tạo nghề. Sinh viên sau khi tốt nghiệp trường CĐCN Hà Nội có phẩm chất đạo đức tốt, có trình độ kiến thức cơ bản vững chắc, kiến thức chuyên ngành chuyên sâu; có tác phong làm việc khoa học, chính quy, hiệu quả và có năng lực toàn diện trong quản lý, tổ chức, điều hành và làm việc nhóm; có năng lực ngoại ngữ, công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu hoạt động chuyên môn và hội nhập quốc tế; có sức khỏe tốt; có khả năng tự học tập, nghiên cứu nâng cao trình độ và thích nghi với mọi hoàn cảnh.

Mục tiêu, sứ mạng của Trường CĐCNHN có sự đồng thuận của tập thể CCVC&NLĐ và được công bố công khai, có nội dung rõ ràng, phổ biến, tuyên truyền rộng rãi trong CCVC&NLĐ, SV, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và nguồn lực của trường. Mục tiêu, sứ mạng cũng chỉ ra được thế mạnh và hướng phát triển của Nhà trường trong tương lai.

Nhà trường ban hành văn bản quy định về tổ chức và quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong trường theo quy định. Hằng năm, Nhà trường luôn chủ động rà soát các văn bản liên quan đến quy định về tổ chức và quản lý.

Các phòng, khoa được phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ phù hợp với cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo và mục tiêu của trường.

Hội đồng Khoa học và Đào tạo thường xuyên được kiện toàn, bổ sung cho phù hợp với yêu cầu, các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định và có hiệu quả.

Tổ chức Đảng, Đoàn, Công đoàn của Nhà trường phát huy được vai trò lãnh đạo, hoạt động đúng điều lệ và theo quy định của Hiến pháp và pháp luật. Tổ chức Đảng được tổ chức chặt chẽ và hoạt động hiệu quả thể hiện được vai trò lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị. Cấp ủy các chi bộ đều là những cán bộ có năng lực và có uy tín phân bố đều ở các đơn vị công tác, tạo sự gắn kết giữa hoạt động của Đảng và hoạt động chuyên môn.

Dưới sự lãnh đạo của Chi bộ Nhà trường, các đoàn thể, tổ chức xã hội được tổ chức chặt chẽ, hoạt động có hiệu quả theo đúng điều lệ, theo quy định của pháp luật, góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của trường. Thành viên Ban chấp hành Công đoàn, Đoàn TNCS HCM đều là những cán bộ có năng lực và có uy tín được quần chúng tin nhiệm.

** Những tồn tại:*

Nhà trường chưa có nhiều ý kiến đóng góp từ các doanh nghiệp và nhà tuyển dụng tham gia vào góp ý xây dựng nội dung chương trình đào tạo. Công tác điều tra khảo sát để thu thập thông tin về chất lượng đào tạo từ các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng và cựu học sinh, sinh viên chưa được thường xuyên.

Mặc dù, bộ phận thực hiện công tác quản lý, đảm bảo chất lượng đào tạo đã được kiện toàn nhưng còn một số viên chức thiếu kinh nghiệm trong công tác chuyên môn, chưa được tập huấn nghiệp vụ công tác đảm bảo chất lượng.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

- Phòng Đào tạo chủ trì và phối hợp với các đơn vị: Tổ chức rà soát chương trình đào tạo đã ban hành để thường xuyên bổ sung, điều chỉnh và xây dựng các chương trình đào tạo mới (nếu có) đáp ứng yêu cầu của người học, của doanh nghiệp và xã hội, tuân thủ đúng qui trình, lưu trữ đầy đủ hồ sơ.

- Thường xuyên tiến hành lấy ý kiến của doanh nghiệp, đơn vị có sử dụng người lao động tham gia vào xây dựng CTĐT nhằm mục đích đào tạo gắn liền với thực tiễn.

- Phòng Tổ chức - Hành chính tham mưu xây dựng quy định cử cán bộ, giáo viên đi thực tế tại các doanh nghiệp, tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn cập nhật kiến thức để nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

Điểm đánh giá tiêu chí 1:

Tiêu chí 1: Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý	Điểm tự đánh giá
Tiêu chuẩn 1.1	<i>1 điểm</i>
Tiêu chuẩn 1.2	<i>1 điểm</i>
Tiêu chuẩn 1.3	<i>1 điểm</i>
Tiêu chuẩn 1.4	<i>1 điểm</i>
Tiêu chuẩn 1.5	<i>1 điểm</i>
Tiêu chuẩn 1.6	<i>1 điểm</i>
Tiêu chuẩn 1.7	<i>0 điểm</i>
Tiêu chuẩn 1.8	<i>1 điểm</i>
Tiêu chuẩn 1.9	<i>1 điểm</i>
Tiêu chuẩn 1.10	<i>1 điểm</i>
Tiêu chuẩn 1.11	<i>1 điểm</i>
Tiêu chuẩn 1.12	<i>1 điểm</i>

Tiêu chuẩn 1.1: Mục tiêu và sứ mạng của trường được xác định cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thể hiện được vai trò của trường trong việc đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, ngành và được công bố công khai.

*** Mô tả, phân tích, nhận định:**

Trường CĐCNHN có trụ sở làm việc tại Km 12, đường Cầu Diễn, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội. Nhà trường được thành lập theo Quyết định số 3997/QĐ - BGDDT ngày 03 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo Dục và Đào tạo [1.1.01]; mọi hoạt động của Nhà trường được thực hiện theo Điều lệ Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội [1.1.02]

Sứ mạng của Nhà trường được xác định trong Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 12/2018/QĐ-HĐTV ngày 19/7/2017. Sứ mạng của Nhà trường có nội dung rõ ràng, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, các nguồn lực và định hướng phát triển của trường [1.1.03].

Nhà trường có đủ các nguồn lực để thực hiện sứ mạng; nguồn nhân lực của trường không những được phát triển về số lượng mà còn về chất lượng. Cơ sở vật chất

được xây dựng tương đối khang trang hiện đại với phòng học, phòng Lab, phòng máy tính, mạng Internet,... cơ bản đáp ứng yêu cầu đào tạo.

Sứ mạng của Nhà trường đã được công bố rộng rãi đến toàn thể cán bộ, CCVC và người học; trên Website (hitech.edu.vn), quy chế tổ chức và hoạt động trường, các hội nghị công nhân viên chức hàng năm và các kênh khác nhau [1.1.04]

** Điểm tự đánh giá: 01 điểm*

Tiêu chuẩn 1.2: Trường thực hiện phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương hoặc ngành để xác định các ngành, nghề đào tạo và quy mô đào tạo phù hợp.

** Mô tả, phân tích, nhận định:*

Hàng năm, Nhà trường tổ chức khảo sát các doanh nghiệp, đơn vị đã và đang sử dụng lao động là SV tốt nghiệp, trên cơ sở thống kê ý kiến phản hồi từ các doanh nghiệp, đơn vị, Nhà trường đánh giá được nhu cầu đào tạo hiện tại cũng như tương lai của các đơn vị, kết quả: 100% các đơn vị có ý kiến cho thấy Nhà trường đang đào tạo các nghề phù hợp với nhu cầu lao động.

Để đáp ứng yêu cầu về chất lượng nguồn nhân lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và đất nước. Hiện nay, Nhà trường xây dựng kế hoạch tiếp tục tiến hành khảo sát nhu cầu sử dụng nhân lực của tỉnh, nhu cầu tuyển dụng viên chức của các địa phương, doanh nghiệp... để xác định chỉ tiêu đào tạo, mở ngành, nghề, xây dựng chương trình đào tạo cho phù hợp với định hướng và cơ hội có việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp [1.2.01].

** Điểm tự đánh giá: 01 điểm*

Tiêu chuẩn 1.3: Trường đã ban hành hệ thống văn bản quy định về tổ chức và quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong trường theo quy định.

** Mô tả, phân tích, nhận định:*

Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội là Nhà trường tư thực trực thuộc Bộ Lao động - Thương Binh và Xã hội, nhà trường có con dấu và tài khoản riêng thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ. Trong quá trình hoạt động, Nhà trường đã xây dựng hệ thống các văn bản pháp quy về tổ chức và quản lý để đảm bảo các hoạt động đào tạo của Nhà trường. Cụ thể: Quy chế về tổ chức và hoạt động [1.1.03]; Quy chế đào tạo

Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp hệ chính quy [1.3.01]; Quy chế Công tác SV [1.3.02]; Quy chế chi tiêu nội bộ [1.3.03]; Quy chế thi đua, khen thưởng [1.3.04]; Quy định về chế độ làm việc, nghỉ ngơi của công chức, viên chức [1.3.05]; Quy định về Quản lý và sử dụng cơ sở vật chất [1.3.06]; Quy chế thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp [1.3.02] và hàng loạt các văn bản pháp quy khác...

Điểm mạnh: Nhà trường có đầy đủ hệ thống các văn bản pháp quy về tổ chức và quản lý quy định rõ chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Ban Giám hiệu và các đơn vị được phân cấp hợp lý, có quyền chủ động trong công việc. Công tác quản lý được thể chế hoá bằng quy định, quy chế, hệ thống báo cáo được thực hiện và đánh giá định kỳ hàng tháng, quý, năm.

Tồn tại: So với các yêu cầu của các chỉ số trong tiêu chuẩn 3, nhà trường nhận thấy đã thực hiện đầy đủ những điều kiện đề ra, không có điểm tồn tại cần khắc phục.

Kế hoạch hành động: Hàng năm rà soát, bổ sung quy chế dân chủ, quy chế chi tiêu nội bộ ...và các văn bản pháp quy khác về tổ chức và quản lý cho phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường qua từng năm, từng giai đoạn.

*** Điểm tự đánh giá: 01 điểm**

Tiêu chuẩn 1.4: Hàng năm, các văn bản quy định về tổ chức và quản lý của trường được rà soát, thực hiện điều chỉnh cần thiết.

*** Mô tả, phân tích, nhận định:**

Trên cơ sở các văn bản pháp quy về tổ chức và quản lý trước đây đã ban hành, trong năm 2017, Nhà trường đã tiếp tục bổ sung, sửa đổi các văn bản pháp quy khác cho phù hợp với quy định của pháp luật và thực tế của Nhà trường từ khi chuyển dần sang mô hình cơ sở giáo dục nghề nghiệp do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý [1.4.01].

Điểm mạnh: Những văn bản hành chính pháp quy, quy định về tổ chức, cơ chế quản lý, quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong Nhà trường hàng năm và theo từng giai đoạn phát triển của Nhà trường, được rà soát và bổ sung theo các ý kiến đóng góp của toàn thể giảng viên, cán bộ quản lý, công nhân viên trong toàn trường.

Kế hoạch: Hàng năm rà soát, bổ sung, thay thế những quy chế, quy định và các văn bản pháp quy khác không còn giá trị ứng dụng cho phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường qua từng năm, từng giai đoạn.

** Điểm tự đánh giá: 01 điểm*

Tiêu chuẩn 1.5: Các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường được phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo và mục tiêu của trường.

** Mô tả, phân tích, nhận định:*

Theo Điều lệ Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội [1.1.02]; Quy chế về tổ chức và hoạt động của trường [1.1.03] và yêu cầu thực tế, Nhà trường đã có Quyết định thành lập các Khoa và tổ bộ môn trực thuộc khoa [1.5.01] để tạo điều kiện thuận lợi cho việc quản lý và tham mưu về công tác chuyên môn.

Hiện nay, cơ cấu tổ chức các phòng chức năng, khoa chuyên môn, tổ bộ môn của trường gồm có:

04 phòng chức năng: Tổ chức hành chính (TCHC) Đào tạo, Quan hệ doanh nghiệp và tuyển sinh (QHDN&TS), Tài chính kế toán (TCKT).

03 khoa chuyên môn: Cơ bản, CNTT, Điện - Cơ khí.

Nhà trường không thành lập các tổ bộ môn trực thuộc Nhà trường mà thành lập 06 tổ bộ môn trực thuộc khoa; Tổ Khoa học Xã hội, Tổ Kinh tế (trực thuộc khoa Cơ bản - Kinh tế); Tổ Lập trình máy tính, Tổ Ứng dụng phần mềm (trực thuộc khoa Công nghệ thông tin); Tổ Điện, điện tử, Tổ Cơ khí (trực thuộc khoa Điện - Cơ khí).

Việc sắp xếp tổ chức các phòng, khoa, tổ bộ môn của Nhà trường là phù hợp, phát huy được vai trò cũng như mối quan hệ giữa các đơn vị nhằm phục vụ cho mục tiêu chung của Nhà trường; đảm bảo cho Nhà trường hàng năm đều hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ được giao [1.5.02].

Tuỳ theo tính chất công việc, mỗi phòng chức năng, khoa chuyên môn, tổ bộ môn có trưởng, phó của các đơn vị. Các phòng, khoa, tổ bộ môn đều được xác định nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng, chịu sự lãnh đạo của Hiệu trưởng theo quy chế tổ chức và hoạt động của trường.

Điểm mạnh: Các phòng chức năng, khoa chuyên môn, tổ bộ môn trực thuộc được sắp xếp phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và quy mô đào tạo của Nhà trường; chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị được quy định rõ ràng tạo điều kiện thuận lợi trong việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục và đào tạo, đạt hiệu quả, chất lượng cao [1.5.03]. .

** Tồn tại:* Chưa bố trí đủ lãnh đạo cho một số đơn vị.

Kế hoạch: Từ năm học 2019 -2020, nhà trường bố trí bổ nhiệm đủ lãnh đạo cho phòng, khoa nêu trên.

*** Điểm tự đánh giá: 01 điểm**

Tiêu chuẩn 1.6: Hội đồng thành viên, các hội đồng tư vấn, các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường hoạt động đúng chức năng theo quy định và có hiệu quả.

*** Mô tả, phân tích, nhận định:**

Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội là mô hình trường trong doanh nghiệp, việc kiện toàn Hội đồng quản trị, nay là Hội đồng thành viên luôn được Nhà trường thực hiện theo đúng quy định và quy chế ban hành **[1.6.01]**; Hội đồng thành viên hoạt động tuân thủ theo nghị quyết hàng năm 2018, 2019 **[1.6.02]** và thực hiện việc xây dựng kế hoạch hoạt động và báo cáo các hoạt động hàng năm **[1.6.03]**

Ngay sau khi thành lập Trường (2007), đến quý 3 năm 2007, trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội đã ra quyết định thành lập Hội đồng khoa học và đào tạo (KH&ĐT). Qua nhiều năm hình thành và phát triển, nhà trường đã có nhiều biến động nhân sự nhưng Nhà trường luôn trú trọng tới công tác nghiên cứu khoa học, một trong những vấn đề mang tính cốt lõi trong sự nghiệp phát triển và giữ vững vị thế của Nhà trường. Hội đồng đã tập hợp được các cán bộ, giảng viên có trình độ cao, đủ năng lực thực hiện nhiệm vụ được giao; phát huy vai trò và trách nhiệm trong việc tư vấn cho Hiệu trưởng về mục tiêu, chương trình đào tạo, xây dựng và đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên, cán bộ, nhân viên của trường đáp ứng yêu cầu của xã hội **[1.6.04]**; Đồng thời, Nhà trường đã thành lập các hội đồng tư vấn có vai trò tư vấn cho Hiệu trưởng những vấn đề cụ thể trong các lĩnh vực hoạt động của Nhà trường như: Hợp đồng thuê chuyên gia **[1.6.05]**; Hội đồng thi đua khen thưởng **[1.6.06]**; ...

Căn cứ Điều lệ Trường Cao đẳng CNHN, Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, Ban Giám hiệu chịu trách nhiệm chỉ đạo công việc chung của toàn trường và phân công nhiệm vụ và quyền hạn cho các đơn vị phòng, khoa, Trung tâm. Trên cơ sở đó, các phòng, khoa, Trung tâm, chỉ đạo phân công công việc cho các cá nhân cán bộ, giảng viên thực hiện. Nhà trường đã quy định nhiệm vụ, quyền hạn và phân công nhiệm vụ giữa Hiệu trưởng và các Phó hiệu trưởng. Trên cơ sở đó, các đơn vị phòng, khoa, Trung tâm đã quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể của từng trưởng, phó đơn vị và tổ trưởng các tổ chuyên môn, giảng viên, nhân viên trong từng

đơn vị thể hiện sự phân công, phân cấp hợp lý, rõ ràng và tính trách nhiệm của từng cán bộ cấp tổ trưởng trở lên [1.5.02]. Các đơn vị đều phát huy tốt vai trò, chức năng và nhiệm vụ của mình, và hoàn toàn phù hợp với Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường

Điểm mạnh: Nhà trường rất quan tâm đến việc tổ chức và hoạt động của Hội đồng KH&ĐT và các hội đồng tư vấn khác. Về cơ bản các Hội đồng đã làm tốt chức năng, nhiệm vụ giúp Nhà trường thực hiện có hiệu quả, chất lượng công việc theo Quy chế tổ chức và hoạt động của trường

Nhà trường được xây dựng hợp và phân công công việc một cách có hiệu quả trên, Các đơn vị đều phát huy tốt vai trò, chức năng và nhiệm vụ của mình, và hoàn toàn phù hợp với Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường

Tồn tại: Hội đồng KH &ĐT chưa tham mưu xây dựng tạp chí, tập san khoa học nội bộ; đánh giá chất lượng của trang thông tin điện tử; công tác hợp tác quốc tế.

Kế hoạch: Tổ chức thường xuyên, định kỳ các buổi họp Hội đồng KH&ĐT và các Hội đồng tư vấn khác để có nhiều ý kiến đóng góp có giá trị về công tác quản lý, chiến lược phát triển của Nhà trường. Đồng thời, hàng năm Nhà trường rà soát, điều chỉnh bổ sung cơ cấu tổ chức và phân công nhiệm vụ của các đơn vị và cá nhân cán bộ, giảng viên, nhân viên trong trường cho phù hợp với từng giai đoạn phát triển của Trường.

** Điểm tự đánh giá: 01 điểm*

Tiêu chuẩn 1.7: Trường xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng theo quy định.

** Mô tả, phân tích, nhận định:*

Việc xây dựng quy trình quản lý chất lượng của Nhà trường được Hiệu trưởng phê duyệt đưa vào hoạt động thực tế ở một số nội dung. Bước đầu đã có những hiệu quả nhất định như:

- Nâng cao nhận thức của cán bộ, giáo viên, nhân viên của Nhà trường về việc thực hiện nội dung chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình, thông qua xây dựng lưu đồ hóa quy trình.

- Đưa hoạt động quản lý chất lượng đào tạo từng bước đi vào nề nếp, góp phần chuẩn hóa hoạt động, nâng cao hiệu quả thực thi nhằm nâng cao chất lượng chỉ đạo, điều hành công tác của Nhà trường;

- Góp phần giúp cán bộ, công chức tổ chức thực hiện công việc khoa học hơn; bước đầu tạo sự chuyển biến trong nhận thức về vai trò của người cán bộ, công chức khi thi hành nhiệm vụ.

** Tồn tại:* Mặc dù bước đầu một số đơn vị đã xây dựng được quy trình quản lý chất lượng, nhưng nhìn một cách tổng quát thì các quy trình khi đưa vào hoạt động còn thiếu đồng bộ, chồng chéo, vi phạm tính logic dẫn tới những hạn chế nhất định khi vận hành thực tế.

** Điểm tự đánh giá: 0 điểm*

Tiêu chuẩn 1.8: Trường có bộ phận phụ trách thực hiện công tác quản lý, đảm bảo chất lượng đào tạo và hàng năm hoàn thành nhiệm vụ được giao.

** Mô tả, phân tích, nhận định:*

Nhà trường chưa thành lập được phòng Đảm bảo chất lượng giáo dục nghề nghiệp hoạt động độc lập. Chức năng đảm bảo chất lượng giáo dục của Nhà trường được giao cho phòng Đào tạo và một số cán bộ cốt cán của phòng Đào tạo kiêm nhiệm; các hoạt động giảng dạy, học tập, thi học kỳ và thi tốt nghiệp, thanh tra kiểm tra luôn được phòng Đào tạo tham mưu, phối hợp tổ chức thực hiện nghiêm túc, tuân thủ các quy định, quy chế chuyên môn của trường và Bộ LĐTB&XH.

Đội ngũ cán bộ làm công tác đảm bảo chất lượng giáo dục có đủ năng lực để triển khai thực hiện có hiệu quả các hoạt động đánh giá và đảm bảo chất lượng đào tạo của Nhà trường, hoạt động của bộ phận chuyên trách đều được đánh giá đầy đủ, toàn diện trong các báo cáo sơ kết, tổng kết của nhà trường. Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá [1.8.01]; Báo cáo tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp 2014 [1.8.02].

Điểm mạnh: Nhà trường luôn quan tâm để tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác đảm bảo chất lượng giáo dục; đã giao nhiệm vụ đảm bảo chất lượng cho phòng Đào tạo và bố trí những cán bộ có năng lực, phẩm chất tốt và đã được bồi dưỡng nghiệp vụ để đảm nhiệm, làm nòng cốt trong các hoạt động đảm bảo chất lượng.

Điểm tồn tại: Nhà trường chưa thành lập phòng Đảm bảo chất lượng giáo dục nghề nghiệp hoạt động chuyên trách.

Chưa tự đánh giá về chương trình đào tạo của các ngành.

Kế hoạch: Từ năm học 2020 - 2021, Nhà trường thành lập phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng giáo dục nghề nghiệp; tiếp tục cử cán bộ có năng lực tham dự các

khoá bồi dưỡng chuyên sâu về hoạt động đảm bảo chất lượng nhằm duy trì, nâng cao chất lượng các hoạt động của Nhà trường.

*** Điểm tự đánh giá: 01 điểm**

Tiêu chuẩn 1.9: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong trường phát huy được vai trò lãnh đạo, hoạt động đúng điều lệ và theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.

*** Mô tả, phân tích, nhận định:**

Chi bộ Nhà trường trực thuộc Đảng bộ khối công nghiệp TP Hà Nội, hiện nay có 25 đảng viên; nam 06, nữ 19. Chi ủy gồm 03 đồng chí. Chi bộ có 02 Tổ đảng.

Chi bộ trường đã phát huy tốt vai trò lãnh đạo toàn diện Nhà trường, hoạt động theo Điều lệ Đảng trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật, cụ thể: Lãnh đạo Nhà trường thực hiện nhiệm vụ chính trị, giữ vững an ninh quốc phòng; Công tác chính trị, tư tưởng; Xây dựng chính quyền và các đoàn thể vững mạnh; Công tác tổ chức cán bộ **[1.9.01]**; Công tác xây dựng Đảng thông qua các Nghị quyết lãnh đạo của Chi bộ từng nhiệm kỳ, từng năm, từng tháng hoặc các hội nghị theo chuyên **[1.9.02]** Chi ủy có quy chế làm việc có phân công trách nhiệm cụ thể cho các ủy viên.

Chi ủy tổ chức cho cán bộ, đảng viên, giảng viên, nhân viên, SV học tập các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, của cấp trên; lãnh đạo tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các cuộc vận động như “*Học tập và làm theo tám gương đạo đức Hồ Chí Minh*”. Chi ủy tổ chức kiểm tra định kỳ hoặc chuyên đề đối với đảng viên nên kịp thời khắc phục được những tồn tại, thiếu sót, đề ra biện pháp khắc phục và biểu dương những cá nhân có thành tích tốt. Chi ủy đã chú trọng tới công tác phát triển đảng viên mới. Từ năm 2016 đến nay, Chi ủy đã xét và đề nghị kết nạp được 5 đảng viên mới.

Chi ủy Nhà trường đã thực hiện tốt công tác quy hoạch cán bộ, xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý qua đó đã xây dựng được đội ngũ cán bộ, GV đảm bảo số lượng, chất lượng và đồng bộ về cơ cấu. Chi bộ đã lãnh đạo các đoàn thể quần chúng trong nhà trường phát huy quyền làm chủ của mình, đẩy mạnh các phong trào thi đua và thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ được giao. Từ năm 2016 đến nay, Chi bộ liên tục hoàn thành nhiệm vụ và được công nhận là “*Tổ chức cơ sở Đảng trong sạch, vững mạnh*”. Năm 2017, Nhà trường được Bộ LĐTB&XH tặng Bằng khen.

Điểm mạnh: Chi bộ Nhà trường phát huy được vai trò lãnh đạo toàn diện đối với các hoạt động của Nhà trường, hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật. Đảng bộ luôn vững vàng về chính trị, đoàn kết nhất trí, nhiều năm liền được công nhận là Chi bộ "trong sạch, vững mạnh".

Tồn tại: Chi bộ chưa đẩy mạnh việc thực hiện công tác phát triển đảng trong SV. Các Tổ đảng chưa thường xuyên, kịp thời chỉ đạo đối với một số nội dung công tác.

Kế hoạch: Từ năm học 2019 - 2020, Chi bộ chỉ đạo các Tổ đảng tiếp tục tăng cường công tác phát triển đảng trong GV trẻ và SV, đặc biệt với SV. Tiếp tục chỉ đạo nâng cao chất lượng sinh hoạt các Tổ đảng.

*** Điểm tự đánh giá: 01 điểm**

Tiêu chuẩn 1.10: Các đoàn thể, tổ chức xã hội trong trường hoạt động theo đúng điều lệ của tổ chức mình và theo quy định của pháp luật, góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của trường.

*** Mô tả, phân tích nhận định**

Trong quá trình xây dựng và trưởng thành, Nhà trường luôn coi trọng vai trò của các tổ chức đoàn thể; coi đó là những tổ chức tạo nên sức mạnh để khẳng định vị thế của nhà trường. Tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh đã phát huy vai trò, chức năng và nhiệm vụ thông qua việc phối hợp với Nhà trường tổ chức nhiều hoạt động phong phú góp phần thực hiện tốt mục tiêu giáo dục nghề nghiệp.

Trong những năm qua, Công đoàn Nhà trường đã thực hiện tốt Nghị quyết của Đại hội Công đoàn đề ra. Triển khai thực hiện các hoạt động theo đúng điều lệ và quy chế tổ chức và hoạt động công đoàn như: giám sát, kiểm tra việc thực hiện các chế độ chính sách đối với người lao động thông qua hoạt động của Ban thanh tra nhân dân, tham gia vào các hội đồng cấp trường có liên quan về quyền và lợi ích chính đáng của CCVC và người lao động **[1.10.01]**. Bên cạnh đó, công đoàn đã thực hiện tốt vai trò vận động cán bộ, giảng viên tham gia NCKH, học tập nâng cao trình độ thông qua các hoạt động chuyên môn, văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao... **[1.10.02]**.

Đoàn TNCS HCM hoạt động theo đúng điều lệ của Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh **[1.10.03]** và theo quy định của Hiến pháp và Pháp luật. Trong những năm, qua, Đoàn đã đóng góp tích cực trong việc phối hợp với Nhà trường tổ chức các hoạt động, phong trào có ý nghĩa thiết thực, tạo sân chơi lành mạnh cho SV, giúp SV an tâm học tập, rèn luyện vì ngày mai lập thân, lập nghiệp. Một số câu lạc bộ ra đời

giúp SV có điều kiện giao lưu, rèn luyện: Câu lạc bộ tiếng Anh, câu lạc bộ thể thao... Bên cạnh đó Đoàn trường đã tổ chức kỉ niệm những ngày truyền thống nhằm ôn lại quá khứ hào hùng của dân tộc, tổ chức nhiều chương trình tình nguyện: hiến máu nhân đạo, tiếp sức mùa thi... kịp thời khen thưởng, động viên những đoàn viên thanh niên ưu tú, xuất sắc trong học tập, rèn luyện **[1.10.04]**.

Tổ chức Công đoàn, ĐTNCS HCM hoạt động theo điều lệ, tuân thủ các quy định của pháp luật, thực hiện tốt quy chế dân chủ vì vậy không để xảy ra mất đoàn kết nội bộ, thu hút được cán bộ, giảng viên và SV tham gia vào các hoạt động do tổ chức mình phát động.

Các tổ chức đoàn thể đã thực sự phát huy được vai trò của mình, góp phần vào sự phát triển của Nhà trường. Với những thành tích đã đạt được, Công đoàn được Công đoàn cấp trên công nhận nhiều năm liền là công đoàn cơ sở vững mạnh, nhiều tập thể và cá nhân được công đoàn các cấp tặng khen Đoàn TNCS HCM cũng nhiều năm liền được đoàn cấp trên công nhận là Đoàn cơ sở vững mạnh.

Điểm mạnh: Các tổ chức đoàn thể trong trường phối hợp chặt chẽ với Nhà trường hoạt động có hiệu quả, thiết thực, tạo động lực thúc đẩy cho sự phát triển của nhà trường. Công đoàn và Đoàn TN đã tổ chức được nhiều sân chơi lành mạnh cho CCVC lao động và ĐVTN, góp phần xứng đáng trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của Nhà trường **[1.10.05]**.

Tồn tại: Nhiều hoạt động chưa mang tính chiều sâu, chưa thường xuyên liên tục. Kinh phí hoạt động còn hạn chế, cán bộ làm công tác công đoàn, đoàn thanh niên còn kiêm nhiệm nên thời gian dành cho hoạt động của tổ chức chưa nhiều, chất lượng hiệu quả hoạt động chưa cao.

Kế hoạch: Các tổ chức phải thường xuyên cải tiến phương thức hoạt động để nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động. Các hoạt động chú trọng về chiều sâu, cần thành lập và duy trì hoạt động của các câu lạc bộ, gắn kết chặt chẽ với chính quyền trong việc nâng cao hiệu quả chất lượng hoạt động.

*** Điểm tự đánh giá: 01 điểm**

Tiêu chuẩn 1.11: Trường có quy định và thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của trường theo quy định nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Hằng năm rà soát, cải tiến phương pháp, công cụ kiểm tra, giám sát.

*** Mô tả, phân tích, nhận định:**

Để thực hiện kiểm tra giám sát quá trình dạy và học, Nhà trường giao cho phòng Đào tạo, các khoa phân công cán bộ kiểm tra nề nếp dạy học. Thành phần kiểm tra, giám sát nề nếp gồm là các viên chức, giảng viên, lãnh đạo các khoa liên quan đến quá trình dạy của giảng viên và học của SV nên quá trình này được đánh giá đa chiều. Thông qua quá trình này đã phát hiện những tồn tại và ưu điểm trong quá trình tổ chức dạy học kịp thời tham mưu cho lãnh đạo Nhà trường khắc phục những hạn chế và phát huy, nhân rộng những điểm mạnh. Kết quả kiểm tra được tổng hợp hàng tháng và được công khai trong toàn trường thông qua cuộc học giao ban. Quy chế đào tạo cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp hệ chính quy **[1.11.01]**.

Điểm mạnh: Kết quả kiểm tra cũng được sử dụng để đánh giá giáo viên bộ môn, giáo viên chủ nhiệm và các lớp và đưa vào tiêu chí thi đua của Nhà trường.

Hàng kỳ, hàng năm thông qua các cuộc họp cơ quan, giao ban định kỳ, các công cụ đánh giá lại được rà soát và điều chỉnh cho phù hợp với thực tế.

Điểm tồn tại: Chưa ban hành Quyết định thành lập và chức năng nhiệm vụ của tổ kiểm tra nề nếp.

*** Điểm tự đánh giá: 01 điểm**

Tiêu chuẩn 1.12: Trường có văn bản và thực hiện chế độ chính sách ưu đãi của nhà nước cho các đối tượng được thụ hưởng, thực hiện chính sách bình đẳng giới theo quy định

*** Mô tả, phân tích, nhận định:**

Hàng năm, nhà trường đã thực hiện đầy đủ các loại chế độ chính sách đối với SV theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước như: miễn, giảm học phí, trợ cấp xã hội, hỗ trợ học tập, chính sách nội trú; đồng thời, Nhà trường đã xác nhận cho SV đủ điều kiện vay vốn ưu đãi và hưởng các chế độ chính sách ưu đãi ở địa phương. Thực hiện việc cấp học bổng khuyến khích học tập đảm bảo đúng tiêu chuẩn. Công tác thi đua khen thưởng của SV được nhà trường quan tâm, đã động viên khích lệ tập thể và cá nhân SV trong học tập, rèn luyện **[1.12.01]**. Hàng năm, công tác chế độ chính sách cho SV được phổ biến công khai ngay từ đầu năm học, trong tuần sinh hoạt công dân đầu năm **[1.12.02]**. Khi có chính sách mới, SV đều được thông báo và hướng dẫn làm thủ tục hồ sơ để được công nhận.

*** Điểm tự đánh giá: 01 điểm**

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ 2

3.2.2. Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo

** Mở đầu:*

Trường CĐCNHN đã và đang tích cực thực hiện đa dạng hóa các phương thức, loại hình đào tạo nhằm đáp ứng đòi hỏi nguồn nhân lực có chất lượng cao trong nhiều lĩnh vực và đáp ứng nhu cầu người học. Thực hiện chỉ đạo của Tổng cục dạy nghề, trường đã chuyển đổi phương thức đào tạo từ niên chế sang tín chỉ hướng tới đào tạo kỹ năng thực hành cho sinh viên. Trong những năm qua nhà trường đã quan tâm chỉ đạo tăng cường nghiên cứu đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu cho sinh viên. Việc đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên cũng được chỉ đạo triển khai nhằm mục đích vừa bảo đảm được yêu cầu chính xác, khách quan, công bằng lại vừa có tác dụng khuyến khích người học.

** Những điểm mạnh:*

Nhà trường đã thực hiện đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo như: dài hạn tập trung, ngắn hạn, mở rộng mối quan hệ với các trường cao đẳng và đại học trong công tác đào tạo để đáp ứng yêu cầu của người học và người sử dụng lao động.

Để đảm bảo chất lượng trong quá trình dạy và học, kế hoạch đào tạo được xây dựng và thực hiện nghiêm túc, phù hợp với các yêu cầu của thực tiễn sản xuất và nhu cầu của doanh nghiệp. Nhà trường đã có chủ trương đổi mới phương pháp dạy học; phương pháp và quy trình thi, kiểm tra, đánh giá đảm bảo nghiêm túc, khách quan, phù hợp với phương thức đào tạo, hình thức học tập và đặc thù của mô đun, môn học.

Các hoạt động dạy và học đã thể hiện tính ổn định và phát triển của nhà trường trong đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước. Trong những năm qua, nhà trường đã không ngừng cải tiến nội dung, đổi mới phương pháp dạy học góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và đáp ứng nguồn lao động kỹ thuật có tay nghề cao phục vụ nhu cầu thị trường lao động trong và ngoài nước.

Công tác dạy và học được thực hiện nghiêm túc, hiệu quả; việc tuyển sinh được thực hiện đúng nguyên tắc; theo đúng quy chế tuyển sinh của Bộ LĐTB&XH trong đó thể hiện đa dạng hoá hình thức tổ chức, chương trình đào tạo theo yêu cầu đào tạo gắn với việc làm, đào tạo theo nhu cầu của người học và xã hội.

** Những tồn tại:*

- Việc thu thập ý kiến đánh giá của cán bộ, giáo viên, người học, doanh nghiệp về chương trình đào tạo; nội dung, phương pháp đào tạo, chất lượng đào tạo, giáo dục chưa rộng rãi.

- Trình độ đầu vào của học sinh còn nhiều hạn chế nên ít nhiều cũng ảnh hưởng đến công tác dạy và học của nhà trường

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Mở rộng phạm vi và đối tượng thu thập ý kiến đánh giá về chương trình đào tạo, nội dung, phương pháp đào tạo, chất lượng đào tạo, giáo dục.

Điểm đánh giá tiêu chí 2

Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo	Điểm tự đánh giá
Tiêu chuẩn 2.1	<i>1 điểm</i>
Tiêu chuẩn 2.2	<i>1 điểm</i>
Tiêu chuẩn 2.3	<i>1 điểm</i>
Tiêu chuẩn 2.4	<i>1 điểm</i>
Tiêu chuẩn 2.5	<i>1 điểm</i>
Tiêu chuẩn 2.6	<i>1 điểm</i>
Tiêu chuẩn 2.7	<i>1 điểm</i>
Tiêu chuẩn 2.8	<i>1 điểm</i>
Tiêu chuẩn 2.9	<i>1 điểm</i>
Tiêu chuẩn 2.10	<i>1 điểm</i>
Tiêu chuẩn 2.11	<i>1 điểm</i>
Tiêu chuẩn 2.12	<i>1 điểm</i>
Tiêu chuẩn 2.13	<i>1 điểm</i>
Tiêu chuẩn 2.14	<i>1 điểm</i>
Tiêu chuẩn 2.15	<i>1 điểm</i>
Tiêu chuẩn 2.16	<i>1 điểm</i>
Tiêu chuẩn 2.17	<i>1 điểm</i>

Tiêu chuẩn 2.1: Các ngành, nghề đào tạo của trường được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Trường ban

hành chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo và công bố công khai để người học và xã hội biết.

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Trường đã được Tổng cục Dạy nghề cấp giấy Chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp cho 15 ngành (CĐ: 11; TC: 04; SC: 03), nghề với các trình độ đào tạo cao đẳng, trung cấp, sơ cấp **[2.1.01]**

Các năm 2017, 2018, 2019 trường triển khai xây dựng và ban hành chương trình đào tạo cho các nghề thuộc hệ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp và liên thông. Các ngành nghề đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo thông tư 03/2017/BLĐTBXH ngày 01/03/2017 về việc Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng; thông tư 12/2017/BLĐTBXH về việc Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng; Ban hành kèm theo là chuẩn đầu ra quy định về các yêu cầu đối với người học phải đạt khi tốt nghiệp bao gồm: kiến thức, kỹ năng, thái độ **[2.1.02]**. Chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra được công bố công khai trên trang Web của trường.

**** Điểm tự đánh giá: 01 điểm.***

Tiêu chuẩn 2.2: Trường xây dựng và ban hành quy chế tuyển sinh theo quy định.

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Trường đã ban hành Quy chế tuyển sinh cao đẳng Trường đã ban hành Quy chế tuyển sinh cao đẳng, trung cấp khối ngành kinh tế, kỹ thuật năm 2017 đúng với quy định theo Thông tư số 05/2017/TT - BLĐTBXH ngày 02/3/2017 của Bộ LĐTBXH về việc quy định quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng **[2.2.01]**,

**** Điểm tự đánh giá: 01 điểm.***

Tiêu chuẩn 2.3: Hàng năm, trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh và thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan.

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Hàng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch tuyển sinh, thông báo tuyển sinh.... Trên cơ sở kế hoạch tuyển sinh đã xây dựng, nhà trường đã thành lập Hội đồng và các

Ban tuyển sinh để thực hiện kế hoạch đề ra [2.1.01], [2.3.01]. Trên cơ sở chỉ tiêu tuyển sinh được giao hàng năm và phương án xét tuyển, Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh dự kiến phương án xác định danh sách các thí sinh trúng tuyển trình Hội đồng tuyển sinh xét duyệt. Căn cứ vào phương án và quy định về điểm chuẩn, trường thông báo danh sách học sinh trúng tuyển và làm thủ tục nhập học

Sau khi Hội đồng tuyển sinh xét duyệt, danh sách trúng tuyển được niêm yết công khai tại bảng tin, trên trang Web của trường. Đồng thời, gửi giấy báo trúng tuyển đến từng thí sinh. Trường thực hiện công tác tuyển sinh theo đúng kế hoạch đã được ban hành đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan, không có đơn thư khiếu nại, tố cáo [2.3.02], [2.3.03], [2.3.04].

** Điểm tự đánh giá: 01 điểm*

Tiêu chuẩn 2.4: Thực hiện đa dạng hoá các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học.

** Mô tả, phân tích, nhận định:*

Nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của người học và thị trường lao động, Nhà trường chủ trương thực hiện đa dạng hóa các phương thức đào tạo. Nhà trường tổ chức đào tạo với nhiều loại hình, ngành nghề với các cấp trình độ khác nhau: Cao đẳng nghề, Trung cấp nghề, các lớp liên thông [2.1.01]. Liên kết với các cơ sở đào tạo, cơ sở sản xuất tổ chức đào tạo tại chỗ nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người học [2.4.02], [2.4.03].

Để có được phương thức đào tạo hợp lý, sát thực tế sản xuất và ngày càng đáp ứng nhu cầu đa dạng của người học, người sử dụng lao động, nhà trường thường xuyên trao đổi, rút kinh nghiệm, để điều chỉnh cho phù hợp. Hằng năm, nhà trường định kỳ lấy ý kiến của người học từ các lớp học để đánh giá nhu cầu của người học về phương thức tổ chức đào tạo [2.4.01], [2.4.03]

** Điểm tự đánh giá: 01 điểm*

Tiêu chuẩn 2.5: Trường xây dựng và phê duyệt kế hoạch, tiến độ đào tạo cho từng lớp, từng khóa học của mỗi ngành hoặc nghề, theo từng học kỳ, năm học. Kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng mô đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đúng quy định.

** Mô tả, phân tích, nhận định:*

Trên cơ sở chương trình đào tạo các nghề đã được Hiệu trưởng phê duyệt [2.1.02], phòng Đào tạo xây dựng kế hoạch và tiến độ đào tạo cho từng nghề, từng lớp, giờ đến từng mô-đun/môn học [2.5.01], trong đó từng môn học/ mô-đun được xác định rõ thời gian đào tạo, số giờ học lý thuyết, số giờ thực hành và thực tập sản xuất để phù hợp với thực tiễn. Căn cứ vào tiến độ, kế hoạch đào tạo, các Khoa phối hợp với Phòng Đào tạo xây dựng phân công giảng dạy cho giáo viên, giảng viên cho từng học kỳ [2.5.02], xây dựng thời khóa biểu gửi đến các phòng, khoa niêm yết tại Phòng đào tạo để thực hiện và thuận tiện cho việc thanh, kiểm tra.

** Điểm tự đánh giá: 01 điểm*

Tiêu chuẩn 2.6: Trường tổ chức thực hiện theo kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo đã được phê duyệt.

** Mô tả, phân tích, nhận định:*

Căn cứ chương trình đào tạo và chương trình chi tiết năm học đã được Hiệu trưởng phê duyệt, phòng Đào tạo xây dựng kế hoạch đào tạo năm học cho từng khoa học [2.5.02]; và để cụ thể hóa các hoạt động, phòng Đào tạo phối hợp với khoa tham mưu xây dựng phân công giảng dạy cho từng giáo viên, giảng viên theo từng kì học; chuyển xuống tất cả các phòng, khoa, để thực hiện, sau đó, từng giáo viên xây dựng kế hoạch môn học đối với những môn giảng dạy [2.6.01]. Việc xây dựng Thời khóa biểu cho các lớp, các khóa được thực hiện ổn định trong cả học kỳ của năm học và tổ chức thực hiện, theo dõi, quản lý . Mọi sự thay đổi, điều chỉnh kế hoạch phải được Hiệu trưởng phê duyệt; Nếu giáo viên, giảng viên nào muốn thay đổi giờ giảng phải được sự đồng ý của trưởng khoa và phòng Đào tạo. Giáo viên, giảng viên thực hiện giảng dạy theo Quy định công tác chuyên môn [2.6.02], [2.6.03]. Trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch đào tạo, Phòng Đào tạo là bộ phận chịu trách nhiệm theo dõi tiến độ giảng dạy, giám sát việc thực hiện kế hoạch và nội dung giảng dạy theo đúng chương trình đào tạo của từng nghề. Việc kiểm tra nề nếp dạy và học do Phòng Đào tạo thực hiện thường xuyên, hàng ngày và báo cáo kết quả kiểm tra định kì tại các cuộc giao ban trường.

Ngoài ra, việc kiểm tra giám sát được thực hiện theo kế hoạch thanh tra được phê duyệt đầu năm hoặc đột xuất do Đoàn thanh tra thực hiện với các nội dung: kiểm tra kế hoạch, tiến độ giảng dạy và kiểm tra hồ sơ giảng dạy của giáo viên: giáo án, sổ báo giảng, sổ điểm [2.6.02].

**** Điểm tự đánh giá: 01 điểm***

Tiêu chuẩn 2.7: Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt; có sự phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập các ngành, nghề tại đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Nhà trường xây dựng và phê duyệt kế hoạch tiến độ đào tạo cho từng lớp, từng khóa học của mỗi ngành nghề, theo từng học kỳ, năm học. Kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng mô đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đúng quy định [2.5.02].

Thực hiện đào tạo theo đúng chương trình, đúng kế hoạch tại trường thực hành và cơ sở thực hành. Dựa vào thực tiễn, nhà trường điều chỉnh chương trình cho phù hợp với thực tế [2.7.01]. Hàng năm nhà trường xây dựng kế hoạch thực hành, thực tập cho SV [2.7.02], [2.7.04] và phân công giáo viên của các khoa chịu trách nhiệm hướng dẫn sinh viên trong quá trình thực tập và yêu cầu sinh viên phải có báo cáo kết quả sau mỗi đợt thực tập [2.7.03], [2.7.05].

**** Điểm tự đánh giá: 01 điểm***

Tiêu chuẩn 2.8: Phương pháp đào tạo được thực hiện kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm.

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Việc đổi mới và đa dạng hóa các phương pháp đào tạo là nội dung trọng tâm của nhà trường nó được thể hiện trong các văn bản đào tạo với phương châm là kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn [2.5.02].

Hàng năm nhà trường đầu tư trang thiết bị (máy tính, máy chiếu, thiết bị nghe nhìn...) phục vụ công tác giảng dạy [2.8.01].

Cử giảng viên tham gia các lớp tập huấn về kỹ năng biên soạn chương trình, giáo trình cho giáo viên và người dạy nghề, mở các lớp tập huấn về nâng cao năng lực sư phạm cho giáo viên. Sau khi đã được tập huấn, nhà trường đã yêu cầu các Khoa, Bộ

môn tổ chức, ứng dụng các phương pháp dạy học tích cực trong quá trình lên lớp, biên soạn các giáo án giáo trình, thiết bị dạy nghề tự làm [2.8.02].

Nhà trường đăng kí cho các giáo viên tham gia kiểm tra, đánh giá cấp chứng chỉ kỹ năng thực hành nghề để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng nhu cầu đào tạo của xã hội [2.8.03].

Ngoài ra, tại các buổi sinh hoạt chuyên môn định kỳ, dự và đánh giá giờ giảng, các bộ môn và khoa luôn dành nhiều thời gian để thảo luận về các vấn đề đổi mới phương pháp giảng dạy [2.8.04]. Đây là công tác quan trọng để các giảng viên tự đánh giá và điều chỉnh phương pháp giảng dạy cho phù hợp với từng học phần, từng đối tượng học sinh sinh viên trên cơ sở đặt người học vào vị trí trung tâm.

Hiện nay, trong Trường đang áp dụng các phương pháp giảng dạy như: phương pháp thuyết trình, phương pháp nêu vấn đề, phương pháp thảo luận nhóm, bài tập lớn, phương pháp dạy học tích hợp, các phương pháp dạy học đó đã giúp học sinh chủ động hơn, tự tin hơn, phát triển năng lực tự học góp phần nâng cao chất lượng đào tạo [2.8.02].

** Điểm mạnh*

Nhà trường và cán bộ giảng viên đã chủ động đổi mới, đa dạng hóa phương pháp giảng dạy và học tập theo hướng tích hợp giữa lý thuyết và thực hành nhằm phát triển năng lực tự học, nghiên cứu và làm việc tập thể của người học.

Thường xuyên tham gia các hội thảo về đổi mới phương pháp giảng dạy.

Định kỳ đánh giá hiệu quả của các phương pháp giảng dạy của giảng viên, rút kinh nghiệm áp dụng phương pháp tiên tiến.

** Tồn tại*

Còn thiếu một số trang thiết bị nghe nhìn, dụng cụ học tập, phòng học và nhà xưởng phù hợp cho việc áp dụng phương pháp giảng dạy mới.

Một số giảng viên chưa tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy; một bộ phận SV không chịu khó học tập; ít tự học, tự rèn luyện.

** Điểm tự đánh giá: 01 điểm*

Tiêu chuẩn 2.9: Trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học

** Mô tả, phân tích, nhận định:*

- Nhà trường đã ra công văn hướng dẫn về việc thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học. Trên cơ sở đó các khoa, tổ bộ môn triển khai đến từng giáo viên thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin vào soạn giảng, kết quả thực hiện đến nay 100% giáo viên ứng dụng CNTT vào dạy và học. Nhiều phần mềm đang được các khoa sử dụng trong giảng dạy các học phần có liên quan **[2.9.01], [2.9.02]**.

Điểm mạnh:

Nhà trường đã có chủ trương về thực hiện ứng dụng CNTT trong dạy học từ rất sớm nên đến nay 100% GV đã soạn bài bằng giáo án điện tử, giảng dạy bằng các phần mềm tin học hiện đại nâng cao chất lượng đào tạo.

Tồn tại: Một số GV kỹ năng sử dụng máy tính và ứng dụng các phần mềm tin học còn hạn chế cần được đào tạo thêm.

*** Điểm tự đánh giá: 01 điểm**

Tiêu chuẩn 2.10: Hằng năm, trường có kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo đúng kế hoạch.

*** Mô tả, phân tích, nhận định:**

Theo thông tư hướng dẫn của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội trường đã ban hành hệ thống văn bản pháp quy nhà trường phục vụ cho công tác tổ chức, quản lý đào tạo **[1.3.01]**.

Trường có quy định về việc kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học. Ngay từ đầu năm học Ban giám hiệu và phòng Đào tạo lập kế hoạch và tổ chức kiểm tra giám sát hoạt động dạy và học theo đúng kế hoạch đã đề ra **[2.5.02]; [2.10.01]**.

*** Điểm tự đánh giá: 01 điểm**

Tiêu chuẩn 2.11: Hằng năm, trường có báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học; có đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học; kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học theo đề xuất nếu cần thiết.

*** Mô tả, phân tích, nhận định:**

Sau khi kiểm tra giám sát hoạt động dạy và học của toàn trường các đơn vị chức năng trực tiếp giám sát hoạt động luôn có báo cáo tổng kết kết quả, từ đó báo cáo với Ban giám hiệu để kịp thời đưa ra những điều chỉnh các hoạt động dạy và học học lý, cần thiết **[2.6.01]**.

** Điểm tự đánh giá: 01 điểm*

Tiêu chuẩn 2.12: Trường ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định.

** Mô tả, phân tích, nhận định:*

Trường ban hành đầy đủ các văn bản quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ. Nội dung các quy định đang hiện hành này đúng theo quy định tại Quyết định 25/2006/QĐ-BGDĐT ngày 26/06/2006; Thông tư Số: 22/2014/TT-BGDĐT ngày 09/07/2014; Quyết định số 33/2007/QĐ-BGDĐT ngày 26/6/2007; Thông tư số 22/2012/TT-BGDĐT ngày 20/6/2012. Các quy định về kiểm tra, thi, xét tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ được cụ thể hóa trong nội dung của sổ tay sinh viên, quy chế SV [1.3.02].

** Điểm tự đánh giá: 01 điểm*

Tiêu chuẩn 2.13: Trong quá trình đánh giá kết quả học tập của người học có sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động và theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

** Mô tả, phân tích, nhận định:*

Từ khi thành lập trường đến nay quá trình đào tạo các ngành học trong nhà trường thường xuyên liên kết với các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp để làm địa điểm thực tập cho các em học sinh sinh viên, đồng thời đó cũng là dịp để các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp góp phần đánh giá quá trình học tập của các em. Cụ thể: Hàng năm nhà trường ban hành kế hoạch đào tạo của các khóa học, trong đó thể hiện thời gian thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động [2.5.02]; Xây dựng kế hoạch thực hành, thực tập và kiến tập cho học sinh sinh viên tại các cơ sở [2.7.02].

Điểm mạnh:

Ngay từ khi thành lập nhà trường đã có kế hoạch trong việc đánh giá kết quả học tập của người học có sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động nhằm nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội và trong các năm học tiếp theo nhà trường tiếp tục xây dựng quy trình đánh giá kết quả học tập của người học có sự tham gia nhiều hơn của các đơn vị sử dụng lao động.

** Điểm tự đánh giá: 01 điểm*

Tiêu chuẩn 2.14: Tổ chức thực hiện kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định đảm bảo nghiêm túc, khách quan.

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Công tác tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp đúng quy định, nghiêm túc, mỗi phòng thi đều có ít nhất 02 cán bộ coi thi [2.14.01]. Công tác đánh giá kết quả học tập, rèn luyện đúng quy định, kết quả được công khai trên phần mềm quản lý đào tạo, sinh viên có thể truy cập xem trực tiếp [2.14.01]. Công tác cấp phát và hồ sơ lưu trữ việc cấp phát văn bằng, chứng chỉ đều được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định, không xảy ra các sai phạm.

Trường ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ và luôn tổ chức thực hiện kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định đảm bảo nghiêm túc, khách quan [2.10.01], [2.14.02]. Việc đánh giá kết quả thực hiện được tiến hành nghiêm túc thông qua các đợt tổng kết cuối năm học hoặc trong các hội nghị giao ban trường hàng tuần, hàng tháng [1.5.03].

**** Điểm tự đánh giá: 01 điểm***

Tiêu chuẩn 2.15: Hằng năm, trường thực hiện rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ và kịp thời điều chỉnh nếu cần thiết

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Hàng năm, Lãnh đạo trường kết hợp với các phòng chức năng: phòng Đào tạo phối hợp với các phòng, khoa thực hiện công tác rà soát, lấy ý kiến thăm dò về các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ và kịp thời điều chỉnh nếu cần thiết. [2.15.01].

**** Điểm tự đánh giá: 01 điểm***

Tiêu chuẩn 2.16: Trường có hướng dẫn và tổ chức thực hiện về đào tạo liên thông theo quy định.

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Trên cơ sở quy định của Tổng cục dạy nghề về đào tạo liên thông, hàng năm trường đều xây dựng chỉ tiêu và kế hoạch tuyển sinh liên thông, tổ chức việc đào tạo theo đúng quy chế, quy định [2.16.01], [2.16.02].

** Điểm tự đánh giá: 1 điểm*

Tiêu chuẩn 2.17: Trường có cơ sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo và tổ chức quản lý, sử dụng hiệu quả.

** Mô tả, phân tích, nhận định:*

Hiện nay trường đã sử dụng phần mềm quản lý đào tạo, quản lý chương trình đào tạo, lưu trữ kết quả học tập, rèn luyện của học sinh và được quản lý theo đúng quy định. Quá trình sử dụng phần mềm của trường trong công tác quản lý, cập nhật, truy cập, quản lý, tổng hợp báo cáo chính xác và khoa học; lưu trữ dữ liệu an toàn [2.17.01]. Hàng năm trường đều tổ chức tổng kết các hoạt động đào tạo và các công tác khác, các nội dung đều được lưu trữ thông qua báo cáo tổng kết của các khoa, bộ môn, phòng [1.6.02].

** Điểm tự đánh giá: 01 điểm*

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ 3

3.2.3. Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý và người lao động.

** Mở đầu:*

Ngay từ khi thành lập, Ban Giám hiệu Nhà trường đã xác định đội ngũ cán bộ, nhà giáo và người lao động là yếu tố quan trọng quyết định đến sự phát triển cũng như quyết định chất lượng đào tạo của Nhà trường.

Nhà trường đặc biệt quan tâm đến công tác phát triển đội ngũ CB, GV, NLĐ. Trên cơ sở chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và điều kiện thực tiễn của đơn vị, Nhà trường đã xây dựng chiến lược, kế hoạch và cơ chế, chính sách để phát triển toàn diện đội ngũ CB, GV, NLĐ về số lượng và chất lượng.

** Những điểm mạnh:*

Việc tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ và người lao động của nhà trường được thực hiện đúng quy định của Điều lệ Trường CĐCNHN và phù hợp với quy mô, đảm bảo cho Nhà trường hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ được giao.

Hàng năm Nhà trường xây dựng kế hoạch tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại CB, GV, NLĐ theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan, thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ CB, GV, NLĐ theo quy định. Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng CBGV, chiến lược tuyển dụng giảng viên, nhân viên trên cơ sở

định hướng phát triển của Nhà trường. Luôn tạo điều kiện về thời gian cũng như kinh phí cho CB, GV, NLĐ đi học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ.

Đội ngũ giảng viên của trường có trình độ chuyên môn cao đều đạt chuẩn về năng lực chuyên môn và năng lực sư phạm đối với nhà giáo giảng dạy lý thuyết. Đa số nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động có ý thức tổ chức kỷ luật và ý thức trách nhiệm cao trong công tác chuyên môn, thực hiện đúng nhiệm vụ quyền hạn theo quy định.

Trường có đội ngũ nhà giáo đảm bảo tỷ lệ quy đổi, đảm bảo khối lượng chương trình mỗi ngành nghề đào tạo và tỷ lệ nhà giáo có trình độ sau đại học theo quy định. Quá trình đào tạo đảm bảo mục tiêu, đúng nội dung của CTĐT nhà trường; có nhiều hoạt động gắn kết với doanh nghiệp với mục tiêu điều chỉnh chương trình nội dung đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động của xã hội. Công tác thanh, kiểm tra việc giảng dạy, dự giờ được tiến hành thường xuyên theo đúng định kỳ, được thực hiện nghiêm túc.

Nhà trường đã có chủ trương, kế hoạch, giải pháp cụ thể, rõ ràng về tuyển dụng, đào tạo và bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ giảng viên, cán bộ và nhân viên; tạo điều kiện thuận lợi, khuyến khích đội ngũ giảng viên, cán bộ và nhân viên, đặc biệt là GV trẻ đi đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ ở trong nước và nước ngoài.

Đội ngũ cán bộ quản lý của trường có trình độ chuyên môn cao, có kinh nghiệm quản lý trong môi trường giáo dục chuyên nghiệp. Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng có phẩm chất và năng lực theo yêu cầu tiêu chuẩn chức danh trong Luật Giáo dục nghề nghiệp và Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH, có kinh nghiệm quản lý trong môi trường giáo dục chuyên nghiệp, thực hiện đầy đủ quyền hạn và hoàn thành tốt chức trách nhiệm vụ theo quy định.

** Những tồn tại:*

Nhà trường mới chuyển sang mô hình giáo dục nghề nghiệp nên còn gặp nhiều khó khăn trong quá trình chuyển đổi, đào tạo đội ngũ nhà giáo dạy nghề.

Còn một số giảng viên chưa được đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghề để dạy thực hành trình độ trung cấp, cao đẳng. Hầu hết, giáo viên còn khó khăn về sử dụng ngoại ngữ.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Xây dựng và đề xuất cơ chế, chính sách phù hợp để thu hút người có phẩm chất, năng lực tốt về công tác tại trường và tạo điều kiện thuận lợi, khuyến khích GV,CB, NV đi đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ.

Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, đi thực tế tại các doanh nghiệp để đội ngũ giảng viên nhà trường được đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghề phù hợp với ngành nghề giảng dạy và yêu cầu về chuyên môn để giảng dạy thực hành.

Tuyên truyền để viên chức và người lao động nâng cao ý thức chấp hành nội quy, quy định của nhà trường; xây dựng các tiêu chí để đưa vào đánh giá, phân loại, khen thưởng cuối năm học; nghiêm khắc xử lý các cá nhân vi phạm

Thường xuyên kiểm tra, đánh giá công tác quản lý của cán bộ quản lý nhà trường.Tăng cường công tác bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ quản lý. Tổ chức cho đội ngũ CBQL thường xuyên tham gia học hỏi kinh nghiệm những trường có bề dày về công tác quản lý.

Điểm đánh giá tiêu chí 3:

Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên và người lao động.	Điểm tự đánh giá
Tiêu chuẩn 3.1	<i>1 điểm</i>
Tiêu chuẩn 3.2	<i>1 điểm</i>
Tiêu chuẩn 3.3	<i>1 điểm</i>
Tiêu chuẩn 3.4	<i>1 điểm</i>
Tiêu chuẩn 3.5	<i>1 điểm</i>
Tiêu chuẩn 3.6	<i>1 điểm</i>
Tiêu chuẩn 3.7	<i>1 điểm</i>
Tiêu chuẩn 3.8	<i>1 điểm</i>
Tiêu chuẩn 3.9	<i>1 điểm</i>
Tiêu chuẩn 3.10	<i>1 điểm</i>
Tiêu chuẩn 3.11	<i>1 điểm</i>
Tiêu chuẩn 3.12	<i>1 điểm</i>
Tiêu chuẩn 3.13	<i>1 điểm</i>
Tiêu chuẩn 3.14	<i>1 điểm</i>
Tiêu chuẩn 3.15	<i>1 điểm</i>

Tiêu chuẩn 3.1: Có quy định về việc tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý và người lao động.

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Căn cứ Điều lệ trường cao đẳng, Nhà trường đã có quy định về việc tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, và người lao động đảm bảo đúng quy định hiện hành và phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường. Hiện nay, việc tuyển dụng viên chức của Nhà trường tổ chức thi tuyển thông qua kỳ thi tuyển dụng trên cơ sở căn cứ vào nhu cầu thực tế của Nhà trường.

Tình hình sử dụng CB, GV và NLĐ tuân thủ theo đúng vị trí việc làm đã được phê duyệt. Hiện nay tổng số lãnh đạo và CBQL của trường là 15 người, gồm: 01 Hiệu trưởng; 02 phó hiệu trưởng; 07 trưởng phòng, khoa; 02 phó trưởng phòng, khoa, trung tâm; 03 tổ trưởng tổ chuyên môn; về trình độ: Tiến sĩ: 2, Thạc sĩ: 13, Đại học 01. Lãnh đạo và cán bộ quản lý của nhà trường có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực chuyên môn và quản lý về cơ bản đáp ứng được yêu cầu. Việc bổ nhiệm, luân chuyển, điều động được thực hiện đúng quy định.

Công tác đánh giá CB, GV và NLĐ được thực hiện hàng năm trên cơ sở căn cứ vào quy định đánh giá, phân loại CB, GV và NLĐ của Nhà trường [3.1.01]

Nhà trường có những chính sách, biện pháp khuyến khích cán bộ, giảng viên trong công tác NCKH nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả quá trình dạy và học. Chất lượng đào tạo đã ngày càng ổn định và được nâng cao, phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thế giới. Hàng năm nhà trường đều cử những CB, GV và NLĐ đủ điều kiện, phẩm chất, năng lực chuyên môn đi học tập để nâng cao trình độ nhằm đáp ứng những yêu cầu chuyên môn ngày càng cao của Nhà trường [3.1.02].

Việc tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý và người lao động được thực hiện đúng quy định của Điều lệ trường cao đẳng và phù hợp với quy mô, đảm bảo cho nhà trường hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ được giao [3.1.03], [3.1.04].

Nhà trường chưa có biện pháp thích hợp để giúp đỡ CB, GV và NLĐ có hoàn cảnh khó khăn đi học nâng cao trình độ theo chủ trương và kế hoạch.

**** Điểm tự đánh giá: 01 điểm.***

Tiêu chuẩn 3.2: Tổ chức thực hiện tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý và người lao động theo quy

định, đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan, thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định.

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Trên cơ sở Nghị quyết của cấp uỷ, Ban Giám hiệu đã thực hiện công tác tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng theo cán bộ quy định, đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan, thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ nhà giáo, cán bộ quản lý và người lao động đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của trường và ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo.

* Điểm mạnh: Căn cứ vào tình hình thực tế, hàng năm Nhà trường đều có kế hoạch xây dựng chỉ tiêu biên chế trên cơ sở nhu cầu thực tế [3.1.04], công tác quy hoạch cán bộ công tác bồi dưỡng đào tạo, xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, đội ngũ giảng viên và người lao động [3.1.02], [3.2.01], đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của trường và ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo.

Nhà trường đảm bảo các chế độ chính sách đầy đủ, kịp thời, đúng quy định cho CB, GV và NLD như: tiền lương, chế độ làm ngoài giờ, tăng giờ, thu nhập tăng thêm, khen thưởng, công tác phí, nghỉ phép, chế độ bảo hiểm, hỗ trợ đi học nâng cao trình độ chuyên môn và các khoản phúc lợi xã hội khác ...

Hàng năm Nhà trường xây dựng kế hoạch tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý và người lao động theo quy định, đảm bảo dân chủ, công khai, minh bạch [3.2.02], [3.2.03].

So với các yêu cầu của các chỉ số trong tiêu chuẩn, Nhà trường nhận thấy đã đáp ứng đầy đủ những điều kiện đề ra, không có điểm tồn tại cần khắc phục.

**** Điểm tự đánh giá: 01 điểm***

Tiêu chuẩn 3.3: Đội ngũ nhà giáo của trường tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành khác (nếu có)

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Đội ngũ nhà giáo tham gia giảng dạy của Nhà trường đều đạt chuẩn về năng lực chuyên môn và năng lực sư phạm đối với nhà giáo giảng dạy lý thuyết được quy định trong Luật Giáo dục nghề nghiệp [3.3.01] và Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH [3.3.02], cũng như trong Quy chế tổ chức và hoạt động [1.1.03] của Nhà trường. Đội ngũ giảng viên đều có trình độ từ đại học trở lên (trong đó giảng viên có trình độ thạc sĩ chiếm hơn 70%), có đầy đủ các chứng chỉ về chuyên môn (Tin học, ngoại ngữ),

chứng chỉ về năng lực sư phạm (chứng chỉ về nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên đại học, cao đẳng), chứng chỉ về kỹ năng nghề [3.3.03].

** Những tồn tại:* Do điều kiện Nhà trường mới chuyển đổi sang mô hình cơ sở giáo dục nghề nghiệp nên vẫn còn một số giáo viên chưa được đào tạo, bồi dưỡng cấp chứng chỉ kỹ năng nghề.

** Kế hoạch khắc phục:* Nhà trường xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để đội ngũ giảng viên đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghề phù hợp với ngành nghề giảng dạy và yêu cầu về chuyên môn để đảm bảo giảng dạy thực hành theo đúng quy định

** Điểm tự đánh giá: 01 điểm*

Tiêu chuẩn 3.4: Nhà giáo, cán bộ quản lý và người lao động thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định và không vi phạm quy chế, nội quy, quy định của trường

** Mô tả, phân tích, nhận định:*

Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng các quy định của Nhà trường tại Quy chế tổ chức và hoạt động, chế độ làm việc, nghỉ ngơi [1.1.03], [1.3.05] của Nhà trường. Hầu hết nhà giáo, cán bộ quản lý và người lao động có ý thức tổ chức kỷ luật và ý thức trách nhiệm cao trong công tác chuyên môn, thực hiện đúng nhiệm vụ quyền hạn theo quy định.

** Những tồn tại:* Vẫn còn một số ít giáo viên chưa chấp hành nghiêm quy trình, quy định chuyên môn, nghiệp vụ.

** Kế hoạch khắc phục:* Nhà trường tiếp tục tuyên truyền để CB, GV và NLĐ nâng cao ý thức chấp hành nội quy, quy định của nhà trường; xây dựng các tiêu chí để đưa vào đánh giá, phân loại, khen thưởng cuối năm học; nghiêm khắc xử lý các cá nhân vi phạm

** Điểm tự đánh giá: 01 điểm*

Tiêu chuẩn 3.5: Trường có đội ngũ nhà giáo đảm bảo tỷ lệ quy đổi; số lượng nhà giáo cơ hữu đảm bảo khối lượng chương trình mỗi ngành nghề đào tạo theo quy định; trường đảm bảo tỷ lệ nhà giáo có trình độ sau đại học theo quy định.

** Mô tả, phân tích, nhận định:*

Căn cứ vào Luật và các văn bản hướng dẫn về chế độ làm việc của nhà giáo giảng dạy chuyên nghiệp, Nhà trường đã xây dựng chế độ làm việc, nghỉ ngơi của

GV, CB, và NLD **[1.1.03]**; trong đó quy định rõ về chế độ làm việc của giáo viên, về tổng số giờ dạy của giáo viên trong một năm và định mức với từng chức danh kiêm nhiệm cụ thể **[1.3.05]**. Số lượng nhà giáo cơ hữu đảm bảo khối lượng chương trình mỗi ngành nghề đào tạo theo quy định **[3.5.01]**.

Hàng năm, Nhà trường có phân công giảng dạy cụ thể với từng giảng viên **[3.5.02]** và điều chỉnh bổ sung kịp thời, phù hợp theo tình hình thực tế.

Tỷ lệ giáo viên, giảng viên có trình độ sau đại học chiếm tỷ lệ trên 70% tổng số giáo viên, giảng viên của trường. Bảo đảm mỗi ngành, nghề giảng dạy trình độ trung cấp, cao đẳng có giảng viên trình độ thạc sỹ trở lên.

** Điểm tự đánh giá: 01 điểm*

Tiêu chuẩn 3.6: Nhà giáo giảng dạy theo nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chương trình đào tạo.

** Mô tả, phân tích, nhận định:*

Căn cứ vào CTĐT của các ngành, nghề định kỳ đầu năm học, các khoa phối hợp với phòng Đào tạo xây dựng kế hoạch đào tạo với mục tiêu và nội dung cụ thể cho từng học kỳ, năm học và đã được Hiệu trưởng phê duyệt **[2.5.01]**. Đây là căn cứ để Nhà trường xây dựng kế hoạch năm học và các khoa phân công giảng dạy, sắp xếp thời khóa biểu phù hợp với kế hoạch đào tạo của nhà trường **[2.5.02]**.

Công tác giảng dạy thường xuyên được thanh, kiểm tra nhằm duy trì nề nếp lên lớp, đảm bảo số giờ lên lớp, công tác chuẩn bị hồ sơ giảng dạy đảm bảo giảng viên, giáo viên giảng dạy theo đúng nội dung và mục tiêu của CTĐT và không có hiện tượng giảng viên bỏ giờ, quên tiết **[2.6.01]**.

Quá trình đào tạo đảm bảo mục tiêu, đúng nội dung của CTĐT Nhà trường; có nhiều hoạt động gắn kết với doanh nghiệp với mục tiêu điều chỉnh chương trình nội dung đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động của xã hội. Công tác thanh, kiểm tra việc giảng dạy, dự giờ được tiến hành thường xuyên theo đúng định kỳ, được thực hiện nghiêm túc.

** Điểm tự đánh giá: 01 điểm*

Tiêu chuẩn 3.7. Nhà trường có chính sách, biện pháp và thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy.

** Mô tả, phân tích, nhận định:*

Để thực hiện sứ mạng của Nhà trường, Chi uỷ, Ban Giám hiệu đã có nghị quyết, chủ trương, kế hoạch và giải pháp xây dựng, phát triển đội ngũ giảng viên, cán bộ và nhân viên, trong đó đặc biệt quan tâm đào tạo và phát triển đội ngũ GV trẻ thông qua công tác tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ ở trong nước và ngoài nước. Hàng năm, trường đều xây dựng cơ cấu biên chế, nhu cầu tuyển dụng, tiếp nhận giảng viên, cán bộ và nhân viên, đáp ứng yêu cầu nhiệm của Nhà trường [3.1.03], [3.1.04];

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch và thực hiện có hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho giảng viên, cán bộ và nhân viên, đặc biệt là đào tạo đội ngũ GV có trình độ học vấn cao (thạc sĩ, tiến sĩ) ở trong nước và nước ngoài; Tỷ lệ giáo viên trên 70% có trình độ sau đại học, trong đó có 02 tiến sĩ.

Nhà trường luôn tạo cơ hội cho đội ngũ giảng viên, cán bộ và nhân viên tham gia các hoạt động chuyên môn tại trường, dự các lớp tập huấn, hội thảo khoa học do Bộ, các trường đại học và các Dự án tổ chức [3.1.02].

Nhà trường có chủ trương, kế hoạch, giải pháp cụ thể về tuyển dụng, đào tạo và bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ giảng viên, cán bộ và nhân viên; tạo điều kiện thuận lợi, khuyến khích đội ngũ giảng viên, cán bộ và nhân viên đi đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ.

** Những tồn tại:* Mới chuyển sang mô hình giáo dục nghề nghiệp do Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quản lý nên còn gặp nhiều khó khăn trong quá trình chuyển đổi, đào tạo đội ngũ nhà giáo dạy nghề.

** Điểm tự đánh giá: 01 điểm*

Tiêu chuẩn 3.8. Hàng năm, Nhà trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ nhà giáo.

** Mô tả, phân tích, nhận định:*

Hàng năm nhà trường có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ GV [3.1.02]; mỗi giáo viên có kế hoạch học tập bồi dưỡng, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Vào đầu năm học các phòng, khoa, tổ bộ môn, GV đều được phổ biến về việc kế hoạch, đăng ký tham gia học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ thông qua hội nghị cán bộ công chức, họp giao ban,.

Năm 2018, 100% giáo viên tham gia hội giảng cấp khoa để tuyển chọn những tiết giảng xuất sắc, điển hình để tham gia Hội giảng cấp trường. Thông qua hội giảng, tập thể GV góp ý, học hỏi kinh nghiệm nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả trong công tác giảng dạy. Năm 2018 có 11 GV đạt giáo viên, giảng viên dạy giỏi cấp trường (Trong đó có 03 GV đạt loại Xuất sắc) [3.8.01].

** Những tồn tại:* Việc cử giáo viên đi thâm nhập thực tế chưa thường xuyên, chủ yếu thông qua các đợt thực tập của SV; chưa tổ chức được nhiều hội nghị, hội thảo.

** Điểm tự đánh giá: 01 điểm*

Tiêu chuẩn 3.9: Nhà giáo được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất theo quy định và thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

** Mô tả, phân tích, nhận định:*

Nhà trường chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng giáo viên phục vụ công tác mở ngành, nghề và giảng dạy theo hướng giáo dục nghề nghiệp. Thông qua các đợt hướng dẫn thực tập cho học sinh, sinh viên cũng là dịp để GV tham quan thực tế, tiếp cận công nghệ mới, bổ sung kiến thức và kinh nghiệm nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu giảng dạy [3.1.02].

** Những tồn tại:* Việc bồi dưỡng, thực tập của giáo viên chủ yếu thông qua các đợt thực tập của SV và tham gia các hội thảo chuyên ngành, chưa tổ chức thường xuyên.

** Điểm tự đánh giá: 01 điểm*

Tiêu chuẩn 3.10: Hàng năm, trường thực hiện tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo.

** Mô tả, phân tích, nhận định:*

Nhà trường đã có chủ trương, kế hoạch và giải pháp xây dựng, phát triển đội ngũ giảng viên, cán bộ và nhân viên. Hàng năm, trường đều thực hiện tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo lồng ghép vào báo cáo tổng kết năm học [3.10.01].

Hàng năm đều tổ chức dự giờ, thi giáo viên dạy giỏi, kiểm tra hồ sơ chuyên môn... để đánh giá trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo, từ đó chỉ ra những ưu khuyết điểm và phương hướng khắc phục cho mỗi cá nhân [3.8.01], [3.10.02].

** Những tồn tại:* Do điều kiện cơ sở vật chất còn khó khăn nên chưa công tác tổ chức hội thi, hội giảng quy mô còn hạn chế.

** Điểm tự đánh giá: 01 điểm*

Tiêu chuẩn 3.11: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng của trường đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định và thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm được giao.

** Mô tả, phân tích, nhận định:*

Hiện nay, Ban Giám hiệu trường có 03: 01 Hiệu trưởng, 02 Phó Hiệu trưởng. Các tiêu chuẩn về phẩm chất chính trị, phẩm chất đạo đức, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, năng lực lãnh đạo và thời gian thực hiện công tác quản lý [3.11.01] theo đúng các quy định trong Luật Giáo dục nghề nghiệp [3.3.01] và Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH [3.03.02]. Ban Giám hiệu có sự phân công nhiệm vụ cụ thể theo lĩnh vực quản lý [3.2.01].

** Điểm tự đánh giá: 01 điểm*

Tiêu chuẩn 3.12: Đội ngũ cán bộ quản lý của các đơn vị thuộc trường được bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định

** Mô tả, phân tích, nhận định:*

Đội ngũ cán bộ quản lý của các đơn vị thuộc trường hiện tại gồm có 13 viên chức, trong đó có 07 trưởng phòng, khoa và 02 phó trưởng phòng, khoa. Cán bộ quản lý các phòng, khoa chuyên môn đều có phẩm chất đạo đức tốt, trình độ chuyên môn cao (95% có trình độ thạc sĩ), lý luận chính trị, năng lực quản lý đảm bảo tiêu chuẩn chức danh được bổ nhiệm [3.12.01]. Theo phân cấp quản lý và các văn bản hướng dẫn về công tác bổ nhiệm. Công tác bổ nhiệm được thực hiện đúng quy trình, quy định và quy hoạch của Nhà trường, đảm bảo bổ nhiệm những cán bộ quản lý có tiêu chuẩn.

** Những tồn tại:* Mới chuyển đổi mô hình nhà trường sang cơ sở giáo dục nghề nghiệp nên đội ngũ cán bộ quản lý còn chưa được đào tạo bồi dưỡng về nghiệp vụ quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

** Điểm tự đánh giá: 01 điểm*

Tiêu chuẩn 3.13: Đội ngũ cán bộ quản lý của trường đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ; thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

** Mô tả, phân tích, nhận định:*

Đội ngũ cán bộ quản lý của Nhà trường đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ; thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

Đội ngũ cán bộ quản lý của trường đáp ứng các tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn, năng lực quản lý [3.12.01] theo đúng các quy định tại Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTĐBXH [3.3.02], ngoài ra hàng năm lãnh đạo nhà trường đều có tổng kết, đánh giá, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng trường, phó các phòng khoa theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị đảm bảo cho đội ngũ cán bộ quản lý thực hiện tốt các nhiệm vụ mà nhà trường đã phân công theo đúng quy định trong quy chế tổ chức và hoạt động [1.1.03] của nhà trường.

Tuy nhiên, do điều kiện mới chuyển đổi mô hình nhà trường sang cơ sở giáo dục nghề nghiệp nên chưa có kinh nghiệm trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp. Nhà trường đang xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ về quản lý giáo dục nghề nghiệp để đội ngũ cán bộ quản lý của Nhà trường được nâng cao về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ.

*** Điểm tự đánh giá: 01 điểm**

Tiêu chuẩn 3.14: Hàng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo bồi dưỡng, nâng cao trình độ, chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý.

*** Mô tả, phân tích, nhận định:**

Căn cứ Điều lệ trường cao đẳng, Nhà trường đã xây dựng tổ chức bộ máy đảm bảo đúng quy định và phù hợp với tình hình thực tế. Hiện nay tổng số lãnh đạo và CBQL của trường là 15 người, gồm: 01 Hiệu trưởng; 02 phó hiệu trưởng; 07 trưởng phòng, khoa; 02 phó trưởng phòng, khoa, trung tâm; 03 tổ trưởng tổ chuyên môn; Trình độ: Tiến sĩ: 2, Thạc sĩ: 12, Đại học 01. [3.14.01]. Đội ngũ lãnh đạo và cán bộ quản lý của nhà trường có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực chuyên môn và quản lý về cơ bản đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ. Công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng được quan tâm. Việc đánh giá cán bộ quản lý được thực hiện theo đúng năng lực và hiệu quả công việc được phân công. Nhà trường luôn quan tâm đến công tác đào tạo bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, trình độ lý luận chính trị, nghiệp vụ [3.12.01]. Luôn tạo điều kiện về thời gian cũng như kinh phí cho cán bộ quản lý đi học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ.

*** Những tồn tại:** Một số cán bộ quản lý chưa được đào tạo, bồi dưỡng về nghiệp vụ quản lý, chưa có nhiều kinh nghiệm trong việc tổ chức, quản lý, chỉ đạo, điều hành nên một số nhiệm vụ chất lượng, hiệu quả chưa cao.

** Điểm tự đánh giá: 01 điểm*

Tiêu chuẩn 15: Đội ngũ cán bộ, giáo viên và người lao động của Nhà trường đủ số lượng, đáp ứng được yêu cầu công việc được giao, được định kỳ bồi dưỡng nâng cao trình độ

** Mô tả, phân tích, nhận định:*

Đội ngũ cán bộ, giáo viên và người lao động của trường cơ bản đủ về số lượng, có trình độ, chuyên môn đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ [3.14.01].

Hàng năm căn cứ vào quy hoạch đào tạo bồi dưỡng theo giai đoạn, yêu cầu và tình hình thực tế của Nhà trường cử CB, GV, NLD đi đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ theo kế hoạch từng năm [3.1.02].

** Những tồn tại:* Việc thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ CB, GV, NLD còn nhiều hạn chế.

** Điểm tự đánh giá: 01 điểm*

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ 4

3.2.4. Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình

** Mở đầu:*

Nhà trường có đầy đủ các chương trình đào tạo được xây dựng phù hợp với mục tiêu đào tạo của Trường cũng như với nhu cầu phát triển nguồn nhân lực, nhu cầu học tập của người học và với thị trường lao động. Hàng năm, các chương trình đào tạo được điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện cho phù hợp với tình hình thực tế nhu cầu của xã hội cũng như trang thiết bị máy móc và đội ngũ giáo viên của nhà trường.

Các chương trình đào tạo được xây dựng tuân thủ theo quy định của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội và có sự tham gia ý kiến của cán bộ, giáo viên và chuyên gia từ các doanh nghiệp sử dụng lao động. Chương trình đào tạo đáp ứng được nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của thị trường lao động và nhu cầu học tập của người học, nhu cầu liên thông lên các bậc học cao hơn.

Hàng năm, trường đã xây dựng và triển khai kế hoạch rà soát, điều chỉnh một số chương trình để cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến nghề đào tạo và các ý kiến phản hồi từ người sử dụng lao động. Trường đã đầu tư kinh phí mua nhiều đầu sách phục vụ cho các ngành nghề đang đào tạo, triển khai biên soạn tài liệu lưu hành nội bộ, tài liệu tham khảo cho các môn học/mô đun cho các ngành

nghề. Tính đến nay, trường đã có đủ giáo trình tài liệu tham khảo cho tất cả các môn học.

Chương trình dạy nghề và giáo trình của Nhà trường được xây dựng theo mẫu định dạng chung, có quy trình biên soạn, thẩm định và phê duyệt rõ ràng, cụ thể.

**** Những điểm mạnh:***

Các chương trình hiện đang đào tạo của trường đều được xây dựng theo thông tư 09/2017 Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành. Đội ngũ giáo viên nói chung có kinh nghiệm tham gia xây dựng và điều chỉnh chương trình. Ngoài ra, khi xây dựng chương trình, nhà trường thường mời các chuyên gia bên ngoài trường, hoặc từ các doanh nghiệp tới để xây dựng, thẩm định và lấy ý kiến đóng góp xây dựng chương trình đào tạo ở tất cả các nghề đang đào tạo tại trường.

Các chương trình hoàn toàn phù hợp với mục tiêu đào tạo của trường cũng như gắn bó mật thiết với nhu cầu phát triển nguồn nhân lực, nhu cầu học tập của người học và với thị trường lao động. Tất cả các chương trình dạy nghề của nhà trường đảm bảo có đủ chương trình chi tiết của từng mô đun, môn học cụ thể, trong đó đã xác định rõ phương pháp và các yêu cầu về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập. Có đủ các quyết định phê duyệt, ban hành của Hiệu trưởng trường.

**** Những tồn tại:***

Các doanh nghiệp tham gia góp ý phản biện cho giáo trình, tài liệu giảng dạy còn ít so với yêu cầu đặt ra của trường.

**** Kế hoạch nâng cao chất lượng:***

Từ đầu năm 2017, Ban giám hiệu nhà trường đã chỉ đạo cho tất cả các khoa tham gia nghiên cứu chương trình, tài liệu giảng dạy để tiếp tục biên soạn, chỉnh sửa chương trình, giáo trình đào tạo cho các năm tiếp theo

Nhà trường có kế hoạch lấy các ý kiến các chuyên gia trong và ngoài nước, các chuyên gia từ các trường khác, từ các doanh nghiệp, các giáo viên trực tiếp tham gia giảng dạy, các cán bộ quản lý, người học để đóng góp bổ sung vào nội dung các Mô đun.

Điểm đánh giá tiêu chí 4:

Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình	Điểm tự đánh giá
Tiêu chuẩn 4.1	<i>1 điểm</i>
Tiêu chuẩn 4.2	<i>1 điểm</i>
Tiêu chuẩn 4.3	<i>1 điểm</i>

Tiêu chuẩn 4.4	0 điểm	Tiêu chuẩn 4.1: Có đầy đủ chương trình đào tạo
Tiêu chuẩn 4.5	1 điểm	
Tiêu chuẩn 4.6	1 điểm	
Tiêu chuẩn 4.7	1 điểm	
Tiêu chuẩn 4.8	1 điểm	
Tiêu chuẩn 4.9	1 điểm	
Tiêu chuẩn 4.10	1 điểm	
Tiêu chuẩn 4.11	1 điểm	
Tiêu chuẩn 4.12	1 điểm	
Tiêu chuẩn 4.13	1 điểm	
Tiêu chuẩn 4.14	0 điểm	
Tiêu chuẩn 4.15	0 điểm	

tạo các chuyên ngành hoặc nghề mà trường đào tạo.

*** Mô tả, phân tích, nhận định:**

Nhà trường có đầy đủ các chương trình đào tạo của các nghề trường đang đào tạo, được xây dựng phù hợp với mục tiêu đào tạo của Trường cũng như với nhu cầu phát triển nguồn nhân lực, nhu cầu học tập của người học và với thị trường lao động [2.1.02], [2.5.02]

*** Điểm tự đánh giá: 01 điểm**

Tiêu chuẩn 4.2: 100% chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định.

*** Mô tả, phân tích, nhận định:**

Nhà trường tổ chức xây dựng, chỉnh sửa chương trình đào tạo của tất cả các nghề hiện trường đang đào tạo đúng quy định, quy trình theo thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH và Thông tư số 12/2017/TT – BLĐTBXH [2.1.02], [4.2.01].

*** Điểm tự đánh giá: 01 điểm**

Tiêu chuẩn 4.3: Chương trình đào tạo của trường thể hiện được mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp; phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học, từng chuyên ngành hoặc nghề và từng trình độ theo quy định.

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Chương trình đào tạo của trường thể hiện được mục tiêu đào tạo của trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp. Chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng đáp ứng yêu cầu quy định tại Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH. Trường tổ chức xây dựng, bổ sung, chỉnh sửa và thẩm định, phê duyệt chương trình căn cứ theo quy định khối lượng kiến thức tối thiểu và yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo từng ngành, nghề đào tạo do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành [2.1.02]

**** Điểm tự đánh giá: 01 điểm***

Tiêu chuẩn 4.4: Chương trình đào tạo được xây dựng có sự tham gia của nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Theo định hướng xã hội hoá giáo dục của Đảng và Nhà nước, nhà trường đã chủ động liên hệ mời các chuyên gia của các trường cao đẳng, trung cấp, các Sở ban ngành có liên quan, các doanh nghiệp có uy tín, các cán bộ quản lý ở các đơn vị tham gia hội đồng xây dựng, chỉnh sửa, bổ sung các chương trình đào tạo, tuy nhiên do một số lý do khách quan sự tham gia của các cá nhân và đơn vị bên ngoài còn rất hạn chế.

**** Điểm tự đánh giá: 0 điểm***

Tiêu chuẩn 4.5: Chương trình đào tạo đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Chương trình đào tạo được thiết kế linh hoạt, luôn bám sát thực tiễn, đặc biệt là chuẩn kỹ năng nghề nghiệp, để điều chỉnh cho phù hợp, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động. [4.5.01].

**** Điểm tự đánh giá: 01 điểm***

Tiêu chuẩn 4.6: Chương trình đào tạo được xây dựng bảo đảm việc liên thông giữa các trình độ giáo dục nghề nghiệp với các trình độ đào tạo khác trong hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định.

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Chương trình đào tạo của trường được xây dựng đào tạo có đảm bảo liên thông giữa các trình độ cao đẳng - trung cấp, trung cấp (hệ tuyển THCS) – trung cấp (hệ

tuyển THPT). Chương trình đào tạo được xây dựng theo nguyên tắc kế thừa và tích hợp để giảm tối đa thời gian học lại kiến thức và kỹ năng mà người học đã tích lũy ở các chương trình đào tạo khác [2.1.02].

*** Điểm tự đánh giá: 01 điểm**

Tiêu chuẩn 4.7: Ít nhất 3 năm 1 lần trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với chương trình đào tạo đã ban hành.

*** Mô tả, phân tích, nhận định:**

Trường tổ chức đánh giá lại chương trình đào tạo đã ban hành để cập nhật, bổ sung những thay đổi trong quy định của nhà nước, những tiến bộ mới của khoa học công nghệ trong lĩnh vực ngành, nghề đào tạo; các kết quả nghiên cứu liên quan đến chương trình, những thay đổi trong các môn học, mô đun hoặc nội dung chuyên môn để phù hợp với thực tiễn sản xuất, kinh doanh và dịch vụ của thị trường lao động [4.7.01].

*** Điểm tự đánh giá: 01 điểm**

Tiêu chuẩn 4.8: Chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo có cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến ngành, nghề đào tạo hoặc tham khảo các chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài.

*** Mô tả, phân tích, nhận định:**

Ngoài việc giảng dạy chuyên môn, các giáo viên, cán bộ quản lý của trường đều được Ban giám hiệu quan tâm khuyến khích tham khảo các chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng, trung cấp trên toàn quốc và cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến nghề đào tạo. Ngoài ra, nhà trường có sử dụng một số tài liệu của nước ngoài chủ yếu là các tài liệu có liên quan đến các trang thiết bị, mô hình dạy học hiện đại mà nhà trường có, cũng như các tài liệu liên quan đến nghề đào tạo để làm tài liệu tham khảo cho việc xây dựng chương trình [2.1.02].

*** Điểm tự đánh giá: 01 điểm**

Tiêu chuẩn 4.9: Trước khi tổ chức đào tạo liên thông, trường căn cứ chương trình đào tạo, thực hiện rà soát các mô đun, tín chỉ, môn học và có quyết định đối với các mô đun, tín chỉ, môn học mà người học không phải học để đảm bảo quyền lợi của người học.

Chương trình đào tạo liên thông được trường xây dựng trên cơ sở đảm bảo tính liên thông giữa các cấp độ đào tạo và đảm bảo quyền lợi của người học [2.1.02], [2.9.01].

** Điểm tự đánh giá: 1 điểm*

Tiêu chuẩn 4.10: Có đủ giáo trình cho các mô đun, môn học của từng chương trình đào tạo.

** Mô tả, phân tích, nhận định:*

Hiện nay, tất cả các môn học, mô đun trong chương trình đào tạo của các nghề có đủ các giáo trình. Giáo trình của từng môn học, mô đun được quy định ngay tại Đề cương môn học/mô đun [2.1.02].

Ngoài ra, nhà trường còn có tập bài giảng do một số giáo viên của trường tự biên soạn. Các tài liệu do giáo viên biên soạn đều được tổ chức phản biện và nghiệm thu về chuyên môn tại khoa và bộ môn [4.10.01].

Nhà trường đã trang bị thư viện với đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo cho các ngành học). Đồng thời nhà trường cũng trang bị 2 phòng máy có kết nối mạng Internet để phục vụ việc tra cứu tài liệu, giáo trình của SV.

** Ưu điểm:* Điều kiện về mua sắm giáo trình cho các mô đun, mô đun học được đầu tư mua sắm đầy đủ, đáp ứng tốt nhu cầu học tập các ngành nghề và nghiên cứu trong nhà trường.

** Hạn chế:* Một số giáo trình cho các mô đun học còn hạn chế. Giáo trình của trường được biên soạn vẫn còn mang tính chất nội bộ.

** Kế hoạch:* Tăng cường bổ sung kinh phí mua sắm tài liệu, giáo trình nhằm đa dạng các loại sách, tài liệu để đáp ứng kịp thời nhu cầu khai thác của cán bộ CCVC và SV.

Lập kế hoạch định kỳ 2 năm/1 lần rà soát biên soạn, bổ sung cập nhật kiến thức mới vào giáo trình của các môn học mô đun..

** Điểm tự đánh giá: 01 điểm*

Tiêu chuẩn 4.11: 100% giáo trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định để làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức.

** Mô tả, phân tích, nhận định:*

Hiện nay, tất cả các môn học, mô đun trong chương trình đào tạo của các ngành, nghề có đủ các giáo trình. Các tài liệu do các khoa và bộ môn biên soạn đều được tổ chức

phản biện và nghiệm thu của hội đồng thẩm định khoa. Những chuyên gia được khoa mời tham gia góp ý, chỉnh sửa chương trình, giáo trình đều có văn bản phản biện, nhận xét mức độ đáp ứng yêu cầu đổi mới về nội dung và phương pháp dạy học của giáo trình; Đối với những giáo trình do nhà trường mua sắm và chia sẻ từ các trường bạn, sau khi được các giáo viên, chuyên gia lựa chọn, thẩm định về nội dung tham mưu cho Hiệu trưởng có quyết định đưa vào sử dụng trong giảng dạy và học tập **[4.10.01]**.

Danh mục giáo trình cho từng môn học/ mô đun quy định trong CTMH/ĐCCT môn học **[2.1.02]**.

*** Điểm tự đánh giá: 01 điểm**

Tiêu chuẩn 4.12: Giáo trình đào tạo cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo.

*** Mô tả, phân tích, nhận định:**

Tất cả giáo trình được lựa chọn để làm tài liệu giảng dạy đã cụ thể hoá được các yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng, thái độ của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo, tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực **[2.1.02]**. Khi đưa vào giảng dạy, các giáo trình đã được giáo viên, học sinh, sinh viên Nhà trường đón nhận tích cực.

*** Điểm tự đánh giá: 01 điểm**

Tiêu chuẩn 4.13: Giáo trình đào tạo tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.

*** Mô tả, phân tích, nhận định:**

Tất cả các giáo trình được sử dụng trong giảng dạy đều được biên soạn và cấp phép của các cơ quan có thẩm quyền và phù hợp với nội dung kiến thức, kỹ năng, thái độ trong chương trình dạy nghề, tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực **[2.1.02]**

*** Điểm tự đánh giá: 01 điểm**

Tiêu chuẩn 4.14: Hằng năm, trường thực hiện việc lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có

*** Mô tả, phân tích, nhận định:**

Nhà trường lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của

đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo; hàng năm đều tổ chức lấy ý kiến của giảng viên, sinh viên, người sử dụng lao động về CTĐT để có thể chỉnh sửa CTĐT cho phù hợp với thực tiễn sản xuất [4.5.01]. Tuy nhiên việc lấy ý kiến của cán bộ quản lý, cán bộ KHKT của đơn vị sử dụng lao động còn gặp khó khăn và chưa thường xuyên

** Điểm tự đánh giá: 0 điểm*

Tiêu chuẩn 4.15: Khi có sự thay đổi về chương trình đào tạo, trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với giáo trình đào tạo đảm bảo yêu cầu theo quy định.

** Mô tả, phân tích, nhận định:*

Trường chưa thực hiện việc đánh giá, cập nhật và điều chỉnh giáo trình khi có sự thay đổi về chương trình đào tạo.

** Điểm tự đánh giá: 0 điểm*

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ 5

3.2.5. Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện

** Mở đầu:*

Trường CĐCNHN thành lập từ tháng 3 năm 2007 và đã triển khai các hoạt động đào tạo hơn 12 năm. Được sự quan tâm của các cấp, các ngành, các nguồn đầu tư, Nhà trường được đầu tư xây mới hoàn toàn nên khuôn viên được quy hoạch hợp lý, vị trí xây dựng của trường có địa điểm đặt ở trung tâm thành phố, phù hợp với quy hoạch các điểm dân cư mạng lưới trường nghề, đảm bảo điều kiện an toàn, yên tĩnh cho các hoạt động giảng dạy, học tập và thuận tiện cho việc đi lại. Nhà trường có đầy đủ các khối công trình thuận tiện cho các hoạt động.

Cơ sở vật chất phục vụ cho đào tạo của Nhà trường đã được đầu tư cơ bản đồng bộ, khang trang, đáp ứng nhu cầu học tập và đào tạo của Nhà trường, đảm bảo đủ tiêu chuẩn quy định. Mặt bằng tổng thể của trường với tổng thể diện tích đất là 0,9 ha gồm: 02 tòa nhà 5 tầng với diện tích sàn hơn 3600 m²; 02 giảng đường 5 tầng, diện tích sàn 3600m²; trong đó có 02 phòng học ghép từ 200 chỗ ngồi với diện tích 400m², 30 phòng học lý thuyết với diện tích 1245m², 08 phòng thực hành với diện tích 1317m², hệ thống trang thiết bị, máy móc phục vụ học tập, nghiên cứu và các hoạt động văn hóa, văn nghệ, TDTT được đầu tư, đủ tiêu chuẩn quy định, đáp ứng đủ cho trên 1.000 SV học tập và nghiên cứu; 01 xưởng thực hành với diện tích 600m²; 01 sân hoạt động

chung. Các công trình phụ trợ: 01 trạm biến áp, 01 bể nước, tường rào bao quanh sân, đường nội bộ và các công trình phụ trợ khác. Nhìn chung cơ sở vật chất của Nhà trường khang trang, đáp ứng yêu cầu đào tạo và cảnh quan môi trường sư phạm.

Trang thiết bị, phương tiện máy móc đáp ứng được nhu cầu đào tạo các nghề đang đào tạo. Khuôn viên nhà trường được quy hoạch hợp lý, phù hợp với yêu cầu hoạt động và có đầy đủ các khối công trình phục vụ nhu cầu đào tạo và các hoạt động khác.

Tuy là một trường mới được thành lập và đi vào hoạt động hơn 12 năm, nhưng có Nhà trường đã có một hệ thống cơ sở vật chất, trường, lớp học, các khu chức năng và hệ thống hạ tầng kỹ thuật phục vụ các điều kiện cho công tác đào tạo, đã được đầu tư xây dựng tương đối đồng bộ, đầy đủ, khang trang, đáp ứng đủ các yêu cầu và tiêu chuẩn của một trường đào tạo chuyên nghiệp theo quy định. Ngoài ra hệ thống máy móc, trang thiết bị, đồ dùng dạy học, sách, báo, tạp chí... cũng thường xuyên được mua sắm đáp ứng yêu cầu học tập, nghiên cứu của CB, GV, NLĐ và SV trong Nhà trường.

** Những điểm mạnh:*

Nhà trường được đầu tư xây mới hoàn toàn nên khuôn viên được quy hoạch hợp lý, vị trí xây dựng của trường có địa điểm đặt ở trung tâm thành phố, phù hợp với quy hoạch các điểm dân cư mạng lưới trường nghề, đảm bảo điều kiện an toàn, yên tĩnh cho các hoạt động giảng dạy, học tập và thuận tiện cho việc đi lại. Nhà trường có đầy đủ các khối công trình thuận tiện cho các hoạt động của nhà trường.

Hệ thống hạ tầng cơ sở được trang bị tương đối đầy đủ, phù hợp với nhiệm vụ đào tạo của Nhà trường.

Các công trình đảm bảo quy chuẩn xây dựng và các yêu cầu vệ sinh, kiến trúc, chiếu sáng, thông gió, quy hoạch nội bộ thuận tiện cho vận chuyển, lắp đặt, vận hành thiết bị. Có hệ thống điện, hệ thống cấp, thoát nước chung, riêng cho các khu vực trong trường theo nhu cầu hoạt động học tập và sinh hoạt. Các công trình xây dựng đều được lắp đặt hệ thống thiết bị phòng chống cháy nổ.

Nhà trường có đầy đủ phương tiện, thiết bị và dụng cụ trong xưởng thực hành đảm bảo các yêu cầu về sư phạm, mỹ thuật công nghiệp an toàn vệ sinh công nghiệp và vệ sinh môi trường. Hệ thống kho lưu trữ, bảo quản được thiết kế xây dựng ở những vị trí

an toàn thuận tiện, đảm bảo các tiêu chuẩn như có mái che, hệ thống chiếu sáng, thông gió, chống ẩm mốc, phòng chống cháy nổ.

** Những tồn tại:*

Còn một số nghề mới chuyển sang đào tạo theo chương trình mới nên thiết bị, máy móc chưa đủ về số lượng cũng như chủng loại.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Trang bị thêm các thiết bị đào tạo thực hành cho các nghề trọng điểm nhằm đáp ứng được quy mô đào tạo. Tăng cường công tác quản lý, khai thác thiết bị, thực hiện liên doanh, liên kết đào tạo với doanh nghiệp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

Điểm đánh giá tiêu chí 5:

Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện	Điểm tự đánh giá
Tiêu chuẩn 5.1	1 điểm
Tiêu chuẩn 5.2	1 điểm
Tiêu chuẩn 5.3	1 điểm
Tiêu chuẩn 5.4	1 điểm
Tiêu chuẩn 5.5	1 điểm
Tiêu chuẩn 5.6	1 điểm
Tiêu chuẩn 5.7	1 điểm
Tiêu chuẩn 5.8	1 điểm
Tiêu chuẩn 5.9	1 điểm
Tiêu chuẩn 5.10	1 điểm
Tiêu chuẩn 5.11	1 điểm
Tiêu chuẩn 5.12	1 điểm
Tiêu chuẩn 5.13	1 điểm
Tiêu chuẩn 5.14	1 điểm
Tiêu chuẩn 5.15	0 điểm

Tiêu chuẩn 5.1: Địa điểm xây dựng trường phù hợp với quy hoạch chung của khu vực và mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, khu đất xây dựng cần đảm bảo yên tĩnh cho việc giảng dạy và học tập; giao thông thuận tiện và an toàn; thuận tiện cho việc cung cấp điện, nước, đảm bảo khoảng cách đối với các xí

nghiệp công nghiệp thải ra chất độc hại; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành.

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Trường CDCNHN có tổng diện tích đất đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng là: 0,9 ha [5.1.01]

Cơ sở của trường được xây dựng tại Km 12, đường Cầu Diễn, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội với tổng diện tích 0,9 ha [5.1.02]. Trường được xây dựng trên vị trí gần trung tâm, thuận lợi về giao thông, gần các khu công nghiệp phù hợp với đặc thù ngành nghề đào tạo của Nhà trường. Tất cả các công trình xây dựng đều được khảo sát và thiết kế đồng bộ, có quy hoạch cho hệ thống thoát nước tốt, đảm bảo giao thông thuận tiện cho quá trình làm việc và học tập tại trường [5.1.03].

Về hệ thống điện có 01 trạm biến áp và lưới điện 320 KVA. Việc cung cấp điện phục vụ cho đào tạo và sinh hoạt trong Nhà trường rất ổn định. Hệ thống nước sạch được cung cấp đầy đủ, đáp ứng đầy đủ nhu cầu nước sạch phục vụ cho sinh hoạt học sinh sinh viên và cán bộ, giáo viên, nhân viên và SV [5.1.04].

Trường CDCNHN thực hiện nhiệm vụ đào tạo theo hệ thống đào tạo nghề của Bộ lao động - Thương binh và Xã hội, nằm trong quy hoạch chung của mạng lưới đào tạo nghề trên địa bàn Hà Nội và các tỉnh lân cận.

**** Điểm mạnh:***

Vị trí xây dựng trường đảm bảo các tiêu chuẩn địa lý, địa chất xây dựng các công trình phục vụ các ngành nghề đào tạo. Vị trí xây dựng trên địa bàn trung tâm thành phố, giáp với ngoại thành, phù hợp với mạng lưới trường nghề, đảm bảo điều kiện an toàn, yên tĩnh cho các hoạt động giảng dạy, học tập và thuận tiện cho việc đi lại, giá cả sinh hoạt ổn định.

**** Điểm tự đánh giá: 01 điểm***

Tiêu chuẩn 5.2: Quy hoạch tổng thể mặt bằng khuôn viên hợp lý, phù hợp với công năng và các yêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc và môi trường sư phạm; diện tích đất sử dụng; diện tích cây xanh đảm bảo theo quy định.

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Nhà trường được xây dựng trên cơ sở khuôn viên tổng thể mặt bằng theo quy hoạch đã được phê duyệt [5.2.01]. Các cơ sở hạ tầng, giảng đường, hội trường, trạm

điện... được bố trí hợp lý, không ảnh hưởng lẫn nhau trong cùng một thời điểm hoạt động. Diện tích đất xây dựng các công trình xây dựng cơ sở hạ tầng chiếm khoảng 40%, cây xanh, thảm cỏ chiếm khoảng 60% tổng diện tích.

Giao thông nội bộ trong trường với hệ thống đường bê tông. Trong khuôn viên được bố trí khoa học hợp lý, cây xanh, thảm cỏ. Cảnh quan khang trang, sạch đẹp có tính sư phạm. Có các công trình, cơ sở hạ tầng phục vụ cho công tác đào tạo nghề.

** Điểm mạnh:*

Khuôn viên nhà trường được quy hoạch hợp lý, có đầy đủ các khối công trình thuận tiện cho hoạt động dạy, học và vui chơi cho SV trong nhà trường, phù hợp với yêu cầu hoạt động đào tạo.

** Điểm tự đánh giá: 01 điểm*

Tiêu chuẩn 5.3: Có đủ các khu vực phục vụ hoạt động của trường theo tiêu chuẩn : Khu học tập và nghiên cứu khoa học (phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, phòng thí nghiệm và phòng học chuyên môn); khu thực hành (xưởng thực hành, thực tập, trại trường, vườn thí nghiệm); khu vực rèn luyện thể chất; khu hành chính quản trị phụ trợ và khu phục vụ sinh hoạt cho người học và nhà giáo.

** Mô tả, phân tích, nhận định:*

Qua quá trình hình thành và phát triển, Nhà trường đã đầu tư xây dựng đúng tiêu chuẩn trong khuôn viên với diện tích 0,9 ha, Trong đó gồm: 02 tòa nhà 5 tầng với diện tích sàn hơn 3600 m²; 02 giảng đường 5 tầng, diện tích sàn 3600m²; trong đó có 02 phòng học ghép từ 200 chỗ ngồi với diện tích 400m², 30 phòng học lý thuyết với diện tích 1245m², 08 phòng thực hành với diện tích 1317m², hệ thống trang thiết bị, máy móc phục vụ học tập, nghiên cứu và các hoạt động văn hóa, văn nghệ, TDTT được đầu tư, đủ tiêu chuẩn quy định, đáp ứng đủ cho trên 1.000 SV học tập và nghiên cứu; 01 xưởng thực hành với diện tích 600m²; 01 sân hoạt động chung. Các công trình phụ trợ: 01 trạm biến áp, 01 bể nước, tường rào bao quanh sân, đường nội bộ và các công trình phụ trợ khác [5.3.01], [5.3.02], [5.3.03].

**Điểm mạnh:*

Nhà trường có hệ thống phòng học lý thuyết, hội trường, phòng thí nghiệm, phòng thực hành, xưởng thực hành đáp ứng được hoạt động đào tạo của trường.

Các công trình đảm bảo quy chuẩn xây dựng các yêu cầu ngăn cách giữa khu lý thuyết và thực hành, vệ sinh, kiến trúc, chiếu sáng, thông gió, quy hoạch nội bộ thuận tiện cho việc vận chuyển, vận hành, lắp đặt các thiết bị. các công trình được thực hiện đúng công năng và được bảo dưỡng thường xuyên đảm bảo hoạt động bình thường.

** Những tồn tại:* Hiện tại Nhà trường chưa trang bị đủ các cơ sở vật chất theo các ngành học.

** Điểm tự đánh giá: 01 điểm*

Tiêu chuẩn 5.4: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường (đường giao thông nội bộ; hệ thống điện; cấp thoát nước xử lý nước thải, chất thải; thông gió; phòng cháy chữa cháy) theo quy chuẩn và đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt; được bảo trì bảo dưỡng theo quy định.

** Mô tả, phân tích, nhận định:*

Trường CĐCNHN có hệ thống hạ tầng kỹ thuật bảo đảm đáp ứng nhu cầu làm việc và các hoạt động đào tạo nghề. Hệ thống đường giao thông nội bộ rộng rãi, hai bên đường được trồng cây xanh để có bóng mát và tạo cảnh quan môi trường. Hệ thống giao thông nội bộ đảm bảo an toàn hợp lý trong việc vận chuyển và đi lại [5.1.03]. Hệ thống điện với trạm biến áp đảm bảo việc phân phối, truyền tải và tiêu thụ điện năng ổn định. Các vị trí cấp điện đều được trang bị đầy đủ các thiết bị an toàn và bố trí hợp lý tránh được tổn thất và lãng phí điện năng. Hệ thống cấp nước sạch sinh hoạt cho toàn trường đầy đủ. Cùng với hệ thống cấp nước là hệ thống thoát nước được quy hoạch đảm bảo vệ sinh môi trường [5.1.04]. Các phòng học, xưởng thực hành, ... đều có hệ thống thông gió và được trang bị các thiết bị phòng chống cháy nổ theo quy định an toàn PCCC. Toàn bộ các nhà được trang bị các thiết bị chữa cháy tại chỗ như các bình CO₂, hệ thống bơm và vòi rồng có công suất lớn [5.4.01], [5.4.02], [5.4.03].

Hệ thống hạ tầng kỹ thuật được phân công rõ ràng theo từng đơn vị phòng, khoa, Trung tâm quản lý. Các công trình xây dựng, các thiết bị tài sản thường xuyên được kiểm tra bảo dưỡng, sửa chữa hoặc nâng cấp nhằm đảm bảo tốt nhất các điều kiện phục vụ công tác đào tạo và các hoạt động khác trong nhà trường.

- Điểm mạnh:

Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của nhà trường đảm bảo được các hoạt động dạy nghề, thực hành, thực nghiệm trong nhà trường. Có đầy đủ các hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, đường nội bộ, các xưởng đều có hệ thống thông gió, hệ thống phòng cháy

chữa cháy được các cơ quan chức năng hàng năm kiểm tra, đánh giá đảm bảo tốt các điều kiện kỹ thuật.

- **Nhận định:** Với hệ thống hạ tầng kỹ thuật hiện tại của nhà trường đảm bảo theo quy chuẩn và đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt của nhà trường.

*** Điểm tự đánh giá: 01 điểm**

Tiêu chuẩn 5.5: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa đảm bảo quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành và các yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo.

*** Mô tả, phân tích, nhận định:**

Nhà trường đã có hệ thống phòng học lý thuyết, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành cơ bản đáp ứng quy mô đào tạo theo các ngành nghề đào tạo [5.5.01]. Hệ thống các phòng lý thuyết và xưởng thực hành được bố trí riêng biệt, đảm bảo ngăn cách, không bị ảnh hưởng tiếng ồn giữa khu vực lý thuyết và thực hành, các công trình có quy chuẩn kết cấu, kiến trúc và nội thất đảm bảo các yêu cầu về an toàn, hệ thống chiếu sáng và thông gió đủ và đúng quy chuẩn thể hiện qua hồ sơ thiết kế các công trình của nhà trường. Hệ thống các phòng học lý thuyết được xây dựng thoáng mát, thông gió tốt, bố trí các cửa sổ đảm bảo lấy được ánh sáng tối đa, ấm áp về mùa đông thoáng mát về mùa hè. Phòng học và xưởng thực hành có bố trí đèn, quạt đảm bảo thông thoáng và đầy đủ ánh sáng để học sinh thực hành, thực tập. Trong phòng học và xưởng thực hành có nội quy quy định việc thực hành tại xưởng, quy trình vận hành thiết bị, máy móc, các trang thiết bị được bảo dưỡng thường xuyên và định kỳ đảm bảo hoạt động bình thường [5.5.02].

- **Điểm mạnh:**

Hệ thống giảng đường với nhiều phòng học đảm bảo các tiêu chuẩn, quy định phù hợp với quy mô đào tạo.

Các phòng thí nghiệm, thử nghiệm, xưởng thực hành được xây dựng đảm bảo diện tích, không gian thông thoáng thuận tiện vận chuyển, lắp đặt, vận hành và bảo dưỡng. Thường xuyên duy trì tốt công tác quản lý và bảo dưỡng. Có quy định trong sử dụng và bảo quản các công trình cũng như các thiết bị đào tạo.

- **Những tồn tại:**

Quy mô đào tạo giữa các nghề trong trường chưa được đồng đều do nhu cầu của xã hội nên việc điều chỉnh, đầu tư cơ sở vật chất trang thiết bị cho phù hợp với tất cả các nghề theo từng giai đoạn còn gặp nhiều khó khăn.

- Nhận định:

Cơ sở vật chất của nhà trường đảm bảo cho SV học tập và thực hành. Trong những năm tới, nhà trường tập trung đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho một số nghề trọng điểm và mũi nhọn.

*** Điểm tự đánh giá: 01 điểm**

Tiêu chuẩn 5.6: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo.

*** Mô tả, phân tích, nhận định:**

Việc bảo dưỡng thường xuyên, định kỳ do đơn vị sử dụng trang thiết bị thực hiện nhằm đảm bảo yêu cầu kỹ thuật khi vận hành, tăng cường tính hiệu quả sử dụng của máy móc thiết bị. Các trang thiết bị đều có hồ sơ theo dõi, có nội quy, quy trình sử dụng bảo quản. Các phòng khoa đều cử cán, giáo viên theo dõi và quản lý trang thiết bị tại phòng thực hành chuyên môn. Các cán bộ giáo viên được giao nhiệm vụ đều thực hiện tốt nhiệm vụ, nội quy, quy trình đảm bảo các trang thiết bị được bảo dưỡng đánh giá thường xuyên kịp thời [5.6.01].

- Điểm mạnh:

Đa số CBGV, SV có ý thức thực hiện tốt trong việc quản lý và sử dụng các thiết bị đào tạo của nhà trường.

Hằng năm có kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo để phục vụ tốt công tác đào tạo của nhà trường.

- Những tồn tại:

Một số ít SV chưa thực hiện tốt nội quy sử dụng thiết bị.

Một số thiết bị, dụng cụ thực hành do sử dụng lâu năm nên chất lượng không đảm bảo, đòi hỏi phải có sự thay mới.

- Nhận định:

Thực hiện tốt các quy định, nội quy quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng các thiết bị. Trong năm tới, rà soát để thanh lý những thiết bị, dụng cụ hỏng, kém chất lượng hoặc không phù hợp. Có kế hoạch đầu tư bổ sung kịp thời những trang thiết bị dụng cụ mới, đáp ứng yêu cầu đào tạo của Nhà trường.

** Điểm tự đánh giá: 01 điểm*

Tiêu chuẩn 5.7. Phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa được sử dụng theo quy định hiện hành.

** Mô tả, phân tích, nhận định:*

Nhà trường luôn quan tâm, chú trọng đặc biệt về chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học. Bên cạnh việc xây dựng, đổi mới chương trình đào tạo phù hợp với thực tế, học đi đôi với thực hành, Nhà trường chú trọng xây dựng cơ sở vật chất phục vụ cho đào tạo cơ bản đồng bộ, đáp ứng tốt nhu cầu học tập và NCKH. Phòng học, giảng đường, xưởng thực hành được sử dụng theo quy định hiện hành **[5.7.01]**.

Cơ sở vật chất của nhà trường đảm bảo đủ tiêu chuẩn quy định: 02 tòa nhà 5 tầng với diện tích sàn hơn 3600 m²; 02 giảng đường 5 tầng, diện tích sàn 3600m²; trong đó có 02 phòng học ghép từ 200 chỗ ngồi với diện tích 400m², 30 phòng học lý thuyết với diện tích 1245m², 08 phòng thực hành với diện tích 1317m², hệ thống trang thiết bị, máy móc phục vụ học tập, nghiên cứu và các hoạt động văn hóa, văn nghệ, TDTT được đầu tư, đủ tiêu chuẩn quy định, đáp ứng đủ cho trên 1.000 SV học tập và nghiên cứu; 01 xưởng thực hành với diện tích 600m²; 01 sân hoạt động chung. Các công trình phụ trợ: 01 trạm biến áp, 01 bể nước, tường rào bao quanh sân, đường nội bộ và các công trình phụ trợ khác. Các phòng thực hành, thí nghiệm được trang bị đầy đủ các trang thiết bị đáp ứng các tiêu chí thực hành cho các chuyên ngành đào tạo. Trường có 01 xưởng thực hành với diện tích 600 m². Nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị, Nhà trường cũng đã có những quy định về quản lý, sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị cụ thể cho từng khu chức năng theo quy định.**[5.6.01]**.

- Điểm mạnh:

Các khu lớp học, các phòng thí nghiệm, thực hành được phân khu, phục vụ cho giảng dạy và học tập theo từng chuyên ngành đào tạo.

Các trang thiết bị trong phòng thực hành hiện đại, đáp ứng yêu cầu dạy và học, NCKH cho CB, GV và người học.

Các hội trường và giảng đường có đầy đủ thiết bị phục vụ cho học tập và các hoạt động ngoại khóa . . .

- Những tồn tại:

Chưa khai thác tối đa hiệu quả sử dụng các phòng thực hành, thí nghiệm.

Một số trang thiết bị, máy móc phục vụ thực hành, thí nghiệm đã lạc hậu, chưa được đầu tư mua mới.

*** Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

Tiêu chuẩn 5.8: Thiết bị đào tạo đáp ứng danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu đào tạo của từng trình độ đào tạo theo chuyên ngành hoặc nghề do cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương quy định. Đối với các chuyên ngành hoặc nghề mà cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương chưa ban hành danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu thì Nhà trường đảm bảo thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo, tương ứng quy mô đào tạo của chuyên ngành hoặc nghề đó.

*** Mô tả, phân tích, nhận định:**

Các trang thiết bị hiện có của nhà trường đảm bảo chất lượng, phù hợp với công nghệ sản xuất, phù hợp với các ngành nghề đào tạo trong giai đoạn hiện nay. Thiết bị máy móc, dụng cụ, phục vụ các hoạt động giảng dạy thực hành đáp ứng đúng về chủng loại, công năng, thông số kỹ thuật, mỹ thuật và đảm bảo các yêu cầu về sức khỏe, vệ sinh an toàn [5.5.02].

Hiện nay đủ trang thiết bị thực hành, thực tập đáp ứng yêu cầu đào tạo theo các ngành nghề đào tạo của Nhà trường. Trong các giờ thực hành đảm bảo số lượng 15-20 học sinh trong một nhóm, xưởng thực hành có đủ thiết bị, dụng cụ đảm bảo cho giờ học thực hành [5.8.01], [5.8.02], [5.8.03].

Nhà trường lập kế hoạch đầu tư thêm trang thiết bị với công nghệ sản xuất hiện đại phục vụ các ngành nghề đào tạo.

- **Điểm mạnh:**

Các trang thiết bị, dụng cụ của nhà trường có chất lượng cao, đa dạng, đáp ứng yêu cầu đào tạo.

- **Nhận định:** Nhà trường đảm bảo đáp ứng danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu của các nghề đào tạo tại trường.

*** Điểm tự đánh giá: 01 điểm**

Tiêu chuẩn 5.9: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, an toàn thuận tiện cho việc đi lại vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành đảm bảo các yêu cầu sự phạm an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường.

*** Mô tả, phân tích, nhận định:**

Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện. tất cả được được trang bị hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước [5.9.01].

Để đảm bảo vệ sinh chung trường có nhân viên thực hiện vệ sinh hàng ngày, đồng thời nhà trường còn phân công lao động vệ sinh về các lớp thực hiện đảm bảo môi trường học tập vệ sinh sạch sẽ.

Trang thiết bị, dụng cụ tại xưởng thực hành được bố trí hợp lý, khoa học, đảm bảo không gian an toàn, vị trí kết nối máy móc thiết bị với các nguồn điện, nguồn nước an toàn và thuận tiện trong việc vận hành thiết bị. Đảm bảo an toàn tuyệt đối, dễ dàng cho việc đi lại, bảo hành và bảo dưỡng.

Trang thiết bị, vật tư trong xưởng tại trường được sắp xếp đảm bảo các yêu cầu về mỹ thuật công nghiệp, mang tính thẩm mỹ nghề nghiệp của từng nghề phù hợp trong môi trường sư phạm và mang tính học tập, thực hành sư phạm. Các thiết bị nặng được bố trí cố định, các thiết bị rời di chuyển được để vào các vị trí thuận lợi để dễ di chuyển, dễ lấy; các khối thiết bị được sắp xếp theo nguyên tắc cao thấp, dài ngắn để có tầm nhìn trong không gian. Trong quá trình học tập và giảng dạy tại xưởng thực hành, công tác đảm bảo an toàn khi thực tập và vệ sinh công nghiệp khi học tập, đảm bảo vệ sinh môi trường trong quá trình lắp đặt, vận hành bảo dưỡng trang thiết bị dụng cụ trong xưởng thực hành đều được chú trọng và tuân thủ nghiêm ngặt theo đúng quy định nội quy của xưởng thực hành. [5.6.01].

- *Điểm mạnh:* Trang thiết bị dụng cụ được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành và bảo dưỡng. Đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật, mỹ thuật công nghiệp, thẩm mỹ nghề nghiệp và môi trường sư phạm.

- Nhận định:

Việc bố trí, lắp đặt trang thiết bị trong nhà xưởng an toàn, khoa học và hợp lý đảm bảo được các yêu cầu thuận lợi cho công tác đào tạo. Thiết bị nhà xưởng được thiết kế lắp đặt theo tiêu chuẩn nên đảm bảo thẩm mỹ công nghiệp, vệ sinh an toàn lao động và đảm bảo điều kiện môi trường tốt.

*** Điểm tự đánh giá: 01 điểm**

Tiêu chuẩn 5.10: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo, trong đó có quy định về việc định kỳ đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo.

*** Mô tả, phân tích, nhận định:**

Nhà trường có đủ kho bảo quản, lưu giữ vật tư, thiết bị cho trường, và có nhân viên phụ trách việc bảo quản và lưu giữ kho. Kho lưu trữ thiết bị đào tạo của nhà trường được bố trí trong khu nhà làm việc. Các hội trường và giảng đường có đầy đủ thiết bị phục vụ cho học tập và các hoạt động ngoại khóa. Kho chứa vật tư, thiết bị riêng cho mỗi khoa được bố trí ngay trong các phòng thực hành nên rất thuận tiện cho việc thường xuyên kiểm tra, bảo quản, phòng chống mất mát thiết bị, vật tư, hàng hoá, đảm bảo các điều kiện như tránh mưa, nắng, có đầy đủ ánh sáng, chống ẩm mốc, bảo vệ cẩn thận. Tại các phòng thực hành, xưởng thực hành đều có kho bảo quản vật tư thiết bị riêng cho mỗi xưởng và có nội quy, quy chế sử dụng riêng niêm yết ở cửa. Định kỳ 6 tháng/1 lần phòng Tổ chức Hành chính tổng hợp, thống kê báo cáo tình hình quản lý, sử dụng, bảo quản cơ sở vật chất. Trong báo cáo ấy có chỉ rõ những ưu điểm, tồn tại và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất của Nhà trường [5.6.01]. Hàng năm nhà trường thực hiện kế hoạch tổng kiểm kê tài sản, trang thiết bị, đánh giá mức độ % còn sử dụng, phân loại, thanh lý những thiết bị cũ, hư hỏng, lạc hậu không còn phù hợp cho công tác đào tạo của nhà trường [5.9.01].

- Điểm mạnh:

Trong các xưởng thực hành, phòng chuyên môn đều có nội quy quy định việc thực hành tại xưởng, quy trình vận hành thiết bị, máy móc, sổ bàn giao các ca thực tập tại các xưởng, các trang thiết bị được bảo dưỡng thường xuyên và định kỳ đảm bảo hoạt động bình thường. Vật tư, thiết bị, nguyên vật liệu thực hành luôn được bảo quản tốt và an toàn.

- *Tồn tại:* Xây dựng các giải pháp khai thác, sử dụng hiệu quả hơn nữa trang thiết bị phục vụ thực hành, thí nghiệm.

Đầu tư mua sắm bổ sung, thay thế các loại máy móc, thiết bị mới phù hợp với chương trình đào tạo và nhu cầu học tập, nghiên cứu của nhà trường.

- Kế hoạch hành động:

Hàng năm các phòng, khoa, xưởng thường xuyên thực hiện việc bảo dưỡng máy móc trang thiết bị nhằm hạn chế đến mức thấp những hỏng hóc.

Tiếp tục thực hiện báo cáo định kỳ 6 tháng 1 lần để kịp thời đề xuất những biện pháp sửa chữa, bảo quản trang thiết bị đào tạo.

*** Điểm tự đánh giá: 1 điểm**

Tiêu chuẩn 5.11: Thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định của trường và sản xuất; hàng năm đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng theo quy định.

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Hệ thống quản lý trang thiết bị tại trường được thực hiện theo quy định quản lý và sử dụng tài sản, vật tư thiết bị, trong đó quy định rõ phân loại tài sản, quy mô tài sản, quy trình quản lý tài sản từ khi đề xuất mua bán, giao nhận, sử dụng thanh lý thu hồi. Các đơn vị thực hiện việc thu nhận và cấp phát vật tư, hàng hóa từ phòng kế hoạch tài chính, có sổ theo dõi, giám sát của cán bộ phụ trách, khi xuất thiết bị vật tư thực hành đều có sổ theo dõi quản lý. Hàng năm nhà trường đều có báo cáo đánh giá việc cấp phát, thu nhận trang thiết bị và tiến hành tổng kiểm kê tài sản, trang thiết bị, đánh giá phân loại và thanh lý những thiết bị cũ hỏng. Lập kế hoạch mua sắm thiết bị đồ dùng bổ sung [5.6.01].

Các thiết bị được sử dụng đúng công năng có cán bộ quản lý thường xuyên kiểm tra, vệ sinh các thiết bị sau mỗi giờ thực hành. Các thiết bị thường xuyên được kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa hoặc nâng cấp nhằm đảm bảo tốt nhất các điều kiện phục vụ công tác đào tạo và các hoạt động khác trong nhà trường [5.9.01].

- *Điểm mạnh:* Nhà trường có hệ thống quản lý việc cấp phát, thu nhận trang thiết bị hàng hóa, vật liệu đúng quy định, thiết bị hàng hóa được bảo quản tốt.

- *Nhận định:* Nhà trường đảm bảo đủ chủng loại các thiết bị dạy nghề và các thiết bị dạy nghề chính đảm bảo chất lượng, công năng và thông số kỹ thuật. Được bảo dưỡng theo định kì.

**** Điểm tự đánh giá: 01 điểm***

Tiêu chuẩn 5.12: Trường có định mức tiêu hao vật tư hoặc định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo và có quy định quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo; tổ chức thực hiện theo quy định đảm bảo kịp thời, đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo; vật tư được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện cho việc bảo quản và sử dụng.

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Hệ thống trang thiết bị hàng hóa, vật liệu tại trường được thực hiện theo quy định quản lý và sử dụng tài sản, vật tư, thiết bị, trong đó quy định rõ phân loại tài sản, quy

mô tài sản, quy trình quản lý tài sản từ khi đề xuất, mua bán, giao nhận sử dụng và thu hồi, thanh lý. Các đơn vị thực hiện việc thu nhận và cấp phát vật tư, hàng hóa từ phòng Kế hoạch Tài chính. Hàng năm, nhà trường đều có báo cáo đánh giá việc cấp phát, thu nhận trang thiết bị hàng hóa, vật tư, tiến hành tổng kiểm kê tài sản, trang thiết bị, đánh giá phân loại và thanh lý những thiết bị cũ, hỏng, lạc hậu, lập kế hoạch mua sắm vật tư, thiết bị đồ dùng dạy học bổ sung [5.12.01].

Hệ thống kho lưu giữ bảo quản vật tư của trường gồm kho chung cho toàn trường và các kho nhỏ lẻ được quản lý trực tiếp tại các đơn vị phòng, khoa. Các kho chung được bố trí xây dựng hợp lý về vị trí đảm bảo an toàn và tiện lợi.

- *Điểm mạnh:*

Nhà trường có đủ kho bảo quản, lưu trữ vật tư, thiết bị. Về cơ bản các điều kiện bảo quản, bảo vệ tốt cho các trang thiết bị, hàng hóa, vật liệu.

- *Nhận định:*

Hiện tại nhà trường thực hiện tốt việc quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo.

* *Tự đánh giá điểm: 01 điểm*

Tiêu chuẩn 5.13: Trường có thư viện bao gồm phòng đọc, phòng lưu trữ bảo đảm theo tiêu chuẩn thiết kế. Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được trường phê duyệt, mỗi loại giáo trình đảm bảo tối thiểu 05 bản in.

* *Mô tả, phân tích, nhận định:*

Nhà trường đã bố trí diện tích riêng cho Thư viện tổng diện tích của thư viện là 200m² với 02 phòng đọc, 01 phòng mượn - trả. Số lượng sách đảm bảo phục vụ cho cán bộ giáo viên và SV trong nhà trường [5.13.01].

Nhà trường đã mua sắm, sưu tầm và bổ sung thêm nhiều sách tham khảo, tài liệu tham khảo, sách báo cho thư viện. Tổng số đầu sách tham khảo, tài liệu, giáo trình hiện có trong thư viện trường là hơn 3000 cuốn. Tuy nhiên nhà trường chưa biên soạn và ban hành về các loại giáo trình môn học, mô đun các nghề đào tạo lưu hành nội bộ. Việc tìm kiếm sách chuyên ngành phục vụ học tập được giáo viên soạn thảo thành những tài liệu giảng dạy và phát cho học sinh [5.13.02].

Với mục tiêu luôn cập nhật tài liệu, sách mới phục vụ bạn đọc, hàng năm nhà trường đầu tư mua sắm sách, tài liệu và giáo trình tham khảo phục vụ giáo viên và học sinh của trường. Đa số các loại sách, tài liệu và giáo trình được xuất bản trong những

năm gần đây đảm bảo cung cấp và cập nhật các nội dung, kỹ thuật tiên tiến phục vụ bạn đọc [4.10.01]. Tuy nhiên, những giáo trình các môn học, mô đun đào tạo nghề của nhà trường chưa được biên soạn do nguồn kinh phí cho biên soạn chương trình, giáo trình không được cấp, nhà trường đã sưu tầm phô tô giáo trình các môn học, mô đun của các đơn vị bạn để cung cấp cho học sinh mượn tại thư viện. Qua đó học sinh có thể kết hợp việc ghi chép trên lớp và tự tìm tòi nghiên cứu, bổ sung thêm kiến thức còn thiếu. Đây là điều kiện thuận lợi cho người học, tạo cho người học tư thế luôn chủ động tiếp thu kiến thức tự nâng cao trình độ chuyên môn bản thân.

Trong những năm học tới Thư viện tiếp tục mua bổ sung thêm các loại giáo trình chuyên môn, tài liệu tham khảo, các tạp chí chuyên ngành phù hợp với ngành nghề đào tạo của nhà trường đáp ứng tiêu chuẩn số đầu sách theo quy định.

- *Điểm mạnh:*

Điều kiện về cơ sở vật chất, phòng đọc, phòng lưu trữ được đầu tư đồng bộ, khang trang, hiện đại và đồng bộ. Đảm bảo đủ giáo trình phục vụ CBGV, SV. Đáp ứng tốt nhu cầu học tập và nghiên cứu trong Nhà trường

- *Nhận định:*

Hiện tại Nhà trường đã có phòng đọc, cơ bản đủ giáo trình cho SV học tập và nghiên cứu. Trong những năm tới, Nhà trường tiếp tục nâng cấp thành thư viện điện tử và bổ sung thêm tài liệu chuyên môn, giáo trình để đáp ứng nhu cầu tra cứu và tham khảo của cán bộ giáo viên và SV.

** Điểm tự đánh giá: 01 điểm*

Tiêu chuẩn 5.14: Tổ chức hoạt động, hình thức phục vụ của thư viện trường phù hợp với nhu cầu tra cứu của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học.

** Mô tả, phân tích, nhận định:*

Nhằm giúp CBGV và SV của trường được thường xuyên cập nhật sách mới, giới thiệu sách mới khiến cho người đọc thông qua các hình thức như: gửi thông báo danh mục sách mới tới các khoa, phòng. Kết hợp với sở văn hóa và truyền thông, thư viện tỉnh tổ chức hội thi giới thiệu sách nhằm tuyên truyền rộng rãi tới bạn đọc ý nghĩa về sách. Nhà trường gia khảo sát hiện trạng, nhu cầu thư viện của HH các trường ĐH, CĐ Việt Nam (8/2018) [5.14.01].

Để giúp cho bạn thuận tiện trong việc tra cứu, nhân bản, trao đổi tài liệu... Thư viện trường đã có nhiều biện pháp tư vấn, hỗ trợ bạn đọc của thư viện như: Giới thiệu

sách, tài liệu định kỳ cho bạn đọc thông qua bản tin, thông báo mail phòng khoa, hoạt động ngoại khóa. Đồng thời nhà trường còn hỗ trợ máy in, máy phô tô để hỗ trợ việc nhân bản, sao chép tài liệu cho giáo viên học sinh. Thông báo mua bổ sung giáo trình, tài liệu phục vụ dạy và học, [5.14.02].

Để hỗ trợ cho Thư viện Trường trong việc giới thiệu sách mới, hỗ trợ bạn đọc trong việc tra cứu tài liệu tại thư viện, trường CDCNHN đã thành lập tổ cộng tác viên thư viện, thành viên tổ cộng tác viên của thư viện gồm các sinh viên trong trường (mỗi lớp 01 thành viên), đứng đầu tổ là cán bộ phụ trách thư viện nhà trường. Hàng năm Tổ cộng tác viên đã lên kế hoạch hoạt động của tổ và ra nội quy làm việc của tổ để nâng cao hiệu quả hoạt động. Đội ngũ cộng tác viên của thư viện đã phát huy tốt vai trò khuyến khích được người đọc, cán bộ giáo viên và sinh viên khai thác tốt và có hiệu quả các tài liệu như: Duy trì tủ sách của thư viện, tham mưu cho nhà trường bổ sung các loại tài liệu mới cho thư viện, hỗ trợ cho bạn đọc trong việc tìm kiếm, tra cứu tài liệu, tổ chức giới thiệu sách và tài liệu mới cho bạn đọc...

- *Điểm mạnh:*

Cán bộ thư viện có chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, thân thiện, nhiệt tình, trách nhiệm trong công việc, phục vụ chu đáo bạn đọc.

Hệ thống máy móc, thiết bị đủ tiêu chuẩn quy định để áp dụng phần mềm và các chuẩn nghiệp vụ thư viện phục vụ công tác tra cứu tài liệu, quản lý bạn đọc và quản lý tài liệu mượn, trả...

- *Nhận định:* Hiện tại và trong những năm tới thư viện Nhà trường đáp ứng đầy đủ các nhu cầu tra cứu cho cán bộ quản lý, nhà giáo và người học.

* *Điểm tự đánh giá: 01 điểm*

Tiêu chuẩn 5.15: Trường có thư viện điện tử, có phòng máy tính đáp ứng nhu cầu tra cứu, truy cập thông tin của nhà giáo và người học; các giáo trình, tài liệu tham khảo của trường được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.

* *Mô tả, phân tích, nhận định:*

Hiện nay Nhà trường được trang bị trên 100 máy vi tính cho 4 phòng Lab. Tuy nhiên, máy tính này chưa sử dụng phần mềm phục vụ tin học hóa công tác quản lý thư viện.

Các loại sách được lưu trữ và sắp xếp theo chuyên ngành, được dán mã vạch ... dán tại kệ sách [5.13.01], [4.10.01].

Kế hoạch khắc phục: Thư viện của cần trang bị hệ thống máy tính nối mạng nội bộ (Lan), kết nối mạng internet, đảm bảo hoạt động của thư viện điện tử. Đảm bảo hệ thống mạng (Lan), việc kết nối internet và các máy móc, thiết bị hoạt động bình thường, phục vụ thường xuyên liên tục cho bạn đọc và cử cán bộ phụ trách thư viện có trách nhiệm theo dõi, phát hiện sự cố và báo sửa chữa kịp thời.

Đa dạng hóa các nội dung, tài liệu tham khảo cho CBGV và SV, thực hiện trao đổi thông tin tư liệu với thư viện các trường đại học, cao đẳng để tạo điều kiện cho giáo viên và học sinh sinh viên sưu tầm thêm tài liệu phục vụ cho giảng dạy và học tập.

** Điểm tự đánh giá: 0 điểm*

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ 6

3.2.6. Tiêu chí 6: Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế.

** Mở đầu:*

Trường có những chính sách khuyến khích cán bộ, giáo viên nghiên cứu khoa học và bước đầu đã có những kết quả trong việc nâng cao chất lượng đào tạo và hiệu quả trong quá trình dạy và học . Nhà trường đã có quy định về công tác nghiên cứu khoa học. Hằng năm, thường xuyên đăng ký đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường và được phê duyệt thực hiện hàng năm, các đề tài khoa học đều mang tính thực tiễn, có giá trị ứng dụng cao trong quá trình đào tạo và phát triển của nhà trường;

** Những điểm mạnh:*

Những chính sách khuyến khích cán bộ, giáo viên nghiên cứu khoa học đã bước đầu có những kết quả trong việc nâng cao chất lượng đào tạo và hiệu quả trong quá trình dạy và học. Chất lượng đào tạo đã ngày càng được nâng cao, phù hợp với sự phát triển của khoa học công nghệ; của thực tiễn lao động, sản xuất.

** Những tồn tại:*

Chất lượng và quy mô của các công trình nghiên cứu khoa học còn hạn chế. Số lượng các bài viết đăng trên các tạp chí chuyên ngành chưa có.

Việc thu thập ý kiến đánh giá của cán bộ, giáo viên, người học, doanh nghiệp về chương trình đào tạo; nội dung, phương pháp đào tạo, chất lượng đào tạo, giáo dục

chưa rộng rãi.

*** Kế hoạch nâng cao chất lượng:**

Tăng cường khuyến khích cán bộ, giáo viên và học sinh nghiên cứu khoa học; xây dựng cơ chế, chính sách cho các cán bộ, giáo viên tham gia nghiên cứu khoa học. Đổi mới, đa dạng hình thức nghiên cứu khoa học. Nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học, phục vụ cho thực tiễn dạy-học và lao động, sản xuất.

Mở rộng đối tượng tham gia nghiên cứu khoa học cấp trường. Hàng năm, khuyến khích giáo viên, giảng viên đăng công trình nghiên cứu khoa học, đăng báo trên các tạp chí, tập san khoa học, chuyên ngành; kỉ yếu hội thảo khoa học quốc tế và trong nước.

Điểm đánh giá tiêu chí 6:

Tiêu chí 6 – Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế	Điểm tự đánh giá
Tiêu chuẩn 6.1	1 điểm
Tiêu chuẩn 6.2	1 điểm
Tiêu chuẩn 6.3	0 điểm
Tiêu chuẩn 6.4	0 điểm
Tiêu chuẩn 6.5	1 điểm

Tiêu chuẩn 6.1: Trường có chính sách và thực hiện các chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo.

*** Mô tả, phân tích, nhận định:**

Hệ thống văn bản của nhà trường quy định rõ về chính sách nhằm khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ được giảm giờ dạy, được hỗ trợ kinh phí. [1.3.04] , [6.1.01]

*** Điểm tự đánh giá: 01 điểm**

Tiêu chuẩn 6.2: Hàng năm, trường có đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến từ cấp trường trở lên phục vụ thiết thực công tác đào tạo của trường (ít nhất 01 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường trung cấp, ít nhất 02 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường cao đẳng).

*** Mô tả, phân tích, nhận định:**

Hàng năm nhà trường đều tổ chức thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến cấp trường [6.2.01].

Từ năm 2017 đến nay, việc nghiên cứu khoa học được triển khai theo hướng phục vụ cho công tác đào tạo, thực hiện mở ngành, nghề và biên soạn giáo trình, bài giảng cho các ngành, nghề đang và sẽ đào tạo.

*** Điểm tự đánh giá: 01 điểm**

Tiêu chuẩn 6.3: Hàng năm, trường có các bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đăng trên các báo, tạp chí khoa học ở trong nước hoặc quốc tế.

*** Mô tả, phân tích, nhận định:**

Cán bộ, giáo viên nhà trường chưa có các kết quả khoa học được đăng trên các báo, tạp chí khoa học ở trong nước hoặc quốc tế.

*** Điểm tự đánh giá: 0 điểm**

Tiêu chuẩn 6.4: Các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến của trường được ứng dụng thực tiễn.

*** Mô tả, phân tích, nhận định:**

- Điểm mạnh:

Hàng năm nhà trường đều tổ chức thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến cấp trường và biên soạn giáo trình, tài liệu phục vụ cho đào tạo. Kết quả của việc nghiên cứu đó đều được ứng dụng vào thực tiễn đào tạo của nhà trường, hoặc ứng dụng vào sản xuất, lao động tại địa phương [6.2.01].

- Tồn tại: Số lượng đề tài NCKH, sáng kiến còn ít.

*** Điểm tự đánh giá: 0 điểm**

Tiêu chuẩn 6.5: Có liên kết đào tạo hoặc triển khai các hoạt động hợp tác với các trường nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế; các hoạt động hợp tác quốc tế góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường.

*** Mô tả, phân tích, nhận định:**

Xác định liên kết đào tạo hoặc triển khai các hoạt động hợp tác với các trường nước ngoài là một trong các hoạt động nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và từ đó là vị thế của trường cũng như sẽ tạo được điều kiện để sinh viên có thể mở rộng khả năng tìm kiếm việc làm và học tập nâng cao trình độ ở nước ngoài, trong những năm qua nhà trường đã triển khai việc ký kết các biên bản ghi nhớ và hợp đồng liên kết đào tạo,

thực tập với nhiều trường đại học và công ty nước ngoài tại Hàn Quốc, Nhật Bản [6.5.01].

** Điểm tự đánh giá: 01 điểm*

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ 7

3.2.7. Tiêu chí 7: Quản lý tài chính

** Mở đầu:*

Trường CĐCNHN là trường tư thực, độc lập, có tài khoản, con dấu riêng, được mở tài khoản tại Ngân hàng để thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao. Nhà trường có phòng Tài chính – Kế toán quản lý kế toán chuyên trách, hoạt động chính là đảm nhận công tác chuyên môn nghiệp vụ kế toán tài chính và kế hoạch, tham mưu cho Ban Giám hiệu về quản lý và chấp hành pháp luật Nhà nước về quản lý tài chính, tài sản. Nhà trường thực hiện quản lý tài chính theo quy định về chế độ tài chính đối với đơn vị doanh nghiệp. Chấp hành nghiêm các quy định về quản lý tài chính, tài sản.

Trên cơ sở kế hoạch thu - chi hàng năm, Nhà trường phân bổ kinh phí chi cho các hoạt động đào tạo, chế độ cho SV, tăng cường cơ sở vật chất phục vụ dạy và học và một phần để nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống cho cán bộ giáo viên.

Hàng năm, Nhà trường lập kế hoạch đào tạo, trên cơ sở đó xây dựng dự toán thu, chi kinh phí theo định mức, tiêu chuẩn, chế độ quy định đồng thời phù hợp với mục tiêu, chiến lược phát triển của nhà trường.

Công tác tài chính của Nhà trường đảm bảo theo hướng dẫn về biểu mẫu quy định, đáp ứng yêu cầu về nội dung, phục vụ toàn bộ các hoạt động trong năm của Nhà trường và chấp hành chế độ quản lý tài chính theo quy định.

** Điểm mạnh:*

Công tác quản lý tài chính được thực hiện theo đúng các quy định ban hành. Trên cơ sở các Thông tư, Nghị định, Nhà trường đã cụ thể hóa thành quy trình, thủ tục thanh toán riêng để thuận tiện công tác quản lý và thực hiện nghiệp vụ tài chính. Việc thực hiện công khai tài chính, báo cáo quyết toán theo đúng quy định hiện hành.

Ngoài các chế độ, định mức đã được nhà nước ban hành. Nhà trường còn xây dựng và cụ thể hóa nhiều chế độ, chính sách vào “Quy chế chi tiêu nội bộ” (QCCTNB) để đảm bảo tính minh bạch, công khai, đồng thời dễ cho việc thực hiện các chế độ, chính sách. Hằng năm, Nhà trường điều chỉnh, bổ sung các chế độ, chính sách vào

QCCTNB cho phù hợp với tình hình thực tế cũng như chế độ, chính sách của Nhà nước.

Nguồn tài chính hàng năm phân bổ theo nhiệm vụ được sử dụng đúng mục đích và được công bố công khai, minh bạch theo quy định về công khai tài chính; công tác kiểm tra, thẩm tra quyết toán kinh phí hàng năm được thực hiện thường xuyên.

Hàng năm, Nhà trường đều thực hiện đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính, chỉ ra những điểm mạnh, điểm tồn tại để có biện pháp khắc phục và nâng cao hiệu quả sử dụng tài chính nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của Nhà trường.

*** Những tồn tại:**

Nguồn thu còn hạn hẹp, chủ yếu là nguồn từ kinh phí đào tạo. Công tác tuyển sinh gặp nhiều khó khăn ảnh hưởng tới nguồn thu của nhà trường. Việc chuyển đổi sang cơ sở giáo dục nghề nghiệp dẫn đến nhiều chế độ, chính sách còn gặp nhiều vướng mắc trong quá trình thực hiện.

Điểm đánh giá tiêu chí 7:

Tiêu chí 7: Quản lý tài chính	Điểm tự đánh giá
Tiêu chuẩn 7.1	<i>1 điểm</i>
Tiêu chuẩn 7.2	<i>1 điểm</i>
Tiêu chuẩn 7.3	<i>1 điểm</i>
Tiêu chuẩn 7.4	<i>1 điểm</i>
Tiêu chuẩn 7.5	<i>1 điểm</i>
Tiêu chuẩn 7.6	<i>1 điểm</i>

Tiêu chuẩn 7.1: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính theo quy định và công bố công khai.

*** Mô tả, phân tích, nhận định:**

Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội là trường tư thực, tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính theo quy định. Hàng năm, Nhà trường tổ chức điều chỉnh, bổ sung quy chế chi tiêu nội bộ cho phù hợp, trong đó quy định rõ các nội dung thu, chi trong phạm vi chế độ, tiêu chuẩn, định mức theo quy định hiện hành và có những nội dung chi có tính chất đặc thù riêng của Nhà trường [1.3.06].

Để thực hiện tốt công tác quản lý tài chính, Nhà trường ban hành Quy định thủ tục mua sắm, thanh toán quyết toán nhằm đảm bảo việc thực hiện thanh quyết toán được thực hiện đúng theo quy định [7.1.01].

Hàng năm, hàng quý, Nhà trường đều có báo cáo công tác tài chính và kiểm soát nhằm công khai, minh bạch việc thực hiện quản lý, sử dụng, thanh quyết toán tài chính [7.1.02].

** Điểm tự đánh giá: 01 điểm*

Tiêu chuẩn 7.2. Quản lý, sử dụng các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo; tham gia sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đúng theo quy định.

** Mô tả, phân tích, nhận định:*

Nguồn thu của Nhà trường chủ yếu nguồn thu học phí, lệ phí. Ngoài ra, Nhà trường còn có một số nguồn thu khác nhưng chiếm tỷ trọng không đáng kể [7.2.01].

Căn cứ vào kế hoạch hàng năm và dựa vào số liệu đã thực hiện các nhiệm vụ của năm trước liền kề, Nhà trường tiến hành phân bổ chi tiết nguồn thu cho các nhiệm vụ đã đề ra theo kế hoạch, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả. Không ngừng cải thiện thu nhập, nâng cao đời sống tinh thần cho cán bộ, giáo viên, nhân viên góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học nhà trường. Nguồn thu của Nhà trường được quản lý tập trung, đúng quy định; mọi khoản thu, chi đều được phản ánh đầy đủ, kịp thời trên báo cáo quyết toán tài chính hàng năm [1.3.04].

Căn cứ vào chỉ tiêu tuyển sinh được giao hàng năm, Nhà trường đã tiến hành các hoạt động đào tạo chính quy, liên thông, liên kết và đào tạo bồi dưỡng cấp chứng chỉ để tăng nguồn thu.

- Điểm mạnh:

Nhà trường là doanh nghiệp tự đảm bảo 100% kinh phí, cho các nhiệm vụ. Nguồn kinh phí giao hàng năm, cơ bản đáp ứng tối thiểu cho các hoạt động đào tạo của Nhà trường. Vì vậy, Nhà trường chịu nhiều áp lực trong việc tạo các nguồn thu để đáp ứng các nhiệm vụ chi. Nhà trường luôn duy trì sự ổn định về thu nhập của cán bộ, giáo viên, nhân viên; các chế độ, chính sách luôn được giải quyết kịp thời đúng quy định, không nợ đọng.

- Tồn tại:

Nguồn thu hàng năm còn thấp nên một số hoạt động của Nhà trường phải cắt giảm. Việc phát triển Nhà trường còn gặp rất nhiều khó khăn, nhất là phát triển chất

lượng đội ngũ, mở rộng các ngành nghề đào tạo và đầu tư trang thiết bị phục vụ nhu cầu đào tạo của Nhà trường.

- Nhận định:

Nhà trường cần có nhiều giải pháp thiết thực, cụ thể hơn nữa trong việc mở ngành nghề và đa dạng hóa các loại hình đào tạo nhằm đáp ứng đa dạng nhu cầu nguồn lao động của xã hội để tăng nguồn thu trong các năm tiếp theo.

** Điểm tự đánh giá: 01 điểm*

Tiêu chuẩn 7.3: Trường có các nguồn lực về tài chính đảm bảo đủ kinh phí thực hiện các hoạt động của trường.

** Mô tả, phân tích, nhận định:*

Nguồn kinh phí tự chủ được tính dự trên định mức theo biên chế, đảm bảo đầy đủ chế độ, chính sách cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, người lao động và các khoản chi phí hành chính, chi phí nghiệp vụ thường xuyên, kinh phí sửa chữa tài sản, mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc [7.3.01].

** Điểm tự đánh giá: 01 điểm*

Tiêu chuẩn 7.4: Thực hiện việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán đúng quy định.

** Mô tả, phân tích, nhận định:*

Nhà trường thực hiện việc quản lý, sử dụng kinh phí được giao theo đúng các quy định hiện hành về quản lý tài chính, bám sát kế hoạch để phân bổ kinh phí và thực hiện các nhiệm vụ chi đảm bảo cho các hoạt động đào tạo, đảm bảo đầy đủ chế độ cho công chức viên chức, học sinh sinh viên và các hoạt động của trường [1.3.04]. Chấp hành nghiêm công tác quản lý kinh phí, công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Nhà trường thực hiện đầy đủ Quy định về chế độ kế toán theo Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thông tư số 185/2010/TT-BTC ngày 15/11/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán ban hành kèm theo Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC. Thực hiện thanh toán theo Thông tư 61/2014/TT-BTC ngày 12/5/2014 của Bộ Tài chính. Mở sổ sách theo dõi, phản ánh các nghiệp vụ kế toán tế phát sinh, thực hiện báo cáo theo đúng quy định [7.2.01].

** Điểm tự đánh giá: 01 điểm*

Tiêu chuẩn 7.5: Thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính; thực hiện kiểm toán theo quy định; xử lý khắc phục kịp thời các vấn đề còn vướng mắc trong

việc thực hiện các quy định về quản lý và sử dụng tài chính khi có kết luận của các cơ quan có thẩm quyền; thực hiện công khai tài chính theo quy định.

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Năm 2019 thực hiện quyết toán kinh phí năm 2018, Nhà trường đã thực hiện vượt kế hoạch kinh phí năm.

Thông qua kiểm soát [7.5.01], Nhà trường đã thực hiện công tác tài chính theo quy định, luôn chấp hành đúng các quy định về quản lý tài chính, tài sản, khắc phục kịp thời các vấn đề còn vướng mắc trong việc quản lý và sử dụng tài chính.

**** Điểm tự đánh giá: 01 điểm***

Tiêu chuẩn 7.6: Hàng năm, trường có đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của trường; có các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài chính nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của trường.

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Trên cơ sở hướng dẫn tại Thông tư 21/2005/TT-BTC ngày 22/3/2005 của Bộ Tài chính, hàng năm, Nhà trường đều tiến hành thực hiện tổ chức đánh giá việc chấp hành các chế độ, chính sách và các hoạt động thu, chi tài chính trong Nhà trường, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm soát và theo dõi các hoạt động thu, chi nội bộ Nhà trường. Kết thúc năm tài chính, phòng Kế hoạch-Tài chính báo cáo đánh giá tình hình sử dụng nguồn tài chính của trường theo quy định [7.6.01].

- Điểm mạnh:

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý và điều hành các nguồn thu trong Nhà trường đảm bảo công bằng, khách quan trong phân công lao động, thu nhập và khen thưởng... Qua đó, tạo được lòng tin từ các tập thể, cá nhân đối với công tác quản lý tài chính trong Nhà trường.

- Tồn tại:

Nhà trường chưa nhận được nhiều thông tin phản hồi và các ý kiến đóng góp từ CB,CCVC để Nhà trường thấy được những mặt mạnh và tồn tại, hạn chế trong công tác quản lý tài chính.

- Nhận định:

Tiếp tục làm tốt hơn nữa vai trò quản lý, chỉ đạo và điều hành các chế độ, chính sách đảm bảo chặt chẽ, khoa học, hiệu quả và tiết kiệm.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và theo dõi các hoạt động của Nhà trường, đặc biệt là công tác quản lý tài chính, qua đó để giúp Nhà trường tiếp tục phát huy hết những lợi thế hiện có và khắc phục những hạn chế, yếu kém.

Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ kế toán, đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ được giao, theo kịp với tốc độ và đòi hỏi của đất nước hiện nay.

** Điểm tự đánh giá: 01 điểm*

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ 8

3.2.8. Tiêu chí 8: Dịch vụ người học

** Mở đầu:*

Hàng năm, vào đầu năm học Nhà trường đều xây dựng kế hoạch, tổ chức tuần sinh hoạt công dân đầu khóa cho SV, trong tuần học này SV được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo, kế hoạch đào tạo, các yêu cầu về chuyên môn cần đạt được của khoá học; được phổ biến đầy đủ về quy chế đào tạo, quy chế thi và kiểm tra, đánh giá, nội quy, quy định của Trường; các chế độ chính sách có liên quan đến SV. Công tác chăm sóc sức khỏe cho người học được quan tâm, trường có cán bộ y tế trực thường xuyên kịp thời sơ cứu và bảo vệ sức khỏe cho người học. Trường có các khu thể thao (sân bóng đá mini, bóng chuyền) phục vụ người học rèn luyện sức khỏe và nhu cầu vui chơi giải trí.

Nhà trường có hệ thống cơ sở vật chất đầy đủ và được thiết kế, xây dựng đồng bộ phục vụ tốt cho giáo dục, đào tạo và sinh hoạt của SV; trường có căng tin, có hệ thống điện, nước, nhà vệ sinh riêng. Có dịch vụ y tế chăm sóc, đảm bảo sơ cứu và bảo vệ sức khỏe cho người học.

** Những tồn tại:*

Trong thời gian đầu khóa học một số học sinh sinh viên được gọi nhập học bổ sung sau nên các nội quy, quy định không được tiếp thu một cách đầy đủ.

Công tác hướng nghiệp và giới thiệu việc làm hiệu quả chưa cao.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Nhà trường tiếp tục tăng cường giáo dục SV một cách toàn diện, đa dạng hóa các hình thức quản lý và nắm bắt tình hình SV, thay đổi phương pháp kiểm tra, đánh giá và xử lý SV.

Thành lập Ban hướng nghiệp, giới thiệu việc làm kết nối các doanh nghiệp giúp SV tốt nghiệp tìm kiếm việc làm; Tăng cường tổ chức các hoạt động giới thiệu việc làm cho SV tốt nghiệp.

Điểm đánh giá tiêu chí 8:

Tiêu chí 8 – Dịch vụ người học (9 tiêu chuẩn)	Điểm tự đánh giá
Tiêu chuẩn 8.1	1 điểm
Tiêu chuẩn 8.2	1 điểm
Tiêu chuẩn 8.3	1 điểm
Tiêu chuẩn 8.4	1 điểm
Tiêu chuẩn 8.5	0 điểm
Tiêu chuẩn 8.6	1 điểm
Tiêu chuẩn 8.7	1 điểm
Tiêu chuẩn 8.8	1 điểm
Tiêu chuẩn 8.9	0 điểm

Tiêu chuẩn 8.1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường; các chế độ chính sách hiện hành đối với người học; các điều kiện đảm bảo chất lượng.

*** Mô tả, phân tích, nhận định:**

Trong thông báo tuyển sinh, trường có cung cấp các thông tin về ngành đào tạo, chương trình đào tạo, kế hoạch đào tạo **[8.1.01]**.

Khi đã trúng tuyển, học sinh sinh viên được tham gia học tuần sinh hoạt công dân đầu năm. Trong tuần học này, sinh viên được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo, kế hoạch đào tạo, quy chế thi kiểm tra, nội quy của trường, các chế độ chính sách đối với người học **[1.12.02]**; Trong buổi họp lớp đầu tiên, người học cũng được Giáo viên chủ nhiệm phổ biến rõ hơn về nội quy, quy chế SV **[8.1.02]**. Trong quá trình học tập tại trường SV phải trải qua các kỳ thi kết thúc học phần, thi tốt nghiệp, trong các buổi thi SV được phổ biến nội quy, quy chế phòng thi trước khi tổ chức kỳ thi. Trong năm học, tổ chức Hội nghị đối thoại giữa sinh viên với lãnh đạo nhà trường nắm bắt kịp thời tâm tư, nguyện vọng, thắc mắc, kiến nghị của sinh viên về

nhà trường cũng như có thêm thông tin phản hồi của người học để điều chỉnh các hoạt động đào tạo, công tác quản lý của nhà trường [8.1.03].

** Điểm tự đánh giá: 01 điểm*

Tiêu chuẩn 8.2: Người học được hưởng các chế độ chính sách theo quy định

** Mô tả, phân tích, nhận định:*

Chế độ chính sách đối với học sinh sinh viên được nhà trường thực hiện đầy đủ, kịp thời theo quy định. Hiện nay, chế độ chính sách đối với học sinh sinh viên được nhà trường thực hiện theo Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg, Quyết định số 194/2001/QĐ-TTg, Thông tư liên tịch số 18/2009/TTLT-BGDĐT-BTC; Nghị định số 57/2017/NĐ-CP; Nghị định số 86/2015/NĐ-CP, Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH, Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg, Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT/BLĐTBXH-BGDĐT-BTC. Đầu năm học, nhà trường thông báo, triển khai rộng rãi trong SV về các chế độ chính sách đối với SV trong tuần sinh hoạt công dân SV đầu năm học [1.12.02], hướng dẫn SV làm hồ sơ hưởng chế độ chính sách đúng đối tượng theo đúng các văn bản hướng dẫn của nhà nước, nhà trường [8.2.01], nhờ đó việc giải quyết chế độ, chính sách cho sinh viên được thực hiện đầy đủ, chính xác và kịp thời [8.2.02], [8.2.03].

** Điểm tự đánh giá: 1 điểm*

Tiêu chuẩn 8.3: Có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Người học được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại trường để hoàn thành nhiệm vụ học tập.

** Mô tả, phân tích, nhận định:*

Để SV có thêm động lực và cố gắng trong học tập, rèn luyện, Nhà trường có chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích SV.

Cuối mỗi học kỳ, năm học căn cứ kết quả học tập, rèn luyện của SV, các lớp tổ chức họp xét đánh giá kết quả rèn luyện của từng SV, lập danh sách SV đề nghị xét cấp học bổng KKHT gửi khoa, các khoa tổ chức họp xét cấp khoa lập biên bản đề nghị lên Hội đồng trường, căn cứ kết quả xét cấp khoa Hội đồng trường tổ chức họp xét đánh giá kết quả rèn luyện, học bổng KKHT của SV ra thông báo kết quả rèn luyện và Quyết định SV được thưởng học bổng KKHT [8.2.03]. Cuối năm học, căn cứ biên bản họp xét cấp khoa, bản thành tích cá nhân của SV, tập thể lớp SV Hội đồng thi đua

khen thưởng nhà trường xem xét, đề nghị Hiệu trưởng công nhận danh hiệu đối với cá nhân SV và tập thể lớp có thành tích trong học tập và rèn luyện, [8.3.01]. Để hỗ trợ kịp thời cho SV, Nhà trường thực hiện miễn học phí cho con em gia đình chính sách và vùng cao có hoàn cảnh khó khăn, trợ cấp xã hội cho các trường hợp con hộ nghèo, trợ cấp kinh phí nội trú cho SV ở vùng đặc biệt khó khăn [8.2.02].

Ngoài ra, Nhà trường còn vận động các nguồn từ doanh nghiệp, các tổ chức đề hàng năm trao các suất học bổng cho học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn vươn lên trong học tập nhân dịp khai giảng năm học mới, từ đó giúp các yên tâm học tập và không ngừng cố gắng vươn lên [8.3.02].

*** Điểm tự đánh giá: 01 điểm**

Tiêu chuẩn 8.4: Người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân

*** Mô tả, phân tích, nhận định:**

Nhà trường thực hiện tuyển sinh đào tạo không phân biệt giới tính, tôn giáo hay nguồn gốc xuất thân nên trong thời gian học tại trường học sinh sinh viên được tôn trọng và đối xử bình đẳng.

Được tạo điều kiện trong học tập và rèn luyện, được hưởng các chế độ chính sách ưu tiên theo quy định của Nhà nước, được xét nhận học bổng do các tổ chức, cá nhân tài trợ.

Được trực tiếp kiến nghị với nhà trường các giải pháp góp phần xây dựng Nhà trường, được đề đạt nguyện vọng và khiếu nại lên Hiệu trưởng giải quyết các vấn đề có liên quan đến quyền lợi, lợi ích chính đáng của SV [8.1.02]

*** Điểm tự đánh giá: 01 điểm**

Tiêu chuẩn 8.5: Ký túc xá đảm bảo đủ diện tích nhà ở và các điều kiện tối thiểu (chỗ ở, điện, nước, vệ sinh, các tiện nghi khác) cho sinh hoạt và học tập của người học

*** Mô tả, phân tích, nhận định:**

Nhà trường chưa có ký túc xá cho sinh viên

*** Điểm tự đánh giá: 0 điểm**

Tiêu chuẩn 8.6: Có dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khỏe; dịch vụ ăn uống của trường đáp ứng nhu cầu của người học và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Nhà trường có phòng y tế trực thuộc phòng tổ chức-hành chính cán bộ chuyên trách được đào tạo bài bản, chuyên môn tốt. Phòng y tế được trang bị dụng cụ y tế, thuốc men và các điều kiện khác, cán bộ y tế thường trực hàng ngày sẵn sàng phục vụ nhu cầu chăm sóc và bảo vệ sức khỏe của học sinh sinh viên [8.6.01].

Ngoài ra SV khi đến nhập học được nhà trường tổ chức khám sức khỏe, mua thẻ bảo hiểm y tế đầy đủ và kịp thời [8.6.02].

Căng tin của Trường được sử dụng dựa trên việc ký kết hợp đồng với cá nhân nhận khoán có điều khoản quy định đảm bảo nguyên tắc an toàn vệ sinh thực phẩm [5.3.03].

**** Điểm tự đánh giá: 01 điểm***

Tiêu chuẩn 8.7: Người học được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động xã hội; được đảm bảo an toàn trong khuôn viên trường

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Với mục tiêu giáo dục toàn diện, Nhà trường luôn quan tâm tạo điều kiện để học sinh sinh viên có thể tham gia các hoạt động ngoại khóa. Các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cũng thường xuyên được tổ chức đặt biệt là trong các ngày lễ lớn như ngày khai giảng năm học mới, ngày nhà giáo Việt Nam 20/11, ngày thành lập Đoàn TNCS Hồ Chí Minh 26/3, ngày sinh nhật Bác 19/5, ngày phụ nữ Việt Nam 20/10, 8/3... tạo không khí vui tươi, phấn khởi động viên học sinh sinh viên tích cực trong học tập, rèn luyện [8.7.01], [8.7.02]. Ngoài ra nhà trường còn tổ chức cuộc thi Tìm hiểu bộ luật hình sự, thu hút đông đảo sinh viên tham gia [8.7.03].

Công tác An ninh trường học cũng được nhà trường đặc biệt quan tâm. Hàng năm, nhà trường phối hợp chặt chẽ với các cơ quan an ninh địa phương trong công tác đảm bảo an ninh trật tự trường học, xử lý các vụ việc liên quan đến sinh viên. Trong những năm qua công tác an ninh trật tự của nhà trường được đảm bảo, không có các sự việc nghiêm trọng xảy ra [8.7.04].

**** Điểm tự đánh giá: 01 điểm***

Tiêu chuẩn 8.8: Trường thực hiện việc tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Bên cạnh việc trang bị kiến thức chuyên môn cho người học, hàng năm nhà trường phối hợp với một số cơ quan, doanh nghiệp tổ chức hội thảo giới thiệu việc làm, chương trình xuất khẩu lao động cho sinh viên các lớp tốt nghiệp **[8.8.01]**. Song song với tư vấn việc làm, nhà trường còn thường xuyên tổ chức các hoạt động tư vấn khác để hỗ trợ người học có thêm các kỹ năng xã hội, kỹ năng mềm. Trong thời gian thực tập cuối khóa, SV trực tiếp làm việc tại các cơ quan, doanh nghiệp trong tỉnh tạo điều kiện cho người học tích lũy thêm kiến thức, áp dụng kiến thức đã học vào thực tế **[1.1.06]**.

** Điểm tự đánh giá: 01 điểm*

Tiêu chuẩn 8.9: Hàng năm trường tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hội chợ việc làm để người học tiếp xúc với các nhà tuyển dụng

** Mô tả, phân tích, nhận định:*

Trong quá trình học tập, nhà trường thường xuyên phối hợp với các công ty, doanh nghiệp cung cấp thông tin tuyển dụng việc làm cho sinh viên để các em có thể tham gia vào việc tuyển chọn sau khi tốt nghiệp, tham gia làm thêm hoặc thực tập theo thỏa thuận hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp **[8.9.01]**

** Điểm tự đánh giá: 0 điểm*

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ 9

3.2.9. Tiêu chí 9: Giám sát, đánh giá chất lượng

** Mở đầu:*

Công tác giám sát, đánh giá chất lượng nhà trường luôn được lãnh đạo trường quan tâm hàng đầu, hàng năm việc giám sát, đánh giá và cải thiện nâng cao chất lượng trường được thực hiện bài bản thông qua:

Giám sát đánh giá hệ thống quản lý chất lượng nhà trường: từ việc các đơn vị tổ chức đánh giá nội bộ, trường mời chuyên gia góp ý, đánh giá bổ sung sau đó xây dựng kế hoạch cụ thể cải thiện hệ thống các quy trình quản lý chất lượng.

Hàng năm trường thực hiện tự kiểm định chất lượng dạy nghề thông qua hệ thống tiêu chí của Bộ lao động TBXH để xác định điểm tồn tại và đưa ra biện pháp cụ thể khắc phục.

Trường thực hiện thu thập ý kiến học sinh, sinh viên đang học, học sinh sinh viên đã tốt nghiệp đi làm và các doanh nghiệp có học sinh sinh viên trường làm việc...để

thông qua đó điều chỉnh chương trình đào tạo, điều chỉnh phương pháp giảng dạy, điều chỉnh các hoạch động dịch vụ ,chế độ chính sách đối với người học.

** Những điểm mạnh:*

Hàng năm trường tổ chức tự đánh giá chất lượng cơ sở theo các tiêu chí của Bộ lao động TBXH; Trường thực hiện lần vết sinh viên, thu thập ý kiến từ cán bộ, giáo viên, học sinh, sinh viên và doanh nghiệp để điều chỉnh chương trình đào tạo và nâng cao chất lượng đào tạo nhà trường.

** Những tồn tại:*

Công tác khảo sát lần vết sinh viên gặp nhiều khó khăn vì học sinh sinh viên ra trường thay đổi chỗ làm nhiều, thay số điện thoại nhiều nên công tác tiếp cận gặp nhiều khó khăn.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Tăng cường công tác khảo sát việc làm đối với SV tốt nghiệp, kết nối các doanh nghiệp để hỗ trợ SV tìm kiếm việc làm phù hợp.

Điểm đánh giá tiêu chí 9:

Tiêu chí 9 – Giám sát, đánh giá chất lượng	Điểm tự đánh giá
Tiêu chuẩn 9.1	0 điểm
Tiêu chuẩn 9.2	1 điểm
Tiêu chuẩn 9.3	1 điểm
Tiêu chuẩn 9.4	1 điểm
Tiêu chuẩn 9.5	1 điểm
Tiêu chuẩn 9.6	0 điểm

Tiêu chuẩn 9.1: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.

** Mô tả, phân tích, nhận định:*

Hàng năm, nhà trường có phối hợp với các đơn vị sử dụng lao động tiến hành khảo sát mức độ đáp ứng của sinh viên tốt nghiệp. Tuy nhiên số lượng khảo sát còn ít, chưa đáp ứng yêu cầu được đặt ra.

** Điểm tự đánh giá: 0 điểm*

Tiêu chuẩn 9.2: Hàng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 50% cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến

dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động.

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Hàng năm, trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách đối với công tác dạy học, tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá nhà giáo, viên chức, người lao động, kết quả khảo sát **[9.2.01]** nhằm có ý kiến đề xuất với cơ quan quản lý cấp trên để có những điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn.

Khảo sát ý kiến phản hồi của sinh viên đối với giáo viên **[9.2.01]**; Tổ chức Hội nghị đối thoại giữa SV với lãnh đạo nhà trường nhằm nắm bắt kịp thời những kiến nghị, phản ánh, tâm tư nguyện vọng của SV về chương trình đào tạo, chế độ chính sách v.v **[8.1.03]**.

**** Điểm tự đánh giá: 1 điểm***

Tiêu chuẩn 9.3: Hàng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 30% người học đại diện các ngành, nghề đào tạo về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường.

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Hàng năm phòng Nhà trường xây dựng Kế hoạch phỏng vấn người học và cựu SV về chất lượng, hiệu quả của chương trình đào tạo, chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường **[9.3.01]**, **[9.3.02]**. Qua kết quả thu thập được cho thấy người học đánh giá rất cao về chương trình đào tạo, đội ngũ giảng viên.

**** Điểm tự đánh giá: 01 điểm***

Tiêu chuẩn 9.4: Trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng và kiểm định chất lượng theo quy định.

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Xem hoạt động tự đánh giá là một trong các giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động của nhà trường, đặc biệt là việc xác định các mặt vẫn còn tồn tại để từ đó tìm biện pháp khắc phục, nhà trường đã triển khai các hoạt động tự kiểm định chất lượng giáo dục theo đúng quy định của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội **[9.4.01]**, **[1.8.01]**.

*** Điểm tự đánh giá: 01 điểm**

Tiêu chuẩn 9.5: Hàng năm, trường có kế hoạch cụ thể và các biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá và kết quả đánh giá ngoài nếu có.

*** Mô tả, phân tích, nhận định:**

Trên cơ sở phân tích điểm mạnh, các tồn tại trong báo cáo tự đánh giá và kết quả đánh giá ngoài. Hàng năm trường lập kế hoạch và có các biện pháp cụ thể để cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo, một số điển hình:

CTĐT được điều chỉnh theo hướng giảm bớt khối lượng và chương trình trên cơ sở xem xét giảm bớt nội dung và thời lượng của một số học phần do bị trùng lặp, tăng thêm một số học phần mới, bỏ một số học phần không còn phù hợp; giảm các giờ học lý thuyết, tăng cường giờ học thảo luận, bài tập, thực hành tại phòng thực hành, tại các doanh nghiệp [4.7.01], [4.2.01], [2.1.01].

Trên cơ sở tiến hành chỉnh sửa chương trình, nhà trường khuyến khích giảng viên cải tiến phương pháp dạy học để đảm bảo người học được lĩnh hội những kiến thức mới và tăng thời lượng cho đào tạo kỹ năng mềm.

*** Điểm tự đánh giá: 01 điểm**

Tiêu chuẩn 9.6: Trường có tỷ lệ 80% người học có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo sau 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp.

*** Mô tả, phân tích, nhận định:**

Để đánh giá chất lượng đào tạo của nhà trường và khả năng đáp ứng của nhà trường đối với các doanh nghiệp, trường CĐCNHN đã giao cho Phòng Quan hệ doanh nghiệp phối hợp với các doanh nghiệp và qua nhiều kênh khác nhau tổ chức khảo sát về mức độ đáp ứng đối với công việc của sinh viên của Nhà trường sau khi tốt nghiệp [9.6.01]. Tuy nhiên phạm vi khảo sát còn hẹp, số lượng khảo sát còn chưa nhiều, vì vậy mặc dù được nhiều doanh nghiệp đánh giá cao về chất lượng đào tạo của nhà trường nhưng kết quả khảo sát vẫn chưa đủ để khẳng định trường có tỷ lệ 80% người học có việc làm phù hợp với chuyên môn hoặc ngành nghề đào tạo sau 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp.

*** Điểm tự đánh giá: 0 điểm**

PHẦN III. TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ HÀ NỘI

Công tác tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp là một quá trình đánh giá trong và đánh giá ngoài dựa trên hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành trong giai đoạn hiện nay là một hoạt động không thể thiếu được trong hoạt động quản lý Nhà nước về giáo dục nghề nghiệp, điều này càng trở nên quan trọng khi Việt Nam tham gia hội nhập kinh tế quốc tế.

Trường CĐCNHN đã tiến hành thực hiện nghiêm chỉnh công tác tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo đúng quy định và hướng dẫn của Bộ. Trường đã có quyết định thành lập Hội đồng tự kiểm định và các nhóm chuyên trách; phân công nhiệm vụ cụ thể cho các nhóm trưởng; lập kế hoạch, quy trình tự kiểm định. Toàn thể cán bộ, nhà giáo, người lao động của trường tham gia tích cực trong quá trình viết các tiêu chí, tiêu chuẩn, thảo luận và rút kinh nghiệm trong quá trình làm việc.

Trường tự đánh giá trong 9 tiêu chí bao gồm 100 tiêu chuẩn và kết quả tự kiểm định có 89 tiêu chuẩn ở mức độ đạt, 11 tiêu chuẩn không đạt. Thông qua kết quả tự đánh giá, trường sẽ phát huy những mặt mạnh, khắc phục những tồn tại trong thời gian tới. Trên cơ sở đó, hằng năm tiếp tục thực hiện công tác tự đánh giá và có giải pháp thực hiện nghiêm túc các Kế hoạch nâng cao chất lượng từng tiêu chí, tiêu chuẩn đã đề ra.

Kế hoạch nâng cao chất lượng trong năm 2020 của trường bao gồm:

- Định kỳ hằng năm nhà trường tiếp tục rà soát, điều chỉnh mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý của nhà trường phù hợp với từng giai đoạn phát triển và công bố rộng rãi thông qua nhiều hình thức.
- Trường sẽ tăng cường hơn nữa công tác phối hợp doanh nghiệp trong đào tạo nghề,
- Trường tiếp tục hoàn thiện các văn bản để thể chế hóa công tác quản lý.
- Nhà trường sẽ tiến hành khảo sát ý kiến đánh giá của các doanh nghiệp, học sinh sinh viên về tính hợp lý của chương trình đào tạo, từ đó sẽ định ra hướng điều chỉnh cho phù hợp.
- Tiếp tục tổ chức biên soạn giáo trình phục vụ cho công tác giảng dạy của nhà trường.

- Từ năm 2020, đẩy mạnh việc thực hiện đề án phát triển trường, trong đó việc mở rộng xây dựng thêm các phòng đáp ứng được tốt theo yêu cầu của chương trình học.

- Nâng cao tỷ trọng kinh phí dùng cho hoạt động nghiên cứu khoa học, thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học trong nhà giáo, sinh viên thiết thực hơn; khuyến khích nhà giáo ngoài nhiệm vụ giảng dạy còn phải quan tâm đến nhiệm vụ nghiên cứu khoa học.

- Tiếp tục tổ chức nghiên cứu khoa học với sự tham gia của các cấp trong trường, từng bước tìm kiếm đối tác, xây dựng kế hoạch.

- Trường tiếp tục hoàn thiện các quy chế để thể chế hóa công tác quản lý tài chính.

- Tăng cường thêm cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ sinh hoạt cho người học.

- Bố trí cán bộ chuyên trách thực hiện việc khảo sát người học sau khi ra trường và nắm bắt thông tin doanh nghiệp.

- Trong năm 2020 lập kế hoạch khảo sát các đơn vị trong thành phố có sử dụng sinh viên của trường đã tốt nghiệp về mức độ đáp ứng công việc tại đơn vị để có những giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo

PHẦN IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Đối với Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp -Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội:

- Đầu tư kinh phí cho các trường mới chuyển từ Giáo dục đại học sang Giáo dục nghề nghiệp thuộc bộ quản lý nhằm trang bị cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác giáo dục nghề nghiệp của cơ sở.

- Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội cần tổ chức thường xuyên các đợt tập huấn cho cán bộ làm công tác khảo thí và đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp nói chung và công tác kiểm định trường, công tác viết báo cáo tự đánh giá, thu thập và đánh giá minh chứng nói riêng.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1. Quyết định thành lập Hội đồng kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp

BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ HÀ NỘI
Số: 102/QĐ-CDCNHN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 14 tháng 04 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng tự kiểm định chất lượng giáo dục

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ HÀ NỘI

- Căn cứ Thông tư số 42/2011/TT-BLĐTBXH ngày 29 tháng 12 năm 2011 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội Quy định về quy trình thực hiện kiểm định chất lượng dạy nghề; Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 6 năm 2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

- Căn cứ Công văn 1845/TCĐN-KDCL ngày 24/7/2017 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc hướng dẫn tự kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2017;

- Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hiệu trưởng;

- Xét đề nghị của Trường bộ phận Khảo thí và Kiểm định chất lượng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Thành lập Hội đồng tự kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp năm 2019 Trường Cao Đẳng Công Nghệ Hà Nội gồm 11 thành viên (có danh sách kèm theo).

Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên do Chủ tịch Hội đồng phân công.

Điều 2: Hội đồng có nhiệm vụ triển khai tự kiểm định trường cao đẳng theo quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp và hướng dẫn của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các ông (bà) Trưởng các phòng, khoa và các thành viên Hội đồng tự kiểm định chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: TCHC, KT&KDCL.



TS. Hoàng Văn Lợi



Scanned with
CamScanner

DANH SÁCH
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ KIỂM ĐỊNH

(Kèm theo Quyết định số: 402/QĐ -- CDCNHN

Ngày 26/4 /2019 của Hiệu trưởng trường Cao Đẳng Công Nghệ Hà Nội)

TT	Họ và Tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
1	TS. Hoàng Văn Lợi	Hiệu Trưởng	Chủ tịch
2	TS. Dương Từ Cường	Phó Hiệu Trưởng	Phó chủ tịch
3	Ths. Hoàng Văn Thao	Trưởng phòng Đào tạo	Thư ký
4	Ths. Dương Thị Cường	Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính	Ủy viên
5	Ths. Nguyễn Thị Hồng	Phó trưởng phòng QHDN & TS	Ủy viên
6	CN. Phan Thị Nga	Trưởng phòng Tài chính – Kế toán	Ủy viên
7	Ths. Nguyễn Thanh Phong	Trưởng khoa Điện tử – Cơ khí	Ủy viên
8	KS. Đặng Trần Trung	Trưởng khoa CNTT	Ủy viên
9	CN. Bùi Thị Liên	Trưởng khoa Cơ bản – Kinh tế	Ủy viên
10	Ths. Nguyễn Thị Như Trang	Phó trưởng khoa CNTT	Ủy viên
11	Ths. Nguyễn Ngọc Tuấn	Phó trưởng khoa Điện tử - Cơ khí	Ủy viên

(Danh sách gồm có 11 người)

BÌNH VÀ XÁC
 G. I. E.
 QH

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thay thế, bổ sung thành viên hội đồng tự kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ HÀ NỘI

Căn cứ Thông tư số 42/2011/TT-BLĐTBXH ngày 29 tháng 12 năm 2011 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội Quy định về quy trình thực hiện kiểm định chất lượng dạy nghề; Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 6 năm 2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Công văn 1845/TCDN-KĐCL ngày 24/7/2017 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc hướng dẫn tự kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2017;

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hiệu trưởng;

Xét đề nghị của Bộ phận Khảo thí và Kiểm định chất lượng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thay thế, bổ sung một số thành viên Hội đồng tự kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp năm 2019 của Trường Cao Đẳng Công Nghệ Hà Nội (được quy định tại Điều 1, Quyết định Số: 102/QĐ-CĐCNHN, ngày 26 tháng 4 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội về việc thành lập Hội đồng tự kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp, gọi tắt là Hội đồng) cụ thể như sau:

1. Ông Vũ Chí Thành, Hiệu trưởng, Chủ tịch Hội đồng (thay ông Hoàng Văn Lợi, Hiệu phó thôi làm Chủ tịch Hội đồng);

2. Ông Hoàng Văn Lợi, Phó Hiệu trưởng, Phó Chủ tịch Hội đồng (thay ông Dương Tử Cường, Phó Hiệu Trưởng thôi làm Phó Chủ tịch Hội đồng);

3. Ông Dương Tử Cường, Phó Hiệu trưởng - Phụ trách Phòng Đào tạo, Thư kí Hội đồng (thay ông Hoàng Văn Thao, nguyên Trưởng phòng Đào tạo do đã chuyển công tác);

4. Bà Trần Thị Thanh Nga, Phòng Tài chính Kế toán, Ủy viên Hội đồng (thay bà Phan Thị Nga, nguyên Trưởng phòng Tài chính Kế toán do đã chuyển công tác);

5. Ông Trần Bình An, Phòng Quan hệ doanh nghiệp và Tuyển sinh, Ủy viên Hội đồng (thay bà Nguyễn Thị Hồng, nguyên Phó phòng Quan hệ doanh nghiệp và Tuyển sinh do đã chuyển công tác);



6. Bà Phan Thị Huệ, Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư và Công nghệ INTEC Việt Nam, Ủy viên Hội đồng;

7. Ông Vũ Huy Trung, Giám đốc Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ kỹ thuật Huy Trung, Ủy viên Hội đồng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3: Các ông (bà) trưởng các phòng, khoa và các thành viên Hội đồng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: TCHC, KT&KĐCL.



DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ KIỂM ĐỊNH

(Kèm theo Quyết định số: 175A /QĐ – CĐCNHN

Ngày 2/8/2019 của Hiệu trưởng trường Cao Đẳng Công Nghệ Hà Nội)

TT	Họ và Tên	Chức vụ, đơn vị công tác	Nhiệm vụ
1	Nguyễn Chí Thành	Hiệu Trưởng	Chủ tịch
2	Hoàng Văn Lợi	Phó Hiệu Trưởng	Phó chủ tịch
3	Dương Tử Cường	Phó Hiệu Trưởng	Thư kí
4	Dương Thị Cường	Phòng Tổ chức Hành chính	Ủy viên
5	Trần Thị Thanh Nga	Phòng Tài chính kế toán	Ủy viên
6	Nguyễn Ngọc Tuấn	Khoa Điện Cơ khí	Ủy viên
7	Bùi Thị Liên	Khoa Cơ bản kinh tế	Ủy viên
8	Trần Bình An	Phòng Quan hệ DN và TS	Ủy viên
9	Phan Thị Huệ	Giám đốc, đại diện Công ty tầm lớp kim loại INTEC Việt Nam	Ủy viên
10	Vũ Huy Trung	Giám đốc, đại diện Công ty TNHH và thương mại Huy Trung	Ủy viên
11	Nguyễn Thanh Phong	Trưởng Khoa Điện Cơ khí, Đại diện nhà giáo uy tín	Ủy viên



(Danh sách gồm có 11 người)

Phụ lục 2. Kế hoạch tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp

**BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 103/KH-CDCNHN

Hà Nội, ngày 26 tháng 4 năm 2019

KẾ HOẠCH TỰ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ HÀ NỘI NĂM 2019

Căn cứ Thông tư số 42/2011/TT-BLĐTBXH ngày 29 tháng 12 năm 2011 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về quy trình thực hiện kiểm định chất lượng dạy nghề; Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 6 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp:

Thực hiện Công văn 1845/TCĐN-KĐCL ngày 24/7/2017 Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn tự kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2017:

Nhà trường xây dựng kế hoạch triển khai công tác tự kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp năm 2019 với các nội dung sau:

I. Mục đích tự đánh giá:

- Nhằm điều chỉnh, cải tiến, nâng cao chất lượng và hiệu quả các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học trong nhà trường đáp ứng mục tiêu đào tạo đã đề ra.
- Tiến tới đăng ký việc kiểm định chất lượng nhà trường và đề nghị công nhận nhà trường đạt tiêu chuẩn chất lượng.

II. Phạm vi, công cụ, quy trình tự đánh giá:

- Đánh giá toàn diện chất lượng giáo dục nghề nghiệp Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội theo 09 tiêu chí Kiểm định chất lượng trường và 07 tiêu chí kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 6 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

- Sử dụng Bộ tiêu chí đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp trường trung cấp, cao đẳng do Bộ LĐTB&XH ban hành kèm theo Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/6/2017.

- Quy trình tự đánh giá thực hiện theo Thông tư số 42/2011/TT-BLĐTBXH ngày 29 tháng 12 năm 2011 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về quy trình thực hiện kiểm định chất lượng dạy nghề.

III. Nhiệm vụ:

1. Đối với các phòng, khoa:

- Thu thập, cung cấp các thông tin, minh chứng đầy đủ và kịp thời những văn bản liên quan đến các tiêu chí, tiêu chuẩn của phòng, khoa để làm minh chứng cho các nhóm công tác (khi có yêu cầu).

- Phối hợp với nhóm công tác chuyên trách trong việc đánh giá, xác định mức độ đạt được theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp có liên quan: phân tích, chỉ rõ các điểm mạnh, tồn tại và nguyên nhân; đề xuất kế hoạch hành động nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của từng phòng, khoa.

- Tổ chức quản lý, duy trì cơ sở dữ liệu, thông tin, minh chứng về các hoạt động của từng phòng, khoa.

- Tạo điều kiện tốt nhất cho cán bộ, nhân viên tham gia công tác kiểm định chất lượng giáo dục.

2. Đối với Hội đồng tự kiểm định và các nhóm công tác chuyên trách.

- Hội đồng tự kiểm định được thành lập theo quyết định số 42/QĐ-CĐCNHN ngày 26 tháng 4 năm 2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội. Hội đồng gồm 11 thành viên, có nhiệm vụ:

- Xây dựng kế hoạch thực hiện tự kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

- Tổ chức tập huấn, hướng dẫn các phòng, khoa, nhân viên tham gia thực hiện kế hoạch tự kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

- Viết báo cáo kết quả tự kiểm định chất lượng kèm theo các minh chứng, báo cáo hội đồng (theo các mẫu 1, 2, 3 kèm theo công văn 1845/TCĐN-KĐCL ngày 24/7/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn tự kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2017).

Ghi chú:

Báo cáo kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp được soạn thảo bằng phông chữ Time New Roman, cỡ chữ 13, Căn lề: Top 2.0 cm; Bottom 2.0 cm; Left 3.0 cm; Right 2.0 cm; giãn dòng 1.5. Các nhóm công tác chuyên trách viết báo cáo tự đánh giá chất lượng giáo dục theo mẫu và tổng hợp nộp 01 bản cứng

cho thư ký tổng hợp (qua đ/c Nguyễn Thị Hằng), bản mềm qua địa chỉ Email: hangnt.hitechgmail.com.

IV. Kế hoạch huy động các nguồn lực:

Xác định các nguồn nhân lực, cơ sở vật chất và tài chính cần huy động hoặc cung cấp cho từng hoạt động tự kiểm định, thời gian cần được cung cấp.

Các nội dung chi cơ bản như sau:

- Chi vật tư tiêu hao, văn phòng phẩm.
- Chi hội thảo, hội nghị.
- Chi lập kế hoạch, các báo cáo và các phiên họp Hội đồng
- Chi công tác thống kê, khảo sát (sinh viên, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng, cán bộ viên chức)
- Các khoản chi khác.

V. Kế hoạch thu thập thông tin ở ngoài trường (nếu cần)

Tùy tình hình thực tế, các bộ phận có nhu cầu thu thập thêm thông tin từ ngoài Trường sẽ đề xuất và xác định các thông tin cần thu thập từ bên ngoài, nguồn cung cấp, thời gian cần thu thập, kinh phí cần có.

VI. Thời gian biểu thực hiện

Thời gian thực hiện tự kiểm định dự kiến trong khoảng 3 tháng (từ 02/05/2019 ÷ 30/9/2019) theo lịch trình sau:

THỜI GIAN	CÁC HOẠT ĐỘNG	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN
Tuần 1+2 (02/5- 10/5/19)	- Xây dựng kế hoạch tự kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp - Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên trong hội đồng, dự kiến ban thư kí, nhóm công tác chuyên trách. - Phổ biến chủ trương triển khai tự kiểm định đến toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên và HSSV nhà trường (thông qua các phòng, ban, khoa, bộ môn).	- HD tự kiểm định
Tuần 3 - 9 (13/05- 28/06/19)	- Tập huấn, hướng dẫn viết báo cáo. - Thu thập thông tin và minh chứng. - Mã hoá các thông tin và minh chứng đã thu được. - Mô tả tổng hợp các thông tin và minh chứng thu được dưới dạng biểu đồ, bảng biểu. - Phân tích các kết quả thu được. - Viết báo cáo tiêu chuẩn, tiêu chí. - Dự thảo đề cương báo cáo tự đánh giá	- HD tự kiểm định - Tổ công tác chuyên trách - Các phòng, khoa - Thư ký nhóm



THỜI GIAN	CÁC HOẠT ĐỘNG	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN
Tuần 10-13 (5/8 – 31/8/19)	- Hội đồng tự đánh giá đề thảo luận các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai tự đánh giá. - Báo cáo tiến độ thực hiện viết báo cáo. - Thông qua dự thảo đề cương của báo cáo tự đánh giá. - Các nhóm công tác chuyên trách nộp báo cáo	- HD tự kiểm định - Tổ công tác chuyên trách
Tuần 14-15 (02/09 – 13/09/19)	- Hội đồng tự đánh giá góp ý dự thảo báo cáo tự đánh giá của các nhóm công tác, phòng, khoa. - Các nhóm công tác chỉnh sửa, hoàn thiện theo ý kiến hội đồng và nộp lại cho TKHD	- HD HD tự kiểm định; tổ công tác chuyên trách; Lãnh đạo các phòng, khoa.
Tuần 16-17 (16/ – 30/9/19)	- Hoàn thiện báo cáo tự đánh giá - Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng trong báo cáo. - Công bố báo cáo tự kiểm định trong cán bộ chủ chốt, tiếp tục xin ý kiến góp ý. - Hội đồng tự kiểm định thảo luận báo cáo lần cuối. - Ban thư kí hoàn thiện lần cuối. - Nộp báo cáo tự kiểm định về Bộ LĐTB&XH	- HD tự kiểm định - Thư ký hội đồng

Công tác tự kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp là nhiệm vụ chính trị, trọng tâm của Nhà trường hằng năm, là cơ sở đánh giá mức độ cũng như chất lượng hoàn thành nhiệm vụ của từng đơn vị phòng, khoa. Nhà trường yêu cầu các phòng, khoa, Hội đồng tự kiểm định nghiêm túc tổ chức thực hiện kế hoạch.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (chỉ đạo);
- HD tự đánh giá (thực hiện);
- Các phòng, khoa (thực hiện);
- Website trường;
- Lưu: VT, KT&KDCL.



TS. Hoàng Văn Lợi

DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH VÀ BAN THƯ KÝ
TỰ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
(kèm theo kế hoạch số 13/KH-CĐCNHN ngày 26 tháng 4 năm 2019)

1. Danh sách các nhóm công tác chuyên trách.

STT	Họ và tên	Chức vụ trong nhóm	Nội dung thực hiện		Ghi chú
			Tiêu chí chất lượng nhà trường	Tiêu chí chất lượng chương trình ĐT	
Nhóm 1	Hoàng Văn Thao	Trưởng nhóm	Tiêu chí 2, 4	Tiêu chí 4	
	Nguyễn Thị Hằng	Thư ký			
	Nguyễn Bằng Việt	Ủy viên			
Nhóm 2	Dương Thị Cường	Trưởng nhóm	Tiêu chí 1, 3, 5		Đ/c Trần Thúy Hà thực hiện tiêu chuẩn 13-15 tiêu chí 5
	Bùi Thị Liên	Thư ký			
	Đào Thị Vân Anh	Ủy viên			
	Trần Thị Oanh	Ủy viên			
Nhóm 3	Nguyễn Thị Hồng	Trưởng nhóm	Tiêu chí 6, 9	Tiêu chí 7	
	Trần Bình An	Ủy viên			
	Bùi Thị Thu Trang	Thư ký			
Nhóm 4	Đặng Trần Trung	Trưởng nhóm		Tiêu chí 5	
	Nguyễn Th Như Trang	Thư ký			
	Nguyễn Thị Tâm	Ủy viên			
Nhóm 5	Nguyễn Thanh Phong	Trưởng nhóm		Tiêu chí 2, 3	
	Nguyễn Ngọc Tuấn	Ủy viên			
	Trương Thị Hoa	Thư ký			
Nhóm 6	Nguyễn Hữu Thành	Trưởng nhóm	Tiêu chí 8	Tiêu chí 6	
	Trần Thúy Hà	Ủy viên			
	Phạm Thị Hương	Thư ký			
Nhóm 7	Phan Thị Nga	Trưởng nhóm	Tiêu chí 7	Tiêu chí 1	
	Nguyễn Thị Phương	Thư ký			
	Đinh Thị Kim Tuyền	Ủy viên			

2. Danh sách Ban thư ký

TT	Họ tên	Đơn vị	Nhiệm vụ	Ghi chú
1	Hoàng Văn Thao	P. Đào tạo	Trưởng Ban thư ký	
2	Nguyễn Thị Hằng		Thư ký tổng hợp	
3	Nguyễn Thị Hồng	P. QHDN&TS	Ủy viên	
4	Phạm Thị Hương	Kh. CB-KT	Ủy viên	
5	Nguyễn Thị Như Trang	Kh. CNTT	Ủy viên	
6	Nguyễn Thị Phương	P. TC-KT	Ủy viên	

Phụ lục 3. Bảng mã minh chứng

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên Minh chứng
1	1	1	1.1.01		Đề án thành lập trường, Tháng 3/2007 QĐ vv thành lập trường CĐCNHN, Số 3997/QĐ-BGDĐT ngày 3/8/2007
2			1.1.02		Điều lệ trường cao đẳng Công nghệ Hà Nội
3			1.1.03		QĐ số 12/2018/QĐ-HĐTV ngày 19/7/2018 ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của Trường CĐ CNHN
4			1.1.04		TB VV viết bài, cung cấp thông tin đăng lên trang cổng thông tin điện tử Trường CĐCNHN, Số 57/TB-CĐCNHN ngày 20/3/2018 Địa chỉ WEB và QĐ 68 ngày 15/3/2019 về việc thành lập Ban quản trị cổng thông tin điện tử năm 2019
5	1	2	1.2.01		Các thông tin tuyển dụng của các đơn vị (PMC, Nissan, CTY truyền thông cánh đồng vàng, tập đoàn Sơn Hà, Trường Thành, Cty TNHH HANHA,...
6	1	3		1.1.03	QĐ số 12/2018/QĐ-HĐTV ngày 19/7/2018 ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của Trường CĐ CNHN
7			1.3.01		QĐ số 159/QĐ-CĐCNHN ngày 02/08/2017 về Quy chế đào tạo hình thức tín chỉ của trường CĐCNHN
8			1.3.02		Quy chế HSSV Trường cđ CNHN (ban hành căn cứ TT 17/2017/TT-BLĐTBXH ngày 30/6/2017) -Sổ tay HSSV

9			1.3.03		QĐ số 247/2018-QĐ-CĐCNHN về Quy chế chi tiêu nội bộ
10			1.3.04		QĐ số 250/QĐ-CĐCNHN ngày 01/11/2018 ban hành Quy chế thi đua khen thưởng
11			1.3.05		QĐ số 308/QĐ-CĐCNHN ngày 26/12/2017 về quy định nội bộ chế độ của giáo viên
12			1.3.06		QĐ số 13/2018/QĐ-HĐTV về quy chế tài chính trường CĐ Công nghệ HN, có đề cập nội dung trên
13				1.3.02	Quy chế HSSV Trường CĐ CNHN (ban hành căn cứ TT 17/2017/TT-BLĐTBXH ngày 30/6/2017) -Sổ tay HSSV
14	1	4	1.4.01		BC thống kê về các văn bản điều chỉnh liên quan tới tiền lương và thu nhập của CBGV 2017, 2018
15	1	5	1.5.01		Có các QĐ thành lập các phòng khoa (hơn 10 QĐ)
16			1.5.02		Quy định chức năng nhiệm vụ các đơn vị
17			1.5.03		Báo cáo hàng năm về công tác ĐT 2017, 2018, 2019, các hoạt động của các đơn vị
18	1	6	1.6.01		QĐ số 320/QĐ-TCDN ngày 16/6/2017 về việc thành lập HĐQT trường CĐCNHN nhiệm kỳ 2017-2022
19			1.6.02		Nghị quyết số 10/2018-NQ HĐQT ngày 19/7/2018 Nghị quyết số 08/2019-NQ-HĐTV ngày 16/01/2019
20			1.6.03		Các báo cáo HĐTV và kế hoạch hoạt động các năm 2017,2018,2019
21			1.6.04		QĐ số 45/QĐ-CĐCNHN ngày 06/3/2018 vv thành lập Hội đồng Khoa học-Đào tạo năm 2018-2019

22			1.6.05		Hợp đồng thuê chuyên gia cố vấn, 144b/2017/HĐCG-CĐCNHN ngày 1/7/2017
23			1.6.06		QĐ số 47 /QĐ-CĐCNHN về thành lập HĐ thi đua khen thưởng ngày 28/02/2019
24				1.5.02	QĐ chức năng nhiệm vụ của các đơn vị thuộc Trường CĐCNHN (kèm theo Quy chế Tổ chức hoạt động của Nhà trường 19/07/2018)
25	1	7	1.7.01		Ko có
26	1	8	1.8.01		QĐ thành lập Hội đồng tự đánh giá
27			1.8.02		BC tự đánh giá 2014
28	1	9	1.9.01		QĐ số 50-QĐ/ĐU ngày 18/10/2017 về việc chuẩn y Cấp ủy chi bộ QĐ số 21-QĐ/ĐU ngày 11/7/2019 về chỉ định các đồng chí tham gia chi ủy chi bộ (2017-2020)
29			1.9.02		Nghị quyết lãnh đạo 6 tháng cuối năm 2019 ngày 14/5/2019
30	1	10	1.10.01		Kế hoạch Hoạt động BCH Công đoàn 2018, 2019
31			1.10.02		Báo cáo tổng kết hoạt động Phong trào công đoàn 2011-2018, 2018-2019
32			1.10.03		QĐ số 30/QĐ-ĐKCNHN về việc kiện quản BCH Đoàn TNCS HCM trường CĐ Công nghệ HN ngày 23/4/2018
					QĐ Ban hành Quy định nhiệm vụ của Phòng, Khoa, Đoàn TNCSHCM, GVCN,GV giảng dạy đối với công tác chủ nhiệm lớp , QĐ số 429/QĐ-CĐCNHN ngày 25/12/2013
33			1.10.04		QĐ khen thưởng cho CB, GV, NV đạt danh hiệu Thi đua các năm 2017, 2018, 2019

34					QĐ khen thưởng cho sv có hoạt động Đoàn xuất sắc năm học 2017-2018 (DS kèm theo), Số 226/QĐ-CĐCNHN ngày 05/10/2018
35			1.10.05		Kế hoạch công tác Đoàn và phong trào thanh niên năm 2018-2019
					Chương trình áo ấm mùa đông 2018 -2019 triển khai ngày 25/12/2018
36	1	11	1.11.01		Biên bản làm việc Ban kiểm soát ngày 12/7/2017; 24/01/2018, 24/04/2018; 17/7/2018;22/10/2018; 10/01/2019
37	1	12	1.12.01		Các Quyết định cấp học bổng khuyến khích, khen thưởng SV đạt thành tích trong học tập
38			1.12.02		Kế hoạch học tập đầu khóa
40			2.1.01		Giấy chứng nhận đăng ký HD giáo dục nghề nghiệp số 108/2018/GCNDKKHĐ-TCGDNN ngày 28 tháng 11 năm 2018 (bao gồm các ngành nghề đào tạo)
41	2	1	2.1.02		QĐ số 162/QĐ-CĐCNHN ngày 8/8/2017 về ban hành chương trình đào tạo CĐ chính quy từ khóa TS 2017 QĐ số 136/QĐ-CĐCNHN ngày 28/6/2018 về ban hành chương trình đào tạo trung cấp QĐ số 137b/QĐ-CĐCNHN ngày 28/6/2018 về ban hành chương trình đào tạo trình độ sơ cấp QĐ số 285/QĐ-CĐCNHN ngày 13/12/2018 về ban hành chương trình đào tạo trình độ cao đẳng liên thông QĐ số 199/QĐ-CĐCNHN ngày 06/11/2019 về việc sửa đổi các Khung chương trình đào tạo từ khóa tuyển sinh 2019

42	2	2	2.2.01	QĐ số 164/QĐ-CĐCNHN ngày 10/8/2017 về Ban hành Quy chế Tuyển sinh trường CĐCNHN năm 2017 QĐ số 294/QĐ-CĐCNHN ngày 18/12/2018 về Ban hành Quy chế Tuyển sinh trường CĐCNHN năm 2019
43	2	3	2.1.01	Giấy chứng nhận đăng ký HD giáo dục nghề nghiệp số 108/2018/GCNĐKHĐ- TCGDNN ngày 28 tháng 7 năm 2017 Giấy chứng nhận đăng ký HD giáo dục nghề nghiệp số 108/2018/GCNĐKHĐ- TCGDNN ngày 28 tháng 11 năm 2018
44			2.3.01	QĐ ngày 30/6/2017 về thành lập HD tuyển sinh 2017 QĐ số 151/QĐ ngày 31/7/2018 về thành lập HD tuyển sinh 2018 QĐ số 28/QĐ-CĐCNHN ngày 01/2/2019 về thành lập HD tuyển sinh 2019
45			2.3.02	KHTS-CĐCNHN ngày 15 tháng 5 năm 2017 KH số 321/KHTS-CĐCNHN ngày 27/12/2017 KH số 293/KHTS-CĐCNHN ngày 18/12/2018
46			2.3.03	Thông báo tuyển sinh 2017, 2018, 2019
47			2.3.04	BC ngày 12/ 10/ 2017 về công tác TS năm 2017 BC số 59/BC-CĐCNHN ngày 30/07/2018 về Công tác TS và giải quyết việc làm năm 2018
48	2	4	2.4.01	Phiếu khảo sát về nhu cầu của người học về phương thức đào tạo của khóa học
49			2.1.01	Giấy chứng nhận đăng ký HD giáo dục nghề nghiệp số 108/2018/GCNĐKHĐ- TCGDNN ngày 28 tháng 11 năm 2018

				(bao gồm các ngành nghề đào tạo)
50			2.4.02	HĐ số 161/HĐLK/2018 ngày 07/08/2018 về liên kết đào tạo lớp Oto k12 HĐ số 169A/HĐLK/2019 ngày 06/08/2019 về liên kết đào tạo lớp Oto k15.3 HĐ 01/HDĐT-HITECH-Molex ngày 26/2/2019 đào tạo lớp sơ cấp HĐ số 176/HDĐT-CĐCNHN ngày 26/8/2019 đào tạo lớp liên kết Tin 10 THPT Việt Hoàng
51			2.4.03	Tổ chức hoạt động lớp LT K4, K5: QĐ số 50b/QĐ-CĐCHN ngày 01/3/2109 thành lập lớp CĐLT K5 Kế hoạch tổ chức đào tạo LT K5 QĐ 191/QĐ-CĐCNHN ngày 25/9/2019 công nhận tốt nghiệp CĐ LT K5
52	2	5	2.1.02	QĐ số 162/QĐ-CĐCNHN ngày 8/8/2017 về ban hành chương trình đào tạo CĐ chính quy từ khóa TS 2017 QĐ số 136/QĐ-CĐCNHN ngày 28/6/2018 về ban hành chương trình đào tạo trung cấp QĐ số 137b/QĐ-CĐCNHN ngày 28/6/2018 về ban hành chương trình đào tạo trình độ sơ cấp QĐ số 285/QĐ-CĐCNHN ngày 13/12/2018 về ban hành chương trình đào tạo trình độ cao đẳng liên thông QĐ số 199/QĐ-CĐCNHN ngày 06/11/2019 về việc sửa đổi các Khung chương trình đào tạo từ khóa tuyển sinh 2019
52			2.5.01	Tiến độ đào tạo, kế hoạch năm học 2017-2018, 2018-2019,

53			2.5.02	Ban hành Kế hoạch đào tạo, thời khóa biểu, phân công giáo viên các hệ đào tạo CĐ, TC, các năm học 2017-2018, 2018-2019,
54	2	6	2.5.02	Ban hành Kế hoạch đào tạo, thời khóa biểu, phân công giáo viên các hệ đào tạo CĐ, TC, các năm học 2017-2018, 2018-2019,
55			2.6.01	TB số 292/TB-CĐCNHN ngày 17/12/2018 về công tác chuẩn bị giảng dạy học kỳ 2 năm 2018-2019; TB số 111/TB-CĐCHNHN về việc nộp hồ sơ giảng dạy ngày 08/5/2019 TB số 215/TB-CĐCNHN ngày 28/9/2018 VV nộp đề cương bài giảng môn học
56			2.6.02	Sổ tay giáo viên, Giáo an, LGD, ... Báo cáo kết quả kiểm tra, hồ sơ giáo viên năm 2017-2018; 2018-2019
57			2.6.03	Bảng kế hoạch GV năm 2017-2018; 2018-2019, 2019-2020
58	2	7	2.5.02	Ban hành Kế hoạch đào tạo, thời khóa biểu, phân công giáo viên các hệ đào tạo CĐ, TC, các năm học 2017-2018, 2018-2019,
59			2.7.01	-Hợp đồng 0109/2018/MP-VCNSH ngày 27/8/2018 về thực tập trải nghiệm của HS-SV -Biên bản thỏa thuận về chương trình "Tổ chức học tập và trải nghiệm công việc thực tế của SV trường CĐCNHN tại Công ty TNHH Brother VN ngày 20/08/2019
60			2.7.02	QĐ số 45 ngày 22/02/2019 cho SV CNTT, KT K10 thực tập tốt nghiệp QĐ số 39 ngày 18/2/2019 cho SV ngành CK K10 đi thực tập tốt nghiệp

					QĐ 169 ngày 10/7/2019 cho SV CĐ LT K5 đi thực tập tốt nghiệp QĐ 180 ngày 04/09/2019 cho SV Điện, điện tử K11 đi thực tập tốt nghiệp QĐ 185 ngày 16/9/2019 cho SV CK, Tin, Kt K11 đi thực tập tốt nghiệp
61			2.7.03		- Danh sách phân công GV hướng dẫn thực tập TN của các Khoa, BM.
62			2.7.04		- Danh sách phân công SV thực tập TN tại các đơn vị sản xuất của các Khoa, BM.
63			2.7.05		-Báo cáo TTTN của sinh viên các khóa, các Khoa
64				2.5.02	Ban hành Kế hoạch đào tạo, thời khóa biểu, phân công giáo viên các hệ đào tạo CĐ, TC, các năm học 2017-2018, 2018-2019,
65			2.8.01		Thông báo số của Hiệu trưởng trường CĐCD về việc lập kế hoạch nhu cầu mua sắm máy móc, thiết bị dạy học cho các ngành, nghề mới và vật tư VPP phục vụ chuyên môn năm học 2018-2019 (các biên bản giao ban)
66	2	8	2.8.02		TB 215 ngày 28/9/2018 về việc nộp đề cương bài giảng TB số 111 ngày 08/5/2019 về việc nộp hồ sơ giảng dạy
67			2.8.03		- TB vv đăng ký đi học bồi dưỡng sư phạm nghề. '-TB vv kế hoạch bồi dưỡng về đào tạo tin chỉ biên soạn giáo án và tổ chức dạy tích hợp, tổ chức đánh giá theo năng lực thực hiện, 30/TB-CĐCNHN ngày 31/1/2018
68			2.8.04		Các biên bản dự giờ chuyên môn của các Khoa/ BM

69	2	9	2.9.01		- Bảng kê công thông tin Điện tử Trường sử dụng từ 1/8/2019 (3 phần mềm quản lý Đào tạo) - Bảng kê Các phần mềm dùng trong khoa CNTT (ngày 1/1/2019 người ký: Nguyễn Thị Như Trang) - Các phần mềm mô phỏng tài liệu giảng dạy sử dụng phần mềm Khoa Điện, cơ khí
70			2.9.02		Phô to giáo án mẫu
71	2	10		1.3.01	QĐ 159/QĐ-CĐCNHN ngày 02/08/2017 về quy chế đào tạo tín chỉ Quy chế Giáo viên chủ nhiệm
72				2.5.02	Ban hành Kế hoạch đào tạo, thời khóa biểu, phân công giáo viên các hệ đào tạo CĐ, TC, các năm học 2017-2018, 2018-2019,
73			2.10.01		Báo cáo về công tác thanh kiểm tra hồ sơ, thực hiện nề nếp dạy và học 2018, 2019
74	2	11		2.6.01	Thông báo về kiểm tra nề nếp dạy học, Thực hiện quy chế chuyên môn
75	2	12		1.3.02	Sổ tay sinh viên, quy chế HSSV
76	2	13		2.5.02	Ban hành Kế hoạch đào tạo, thời khóa biểu, phân công giáo viên các hệ đào tạo CĐ, TC, các năm học 2017-2018, 2018-2019,
77				2.7.02	QĐ số 45 ngày 22/02/2019 cho SV CNTT, KT K10 thực tập tốt nghiệp QĐ số 39 ngày 18/2/2019 cho SV ngành CK K10 đi thực tập tốt nghiệp QĐ 169 ngày 10/7/2019 cho SV CĐ LT K5 đi thực tập tốt nghiệp QĐ 180 ngày 04/09/2019 cho SV Điện, điện tử K11 đi thực tập tốt nghiệp QĐ 185 ngày 16/9/2019 cho SV CK, Tin,

					Kt K11 đi thực tập tốt nghiệp
78			2.10.01		QĐ 159/QĐ-CĐCNHN ngày 02/08/2017 về quy chế đào tạo tín chỉ
79			2.14.01		QĐ 104 ngày 17/5/2017 ; QĐ 107 ngày 22/5/2018; QĐ 132 ngày 21/5/2019 về việc thành lập Hội đồng chấm thi, bảo vệ ĐA/KLTN của sinh viên các K8,9,10 QĐ 94 ngày 10/5/2017; QĐ 117 ngày 7/6/2018; QĐ số 125 ngày 15/5/2019 về việc thành lập HĐ xét tốt nghiệp CĐ K8,9,10
80	2	14	2.14.02		QĐ 138 ngày 29/9/2017 công nhận Tốt nghiệp CĐ K8 QĐ 134. 131; 130 ngày 26/6/2019 công nhận TN cho SV CĐ K9, TC K10, Lt K4; QĐ 158 ngày 26/6/2019 công nhận TN cho SV K10; QĐ 191 ngày 25.9.2019 công nhận Tn cho SV LTK5
81			1.5.03		- BC công tác hđ năm 2016, phương hướng 2017, 39/BC-CĐCNHN ngày 14/2/2017 -BC tổng kết năm 2016-2017 và phương hướng 2017-2018, 65/BC-CĐCNHN ngày 15/9/2017 -BC công tác hđ 2018 và kế hoạch 2019, 123/BC-CĐCNHN ngày 18/12/2018 -BC HĐ quản trị quý 2 năm 2018 về hđ của nhà trường ; số 52/2018 ngày 18/7/2018
82	2	15	2.15.01		Biên bản họp xét Tốt nghiệp
83	2	16	2.16.01		QĐ 285 ngày 13/12/2018 về ban hành

				chương trình đào tạo liên thông kèm chương trình
84			2.16.02	Báo cáo kết quả đào tạo liên thông 2017-2018; 2018-2019
85	2	17	2.17.01	Danh mục các phần mềm quản lý đào tạo từ 1/8/2019
86			3.1.01	QĐ số 287 ngày 7/12/2017 V/v quy định chuẩn chuyên môn nghiệp vụ giáo viên,
87				- TB vv đăng ký đi học bồi dưỡng sư phạm nghề.
				-TB vv kế hoạch bồi dưỡng về đào tạo tin chỉ biên soạn giáo án và tổ chức dạy tích hợp, tổ chức đánh giá theo năng lực thực hiện, 30/TB-CĐCNHN ngày 31/1/2018; 269/TB-CĐCNHN ngày 27/11/2018
				QĐ vv cử CB,GV đi học lớp bồi dưỡng nâng cao kỹ năng nghề CNTT, 231/QĐ-CĐCNHN ngày 09/10/2017
				QĐ vv cử CB đi học lớp tiếng Nhật Bản đối với v hệ QHQT-CDDK11 (2017-2020), 232/QĐ-CĐCNHN ngày 09/10/2017
				QĐ vv cử cán bộ tham dự khóa đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghề hàn do sở LĐT&XH tổ chức, 260/QĐ-CĐCNHN ngày 12/11/2018
				QĐ vv cử CB,GV tham dự khóa học Digital Masterclass , 274/QĐ-CĐCNHN ngày 03/12/2018
				QĐ vv thành lập lớp bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm đối với cán bộ giáo viên 2018, 270/QĐ-CĐCNHN ngày 29/11/2018
				QĐ vv cử cán tham gia tập huấn "Bồi dưỡng kiến thức cơ bản về đảm bảo an

				toàn chất lượng bên trong cơ sở giáo dục NN", 162/QĐ-CĐCNHN ngày 28/6/2019
				QĐ số 71 ngày 10/4/2017 vv việc cử cán bộ đi học lớp Bồi dưỡng kiến thức QPAN cho cán bộ đối tượng 3 trên địa bàn thành phố HN 2017
				CV cử cô Vũ Thị Thu Thảo tham gia lớp Tập huấn lý luận Chính trị các năm 2017,2018,2019
				Hình ảnh tham gia học tập và tập huấn
88			3.1.03	QĐ ban hành quy chế tuyển dụng lao động , 523/QĐ-HT ngày 21/12/2009
89			3.1.04	Phiếu yêu cầu tuyển dụng GV ngành Điện, cơ khí 2018 '-TB tuyển dụng giảng viên tiếng nhật, 05/03/2019 241/TBTD/HITECH/2017 ngày 18/10/2017
90	3	2	3.1.04	Phiếu yêu cầu tuyển dụng GV ngành Điện, cơ khí 2018 '-TB tuyển dụng giảng viên tiếng nhật, 05/03/2019 241/TBTD/HITECH/2017 ngày 18/10/2017
91			3.1.02	Các QĐ cử đi học, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ hàng năm
92	3	2	3.2.01	QĐ số 04 ngày 4/1/2019; Số 10 ngày 25/2/2019 về Bổ nhiệm HT, HP Tb số 56 ngày 06/3/2019 về việc phân công nhiệm vụ Ban giám hiệu của trường CĐ Công nghệ HN Giấy ủy quyền số 57 ngày 6/3/2019
93			3.2.02	TB v/v đánh giá, xếp loại chuyên môn, nv của nhà giáo 2018-2019, 214/TB-

					CĐCNHN ngày 28/9/2018
94			3.2.03		-BC kết quả đánh giá, xếp loại nhà giáo về chuyên môn, nghiệp vụ 2018-2019, 102/BC-CĐCNHN ngày 2/11/2018 - BC số 39 ngày 09/07/2019 về kết quả đánh giá, xếp loại nhà giáo về chuyên môn nghiệp vụ 2018-2019
95			3.3.01		Luật GD NN số 74/2014/QH của Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam
96	3	3	3.3.02		Thông tư 08/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10/03/2017
97				1.1.03	QĐ số 12/2018/QĐ-HĐTV ngày 19/7/2018 ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của Trường CĐ CNHN
98	3	4		1.1.03	QĐ số 12/2018/QĐ-HĐTV ngày 19/7/2018 ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của Trường CĐ CNHN
99				1.3.05	QĐ số 308/QĐ-CĐCNHN ngày 26/12/2017 về quy định nội bộ chế độ của giáo viên
100				1.1.03	QĐ số 12/2018/QĐ-HĐTV ngày 19/7/2018 ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của Trường CĐ CNHN
101	3	5		1.3.05	QĐ số 308/QĐ-CĐCNHN ngày 26/12/2017 về quy định nội bộ chế độ của giáo viên
102			3.5.01		Bảng tỷ lệ số người học/giáo viên
103			3.5.02		Tổng hợp khối lượng công việc của giáo viên toàn trường 2017-2019
104				2.5.01	Tiến độ đào tạo, kế hoạch năm học 2017-2018, 2018-2019,
105	3	6		2.5.02	Ban hành Kế hoạch đào tạo, thời khóa biểu, phân công giáo viên các hệ đào tạo CĐ, TC, các năm học 2017-2018, 2018-

					2019,
106				2.6.01	TB số 292/TB-CĐCNHN ngày 17/12/2018 về công tác chuẩn bị giảng dạy học kỳ 2 năm 2018-2019; TB số 111/TB-CĐCHNHN về việc nộp hồ sơ giảng dạy ngày 08/5/2019 TB số 215/TB-CĐCNHN ngày 28/9/2018 VV nộp đề cương bài giảng môn học
107				3.1.03	QĐ ban hành quy chế tuyển dụng lao động , 523/QĐ-HT ngày 21/12/2009
108	3	7		3.1.04	Phiếu yêu cầu tuyển dụng GV ngành Điện, cơ khí 2018 '-TB tuyển dụng giảng viên tiếng nhật, 05/03/2019 241/TBTD/HITECH/2017 ngày 18/10/2017
109				3.1.02	Các QĐ cử đi học, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ hàng năm
110				3.1.02	Các QĐ cử đi học, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ hàng năm
112	3	8	3.8.01		QĐ 183 ngày 20/08/2018 Thành lập Hội đồng Giám khảo thi GV dạy giỏi QĐ 187 ngày 17/8/2018 KH thi GV dạy giỏi cấp trường KH số 244/KH-CĐCHN báo cáo hội giảng cấp Khoa, kế hoạch Hội giảng cấp trường BC số 264 ngày 15/11/2018 tổng kết Hội giảng cấp trường
113	3	9		3.1.02	Các QĐ cử đi học, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ hàng năm
114	3	10	3.10.01		Tổng hợp tình hình công tác năm 2018

115				3.8.01	QĐ 183 ngày 20/08/2018 Thành lập Hội đồng Giám khảo thi GV dạy giỏi QĐ 187 ngày 17/8/2018 KH thi GV dạy giỏi cấp trường KH số 244/KH-CĐCHN báo cáo hội giảng cấp Khoa, kế hoạch Hội giảng cấp trường BC số 264 ngày 15/11/2018 tổng kết Hội giảng cấp trường
116			3.10.02		QĐ số 265 ngày 16/11/2018 về việc khen thưởng GV dạy giỏi năm học 2018-2019
117	3	11	3.11.01		Lý lịch cá nhân của Hiệu trưởng, Hiệu phó
118				3.3.01	Luật GD NN số 74/2014/QH của Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam
119				3.3.02	Thông tư 08/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10/03/2017
120				3.2.01	QĐ số 04 ngày 4/1/2019; Số 10 ngày 25/2/2019 về Bổ nhiệm HT, HP Tb số 56 ngày 06/3/2019 về việc phân công nhiệm vụ Ban giám hiệu của trường CĐ Công nghệ HN Giấy ủy quyền số 57 ngày 6/3/2019
121	3	12	3.12.01		Các QĐ bổ nhiệm, bãi nhiệm 2017-2019
122	3	13		3.12.01	Các QĐ bổ nhiệm, bãi nhiệm 2017-2019
123				3.3.02	Thông tư 08/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10/03/2017
124				1.1.03	QĐ số 12/2018/QĐ-HĐTV ngày 19/7/2018 ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của Trường CĐ CNHN
125	3	14	3.14.01		Danh sách cán bộ, giảng viên cơ hữu, 2017,2018,2019
126				3.12.01	Các QĐ bổ nhiệm 2017-2019
127	3	15		3.14.01	Danh sách cán bộ, giảng viên cơ hữu, 2017,2018,2019
128				3.1.02	Các QĐ cử đi học, bồi dưỡng chuyên môn

					ng nghiệp vụ hàng năm
129	4	1		2.1.02	QĐ số 162/QĐ-CĐCNHN ngày 8/8/2017 về ban hành chương trình đào tạo CĐ chính quy từ khóa TS 2017 QĐ số 136/QĐ-CĐCNHN ngày 28/6/2018 về ban hành chương trình đào tạo trung cấp QĐ số 137b/QĐ-CĐCNHN ngày 28/6/2018 về ban hành chương trình đào tạo trình độ sơ cấp QĐ số 285/QĐ-CĐCNHN ngày 13/12/2018 về ban hành chương trình đào tạo trình độ cao đẳng liên thông QĐ số 199/QĐ-CĐCNHN ngày 06/11/2019 về việc sửa đổi các Khung chương trình đào tạo từ khóa tuyển sinh 2019
130				2.5.02	Ban hành Kế hoạch đào tạo, thời khóa biểu, phân công giáo viên các hệ đào tạo CĐ, TC, các năm học 2017-2018, 2018-2019,
131	4	2	4.2.01		TB 54 ngày 20/3/2017 về xây dựng chương trình đào tạo các ngành nghề TB 83 ngày 21/4/2017 về xây dựng chương trình đào tạo các ngành nghề
132				2.1.02	QĐ số 162/QĐ-CĐCNHN ngày 8/8/2017 về ban hành chương trình đào tạo CĐ chính quy từ khóa TS 2017 QĐ số 136/QĐ-CĐCNHN ngày 28/6/2018 về ban hành chương trình đào tạo trung cấp QĐ số 137b/QĐ-CĐCNHN ngày 28/6/2018 về ban hành chương trình đào tạo trình độ sơ cấp QĐ số 285/QĐ-CĐCNHN ngày 13/12/2018 về ban hành chương trình đào tạo trình độ cao đẳng liên thông

					QĐ số 199/QĐ-CĐCNHN ngày 06/11/2019 về việc sửa đổi các Khung chương trình đào tạo từ khóa tuyển sinh 2019
133	4	3		2.1.02	QĐ số 162/QĐ-CĐCNHN ngày 8/8/2017 về ban hành chương trình đào tạo CĐ chính quy từ khóa TS 2017 QĐ số 136/QĐ-CĐCNHN ngày 28/6/2018 về ban hành chương trình đào tạo trung cấp QĐ số 137b/QĐ-CĐCNHN ngày 28/6/2018 về ban hành chương trình đào tạo trình độ sơ cấp QĐ số 285/QĐ-CĐCNHN ngày 13/12/2018 về ban hành chương trình đào tạo trình độ cao đẳng liên thông QĐ số 199/QĐ-CĐCNHN ngày 06/11/2019 về việc sửa đổi các Khung chương trình đào tạo từ khóa tuyển sinh 2019
134	4	4			Ko có MC
135	4	5	4.5.01		Phiếu lấy ý kiến của SV về chương trình ĐT
136	4	6		2.1.02	QĐ số 162/QĐ-CĐCNHN ngày 8/8/2017 về ban hành chương trình đào tạo CĐ chính quy từ khóa TS 2017 QĐ số 136/QĐ-CĐCNHN ngày 28/6/2018 về ban hành chương trình đào tạo trung cấp QĐ số 137b/QĐ-CĐCNHN ngày 28/6/2018 về ban hành chương trình đào tạo trình độ sơ cấp QĐ số 285/QĐ-CĐCNHN ngày

					13/12/2018 về ban hành chương trình đào tạo trình độ cao đẳng liên thông QĐ số 199/QĐ-CĐCNHN ngày 06/11/2019 về việc sửa đổi các Khung chương trình đào tạo từ khóa tuyển sinh 2019
137			4.7.01		TB 108 /TB-HT ngày 30/5/2017 về việc điều chỉnh chương trình đào tạo trình độ cao đẳng QĐ số 102/QĐ-CĐCNHN ngày 15/5/2018 về việc điều chỉnh chương trình đào tạo trình độ cao đẳng
138	4	8		2.1.02	QĐ số 162/QĐ-CĐCNHN ngày 8/8/2017 về ban hành chương trình đào tạo CĐ chính quy từ khóa TS 2017 QĐ số 136/QĐ-CĐCNHN ngày 28/6/2018 về ban hành chương trình đào tạo trung cấp QĐ số 137b/QĐ-CĐCNHN ngày 28/6/2018 về ban hành chương trình đào tạo trình độ sơ cấp QĐ số 285/QĐ-CĐCNHN ngày 13/12/2018 về ban hành chương trình đào tạo trình độ cao đẳng liên thông QĐ số 199/QĐ-CĐCNHN ngày 06/11/2019 về việc sửa đổi các Khung chương trình đào tạo từ khóa tuyển sinh 2019
140				2.1.02	QĐ số 285/QĐ-CĐCNHN ngày 13/12/2018 về ban hành chương trình đào tạo trình độ cao đẳng liên thông
141	4	9	2.9.01		QĐ tiếp nhận SV vào học hệ liên thông được công nhận và miễn giảm một số môn đã có điểm ở trình độ thấp hơn theo quy định

142				2.1.02	Các QĐ ban hành chương trình đào tạo
143	4	10	4.10.01		Danh mục tài liệu, giáo trình phục vụ giảng dạy và học tập các ngành đào tạo của nhà trường
144	4	11		4.10.01	Danh mục tài liệu, giáo trình phục vụ giảng dạy và học tập các ngành đào tạo của nhà trường
145				2.1.02	Các QĐ ban hành chương trình đào tạo
146	4	12		2.1.02	Các QĐ ban hành chương trình đào tạo
147	4	13		2.1.02	Các QĐ ban hành chương trình đào tạo
148	4	14		4.5.01	Phiếu lấy ý kiến của SV về chương trình ĐT
	4	15			Không có MC
149	5	1	5.1.01		Hợp đồng thuê đất, 29-97/ĐC-HĐTĐTN
150			5.1.02		HĐ thuê mặt bằng, 08/HEM-HITECH ngày 02/01/2013
151			5.1.03		Tờ trình về việc làm đường nước sạch, 93/2017/TTr-HT ngày 8/11/2017
152			5.1.04		CV xin cấp nước sạch gửi cty nước sạch HN, 90/CV-CĐCNHN ngày 07/11/2017
153		2	5.2.01		Diện tích sử dụng nhà trường
154		3	5.3.01		Hình ảnh phòng máy tính khoa CNTT, phòng thực hành khoa Điện, CK
155			5.3.02		Sổ tài sản máy chiếu tại các phòng lý thuyết,
156			5.3.03		Quy định chung của canteen nhà trường, 253/QĐ-TC ngày 06/11/2017
157		4		5.1.03	Tờ trình về việc làm đường nước sạch, 93/2017/TTr-HT ngày 8/11/2017
158				5.1.04	CV xin cấp nước sạch gửi cty nước sạch HN, 90/CV-CĐCNHN ngày 07/11/2017
159			5.4.01		QĐ thành lập Ban chỉ huy và lực lượng PCCC, năm 2017, 2019
160			5.4.02		BB kiểm tra về PCCC, cứu nạn, cứu hộ,

					ngày 21/03/2019
161			5.4.03		BC công tác PCCC năm 2017, 2018
162		5	5.5.01		Bảng thống kê diện tích, số lượng phòng học, phòng TN
163		5	5.5.02		Sổ tài sản máy chiếu tại các phòng lý thuyết, 2019; Kiểm kê phòng máy tính của khoa cntt sử dụng, tháng 6/2019
					Hệ thống máy tính kết nối internet
					Sổ tài sản xưởng nguội, Xưởng gia công cơ khí, 2019;
164		6	5.6.01		Nội quy phòng máy tính, quy trình đăng ký sd phòng máy, p.thực hành; Nội quy xưởng thực hành khoa Điện cơ khí
165		7	5.7.01		Sổ, nhật kí ghi chép sử dụng phòng máy của khoa CNTT, khoa Điện cơ khí năm 2018, 2019
166				5.6.01	Nội quy phòng máy tính, quy trình đăng ký sd phòng máy, p.thực hành; Nội quy xưởng thực hành khoa Điện cơ khí
167		8		5.5.02	Sổ tài sản máy chiếu tại các phòng lý thuyết, 2019; Kiểm kê phòng máy tính của khoa cntt sử dụng, tháng 6/2019
168			5.8.01		Bảng tổng Hợp tình trạng phòng thực hành, máy tính khoa điện, khoa tin
169			5.8.02		Phiếu kiểm kê tài sản các phòng, khoa,
170			5.8.03		Bảng tổng hợp tài sản các phòng, khoa, ngày 30/06/2019
171		9	5.9.01		Tài liệu đánh giá việc sử dụng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị hàng năm, tháng 1/2017 Khoa Điện, cơ khí
172				5.6.01	Nội quy phòng máy tính, quy trình đăng ký sd phòng máy, p.thực hành; Nội quy xưởng thực hành khoa Điện cơ khí
173		10		5.9.01	Tài liệu đánh giá việc sử dụng, quản lý,

					bảo trì, bảo dưỡng thiết bị hàng năm, tháng 1/2017 Khoa Điện, cơ khí
174				5.6.01	Nội quy phòng máy tính, quy trình đăng ký sd phòng máy, p.thực hành; Nội quy xưởng thực hành khoa Điện cơ khí
175		11		5.9.01	Tài liệu đánh giá việc sử dụng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị hàng năm, tháng 1/2017 Khoa Điện, cơ khí
176				5.6.01	Nội quy phòng máy tính, quy trình đăng ký sd phòng máy, p.thực hành; Nội quy xưởng thực hành khoa Điện cơ khí
177		12	5.12.01		Đề nghị mua sắm trang thiết bị hàng năm khoa Điện cơ khí, khoa CNTT năm 2017, 2018, 2019
178		13	5.13.01		Nội quy, quy chế hoạt động của thư viện, 2009
179			5.13.02		Danh mục tài liệu tham khảo, đề cương bài giảng phục vụ dạy và học khoa CNTT, Điện cơ khí.
180				4.10.01	Danh mục giáo trình kiểm kê hàng năm
181		14	5.14.01		Tham gia khảo sát hiện trạng, nhu cầu thư viện của HH các trường ĐH, CĐ Việt Nam (8/2018)
182			5.14.02		Thông báo mua bổ sung giáo trình, tài liệu phục vụ dạy và học, 2018
183		15		5.13.01	Nội quy, quy chế hoạt động của thư viện, 2009
184				4.10.01	Danh mục giáo trình kiểm kê hàng năm
185	6	1		1.3.04	Quy chế chi tiêu nội bộ của Hitech 2018
186			6.1.01		Điều 10, quy chế chi tiêu nội bộ của Hitech, 2018
187		2	6.2.01		Quyết định giao nhiệm vụ nghiên cứu khoa học năm 2018, Số 116/QĐ-CĐCNHN, ngày 7 tháng 6 năm 2018

188		4		6.2.01	Quyết định giao nhiệm vụ nghiên cứu khoa học năm 2018, Số 116/QĐ-CĐCNHN, ngày 7 tháng 6 năm 2018
189		5	6.5.01		-Biên bản ghi nhớ về hợp tác giáo dục, nhận du học sinh và đào tạo giáo viên giữa Hitech với Đại học Kangnam, Đại học Joongbu, Đại học bách khoa KPU, Hàn Quốc
					- Biên bản ghi nhớ giữa Hitech và Hap technology JSC.Co về tuyển dụng sinh viên Hitech sau khi tốt nghiệp.
					-Hợp đồng thực tập tốt nghiệp giữa Hitech và công ty TNHH UNIDEN Việt Nam (Nhật Bản), tháng 12/2018
190	7	1		1.3.06	Quy chế tài chính, 2018.
191			7.1.01		Quyết định, thông báo thu học phí năm học 2018-2019.
192			7.1.02		Danh sách hưởng phụ cấp thâm niên nhà giáo năm 2017, 2018. Kèm danh sách CB, GV, NV đề nghị nâng lương năm 2017, 2018.
193		2	7.2.01		Báo cáo tài chính, từ năm 2017-quý 1 năm 2019
194				1.3.04	Quy chế chi tiêu nội bộ, 2018
195		3	7.3.01		Kế hoạch tiền lương 2017
196		4		7.2.01	Kế hoạch tiền lương 2017
197				1.3.04	Quy chế chi tiêu nội bộ, 2018
198		5	7.5.01		Kế hoạch hoạt động của ban kiểm soát, 2017
199		6	7.6.01		Báo cáo thực hiện kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018 và kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2019
200	8	1	8.1.01		Thông báo tuyển sinh 2017-2018, Thông báo về kế hoạch tuyển sinh, tháng 3 năm

				2019
201			1.12.02	Lịch sinh hoạt công dân cho sinh viên nhập học năm học 2017-2018
202			8.1.02	-Sổ tay sinh viên 2018
				-Quy định về công tác chủ nhiệm, 25/12/2013
				-Báo cáo công tác HSSV 2016-2018
203			8.1.03	Lịch tuần các tháng năm 2017, 2018, 2019: Lịch họp hội đồng lớp trưởng hàng tháng với mục đích:
				-Nắm bắt tư tưởng, tâm tư, nguyện vọng của sinh viên trong quá trình học tập, rèn luyện và sinh hoạt; trao đổi thông tin hai chiều và giải đáp những thắc mắc, kiến nghị của sinh viên;
				-Giúp Nhà trường có thêm thông tin để điều chỉnh trong quá trình tổ chức giảng dạy và học tập nhằm đảm bảo các quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm đối với người học; nhằm tạo điều kiện tối đa cho sinh viên trong quá trình học tập, sinh hoạt và rèn luyện.
204		2	8.2.01	DS sinh viên thuộc diện gia đình chính sách các năm 2017-2019
205				1.12.02 Lịch sinh hoạt công dân cho sinh viên nhập học năm học 2017-2018
206			8.2.02	- Đơn xin miễn giảm HP, đơn xác nhận gia đình khó khăn của SV Nguyễn Quốc Khánh và phê duyệt của HĐQT trường CĐCNHN
				- QĐ giảm HP HK2 năm 2017-2018-2019 cho sinh viên Nguyễn Quốc Khánh
207			8.2.03	Quyết định cấp học bổng cho sinh viên K9, K10, K11, K12, Trường CĐCNHN

					(Từ 2016-2019)
208		3	8.3.01		Quyết định khen thưởng cho sinh viên tốt nghiệp thuộc K9, K10, K11, K12, Trường CĐCNHN (Từ 2016-2019)
209			8.3.02		Danh sách sinh viên nhận học bổng cho thủ khoa đầu vào khóa 11, 12, và đầu vào tuyển sinh khóa 15.3
210				8.2.03	Quyết định cấp học bổng cho sinh viên K9, K10, K11, K12, Trường CĐCNHN (Từ 2016-2019)
211		4		8.1.02	Sổ tay sinh viên
212		6	8.6.01		Biên bản bàn giao thuốc và vật tư Y tế trường CĐCNHN
213			8.6.02		Danh sách sinh viên tham gia BHYT, tháng 6/2019
214				5.3.03	Quy định chung của căng tin nhà trường, năm 2017
215		7	8.7.01		KH hội thao chào mừng 88 năm ngày thành lập đoàn TNCSHCM, 2019
216			8.7.02		KH tổ chức giải bóng chuyền sinh viên năm 2018-2019
217			8.7.03		Thông báo triển khai cuộc thi: "Tìm hiểu Bộ luật hình sự năm 2015"
218			8.7.04		Báo cáo thực hiện quy chế phối hợp với cơ quan chức năng trong công tác quản lý HSSV, 2019
219		8	8.8.01		Hội thảo du học Nhật Bản, Hàn Quốc với Học sinh trường THPT Việt Hoàng, 2017
220				1.1.06	Thỏa thuận hợp tác với công ty Sơn Hà về đào tạo và nhận sinh viên thực tập làm việc, 2019
221		9	8.9.01		-Thông báo tuyển dụng của công ty TNHH DOOSUNG TECH VIETNAM
					-Thông báo tuyển dụng của công ty TNHH

					SAMSUNG Electronics Việt Nam
					-Thông báo tuyển dụng của công ty TBPT An Phát
222	9	2	9.2.01		-Kế hoạch Khảo sát hoạt động giảng dạy của giảng viên học kì 3 - khóa 10; học kì 1 - k11, Số 243/CĐCNHN-ĐT, Ngày 13 tháng 10 năm 2017
					-Kết quả Khảo sát hoạt động giảng dạy của giảng viên học kì 3 - K10; học kì 1 - k11, Số 243/CĐCNHN-ĐT, Ngày 13 tháng 10 năm 2017
223				8.1.03	Lịch họp hội đồng lớp trưởng
224		3	9.3.01		-Thông báo về việc Khảo sát ý kiến của sinh viên cao đẳng khóa 8 về chương trình đào tạo, Ngày 20 tháng 2 năm 2017
225			9.3.02		-Kết quả Khảo sát ý kiến của sinh viên cao đẳng khóa 8 về chương trình đào tạo, Ngày 20 tháng 2 năm 2017
					-Tổng hợp ý kiến phản hồi của cán bộ giảng viên tại trường Cao đẳng công nghệ Hà Nội năm học 2017-2018 về chính sách dạy và học, Ngày 30 tháng 6 năm 2017
226		4		1.8.01	Quyết định thành lập hội đồng tự kiểm định chất lượng GDNN, năm 2019
227			9.4.01		Kế hoạch tự kiểm định chất lượng GDNN trường Cao đẳng công nghệ Hà Nội năm 2019, năm 2019
228					Báo cáo tự kiểm định năm 2019
229		5		4.2.01	-TB 54 ngày 20/3/2017 về xây dựng chương trình đào tạo các ngành nghề
					TB 83 ngày 21/4/2017 về xây dựng chương trình đào tạo các ngành nghề
					-Thông báo 108/TB-HT về điều chỉnh chương trình đào tạo khóa 11, tháng

				5/2017
230			4.7.01	-Quyết định 102/QĐ-CĐCNHN, 2018 về điều chỉnh chương trình đào tạo -Thông báo 108/TB-HT về điều chỉnh chương trình đào tạo khóa 11, tháng 5/2017
				-QĐ số 199/QĐ-CĐCNHN ngày 06/11/2019 về việc sửa đổi các Khung chương trình đào tạo từ khóa tuyển sinh 2019
231			2.1.01	- QĐ số 162/QĐ-CĐCNHN ngày 8/8/2017 về ban hành chương trình đào tạo CĐ chính quy từ khóa TS 2017
				- QĐ số 136/QĐ-CĐCNHN ngày 28/6/2018 về ban hành chương trình đào tạo trung cấp
				- QĐ số 137b/QĐ-CĐCNHN ngày 28/6/2018 về ban hành chương trình đào tạo trình độ sơ cấp
				- QĐ số 285/QĐ-CĐCNHN ngày 13/12/2018 về ban hành chương trình đào tạo trình độ cao đẳng liên thông
232		6	9.6.01	Kết quả khảo sát tình hình việc làm của sinh viên khóa 8 sau 12 tháng tốt nghiệp, Số 239/BC-CĐCNHN, Ngày 24 tháng 10 năm 2018